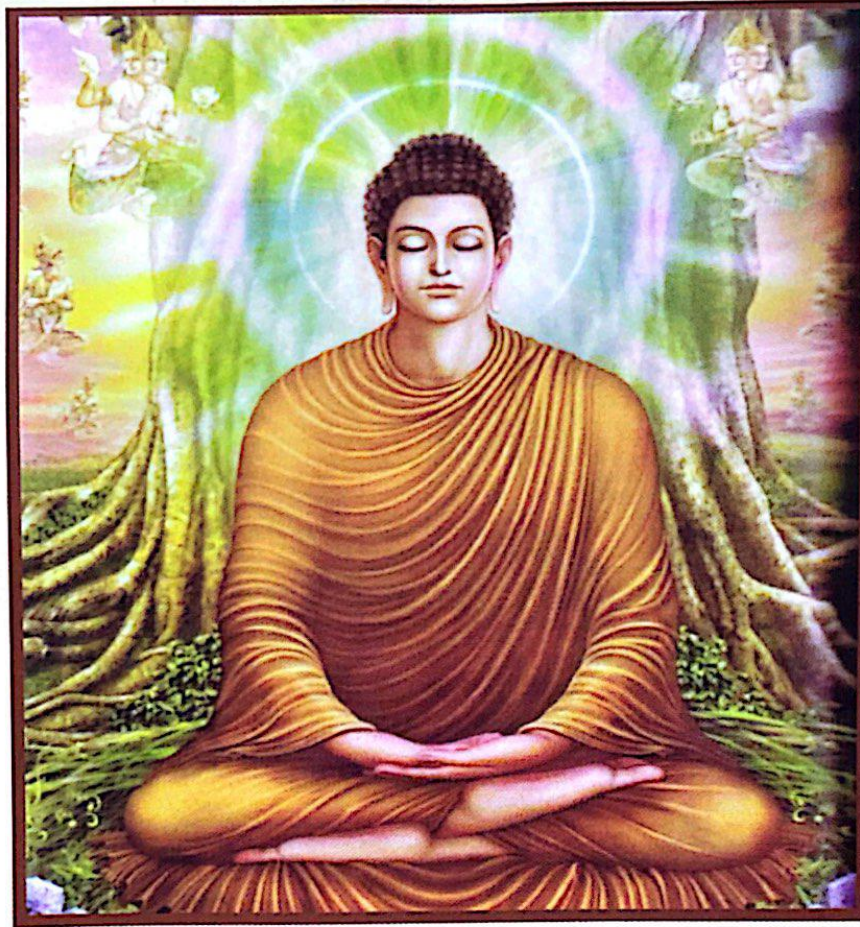


THERAVĀDA
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY



VẤN ĐÁP **MINH QUÁN NGHIỆP XỨ**

Nguyên bản
Saddhammajotika dhammācariya
Tỳ kheo Khải Minh *dịch*
(**Bhikkhu Jotivādī**)



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

— Vấn đáp —
MINH QUẢN
NGHIỆP XỬ



Văn bản
MINH QUÂN
NGHỆ XU



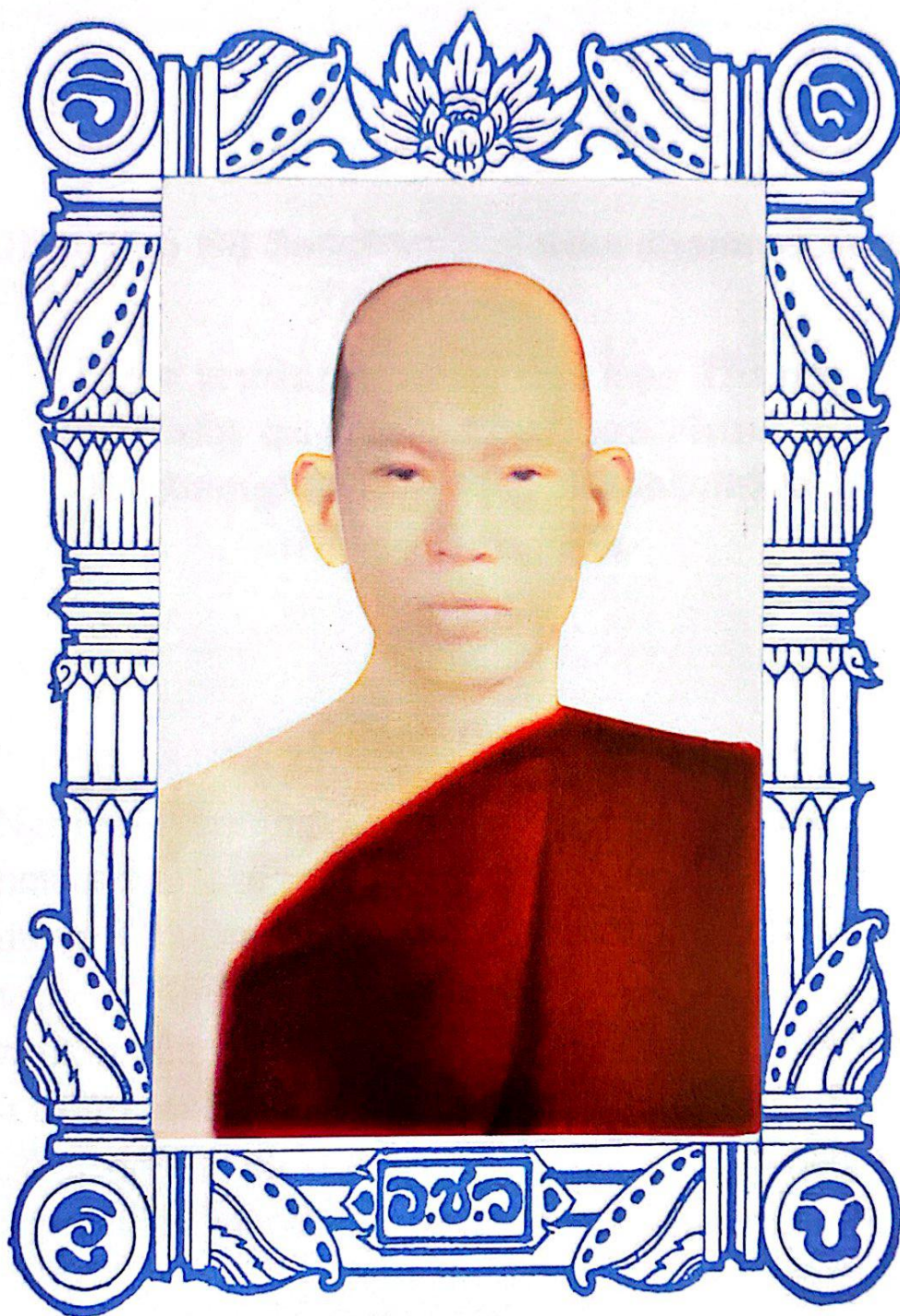
THERAVĀDA
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

— Vấn đáp —
**MINH QUÁN
NGHIỆP XỬ**

Nguyên bản
Saddhammajotika dhammācariya
Tỳ kheo Khải Minh *dịch*
(Bhikkhu Jotivāḍi)



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Giáo Thọ Sư Saddhammajotika

Vị thầy đầu tiên của đại học Thắng Pháp Jotika
Trường đại học Mahācūḷaṅkaraṇarāja và
thành lập hội đoàn Saddhammajotika.



TIỂU SỬ

**Giáo Thọ Sư Saddhammajotika dhammācariya
(2492 - 2509)**

**Hiệu trưởng trường đại học Thắng
Pháp quốc gia Thái Lan chùa
Raghamghositārāmahāvihāra
thủ đô Bangkok**

Sanh Quán

Ngài đại trưởng lão giáo thọ sư Saddhammajotika dhammācariya là người Miến Điện, sanh vào ngày thứ ba mùng 8 tháng 4 năm sữu. Nhằm ngày 13 tháng 3 Phật Lịch 2456 tại tỉnh Miên Chàn nước Miến Điện. Thân mẫu của ngài là bà Tò Tích, thân phụ là ông U Thún Miến, ngài còn có cô em gái tên là Má Chín (được ngài đưa đến sống ở nước Thái Lan) người Thái trù mến gọi cô là "Maddrī".

Học Vấn

Kể từ khi xuất gia thọ cụ túc giới ngài giáo thọ sư Saddhammajotika dhammācariya tha thiết chuyên tâm trong việc học tập. Ngài học Tam Tạng, số giải lẫn hậu số giải từ các giáo thọ sư thông suốt Tam Tạng như trưởng lão

giáo thọ sư Bhaddantakumāra là thầy giáo thọ của các vị pháp sư trụ trì chùa tại tỉnh Miên Chàn, trưởng lão giáo thọ sư Bhaddantañāṇika bậc thông suốt về hậu số giải Luật Tạng là bậc đại trí (aggamahāpaṇḍita) của tỉnh Ren Kung, trưởng lão giáo thọ sư Bhanddantavimala là thầy giáo thọ Tạng Thắng Pháp ở tỉnh Amarapura... Nhờ vào sự siêng năng cần mẫn nên ngài được các giáo thọ sư này ưu ái tận tình truyền đạt kiến thức cho. Chính vì thế ngài giáo thọ sư Saddhammajotika dhammācariya sớm có được kiến thức vượt trội từ lúc tuổi còn nhỏ đặc biệt nhất là Tạng Thắng Pháp.

Truyền Bá Trong Quốc Gia Thái Lan

Trong thời kỳ ngài trưởng lão Buddhācāraya (có thể là ngài Āsabhamahāthera) làm Tăng trưởng, khi giữ chức vụ ủy viên hội đồng trị sự Tăng già cai quản tu sĩ tại chùa Mahādhātu ở vai trò phó chủ nhiệm hội đoàn trường đại học Mahācūḷalaṇkaraṇarāja ngài trưởng lão Buddhācāraya khởi xướng mở mang việc học tập Thắng Pháp. Phật Lịch 2492 việc đề xướng được tiến hành do ngài giáo thọ sư Saddhammajotika dhammācariya xem xét thấy rằng nước Miến Điện phát triển chói sáng về đường lối Phật Giáo cả phương diện pháp học lẫn pháp hành. Ngài mới xin các vị tỳ kheo trí tuệ bậc thầy từ hội đồng giảng dạy Phật Giáo của nước liên bang Miến Điện cho ngài sang Thái Lan để mở mang Phật Giáo, và ngài giáo thọ sư Saddhammajotika dhammācariya được vị đại sứ Miến Điện thường trực tại Thái Lan thỉnh mời đến giảng dạy Thắng Pháp tại nước Thái Lan (và một vị nữa là ngài giáo thọ sư, pháp sư Tejinda).

Thành Quả Vượt Trội

Khi ngài giáo thọ sư Saddhammajotika dhammācariya lên đường đến nước Thái Lan ngài an cư mùa mưa ở chùa Parakayānanāvā tại Bangkok. Sau đó mới đến trú ngụ tại chùa Raghmaghositarāma bên cạnh tỉnh Thonpurī. Trong thời gian lưu trú tại chùa Raghmaghositarāma ngài tiến hành việc giảng dạy Thắng Pháp và sáng tác ra nhiều bộ kinh Thắng Pháp. Do không cùng ngôn ngữ nên ngài gặp rất nhiều khó khăn trong việc truyền đạt nhưng ngài không thối chí mà ngược lại còn cố gắng nỗ lực tột cùng. Ngài phải sử dụng phiên dịch và nhờ vào đệ tử đủ trình độ hiểu biết về phương diện Thắng Pháp hỗ trợ. Ngài sắp xếp cho nhóm đệ tử này trợ giúp ngài trong các công việc như chuyển ngữ và chỉnh sửa giáo trình cho việc học và dạy.

Đầu Phật Lịch 2493 ngài đã soạn thảo quyển Abhidhammasaṅgaṇīmātikā đây là cuốn giáo trình đầu tiên. Đến Phật Lịch 2494 ngài soạn thảo bộ Vị Trí (Mahāpatṭhāna), quyển này chiếm thời gian đến hơn một năm. Trong suốt thời gian 13 năm sống tại nước Thái Lan ngài soạn thảo được 25 quyển giáo trình cho việc học và dạy (20 quyển Thắng Pháp 5 quyển diễn giảng hỗn hợp liên quan đến 20 quyển Thắng Pháp như cầm nang tạo trử thiện thí, pháp làm cho thế gian được an tịnh...).

Những soạn thảo được ra đời bằng cả tấm lòng kết hợp với phương diện chuyên môn và trí tuệ tinh tấn ba la mật của ngài, như tâm nguyện của ngài *“Cho dù có trắc trở và chỉ một mình tôi gian khổ nhưng làm*

cho nhiều người khác nhận được lợi ích an lạc cả đời này lẫn đời sau thì tôi cũng vui thích chấp nhận. Tôi không mong ước gì khác ngoài thành quả hiến tặng cho đời mang đến cho tôi sớm thành tựu 10 pháp ba la mật”.

Kiến Tạo Ba La Mật Để Trở Thành Bồ Tát

Khi soạn thảo hoàn thành kết thúc các bộ kinh ngài luôn viết lên nội dung lời chú nguyện như sau:

“Idam me puññam sabbaññutaññāṇassa paccayo hoti”.

Xin cho các thiện phước đã hoàn thành của tôi hãy là mãnh lực trợ duyên cho tuệ ưu việt Toàn Giác.

Cuối Cuộc Đời

Ngài giáo thọ sư Saddhammajotika dhammācariya đã soạn thảo giáo trình cho việc dạy và học rất hoàn chỉnh, chỉ còn thiếu duy nhất quyển giải thích về minh quán (vipassanādīpanī). Thì vào Phật Lịch 2509 ngài lâm trọng bệnh do bị cao huyết áp. Ngài được đưa vào điều trị tại bệnh viện hai lần, sau đó lại tiếp tục được chuyển đến điều trị tại bệnh viện hoàng gia trong cùng tháng. Nhưng bệnh trạng của ngài không thuyên giảm mà còn trở nên trầm trọng mặc dù được các y, bác sĩ chữa trị tận tình.

Ngày 15 tháng 7 Phật Lịch 2509 ngài giáo thọ sư Saddhammajotika dhammācariya là vị lãnh đạo pháp học trường đại học Thắng Pháp của vương quốc Thái Lan đã từ trần tại bệnh viện hoàng gia do chứng cao huyết áp và hư thận. Ngài hưởng thọ được 53 tuổi.

Ngài giáo thọ sư Saddhammajotika dhammācariya đã để lại di sản vô cùng quý giá cho hàng Phật Giáo đồ trong đất nước Thái Lan. Pháp sản này được xem là di sản vĩ đại khó tìm được vì đem lại lợi ích cao thượng trong nhân giới. Là lớp người thừa hưởng lợi ích từ pháp tuệ ba la mật của ngài nên hàng môn đồ đệ tử của trường đại học Thắng Pháp vương quốc Thái Lan, chúng ta hãy hướng tâm tưởng nhớ đến công ơn của ngài rồi lập nguyện học pháp trong Phật Giáo đặc biệt về Tạng Thắng Pháp. Để đáp đền công ơn của ngài giáo thọ sư Saddhammajotika dhammācariya và cũng để xứng đáng là lớp kế thừa tiếp nối tâm huyết của ngài làm cho Tạng Thắng Pháp được tồn tại bền vững lâu dài trong Phật Giáo nhất là trên đất nước quốc giáo Thái Lan.

GIỚI THIỆU CÁC PHẦN LIÊN QUAN ĐẾN MINH QUÁN NGHIỆP XỨ

1. Vấn: Visuddhi nghĩa là gì và có bao nhiêu loại?

*** Đáp:** Visuddhi là sự thanh tịnh.

Sự thanh tịnh có 7 loại:

- 1- Giới thanh tịnh (Sīlavissuddhi).
- 2- Tâm thanh tịnh (Cittavissuddhi).
- 3- Kiến thanh tịnh (Ditṭhivissuddhi).
- 4- Đoạn nghi thanh tịnh (Kaṅkhāvitaraṇavissuddhi).
- 5- Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh (Maggāmaggañāṇadassanavissuddhi).
- 6- Hành lộ tri kiến thanh tịnh (Paṭipadāñāṇadassanavissuddhi).
- 7- Tri kiến thanh tịnh (Ñāṇadassanavissuddhi).

2. Vấn: Lakkhaṇa nghĩa là gì? Thực tánh danh sắc ngũ uẩn có bao nhiêu loại?

*** Đáp:** Lakkhaṇa là dấu hiệu tướng trạng diễn tiến thông thường của thực tánh danh sắc ngũ uẩn.

Tướng trạng có 3 loại:

- 1- Vô thường tướng (Aniccalakkhaṇa): Dấu hiệu tướng trạng diễn tiến vô thường.

2- Khổ tướng (Dukkhalakkhaṇa): Dấu hiệu tướng trạng diễn tiến khổ.

3- Vô ngã tướng (Anattalakkhaṇa): Dấu hiệu tướng trạng diễn tiến vô ngã.

3. **Vấn:** *Tùy quán (Anupassanā) nghĩa là gì và tóm lược có bao nhiêu loại?*

* **Đáp:** Anupassanā là tuệ tùy quán hay thường quán.

1- Vô thường tùy quán (Aniccānupassanā): Tuệ tùy quán danh sắc theo thực tánh vô thường.

2- Khổ tùy quán (Dukkhanupassanā): Tuệ tùy quán danh sắc theo thực tánh khổ.

3- Vô ngã tùy quán (Anattānupassanā): Tuệ tùy quán danh sắc theo thực tánh vô ngã.

4. **Vấn:** *Minh quán (Vipassanā) nghĩa là gì và 10 tuệ của Minh quán là gì?*

* **Đáp:** Minh quán là tuệ thấy rõ danh sắc ngũ uẩn.

Có 10 tuệ Minh quán:

1- Thẩm quán tuệ (Sammāsanañāṇa): Tuệ ghi nhận thấy được danh sắc.

2- Sanh diệt tuệ (Udayabbayañāṇa): Tuệ ghi nhận thấy sự sanh diệt của danh sắc theo tam tướng.

3- Hoại diệt tuệ (Bhaṅgañāṇa): Tuệ ghi nhận thấy danh sắc diệt.

4- Kinh hãi tuệ (Bhayañāṇa): Tuệ ghi nhận thấy danh sắc đáng sợ hãi.

5- Quá hoạn tuệ (Ādīnavaññāṇa): Tuệ ghi nhận thấy danh sắc là khổ tai họa.

6- Yếm ố tuệ (Nibbidāññāṇa): Tuệ ghi nhận thấy danh sắc là thực tánh đáng nhàm chán.

7- Dục thoát tuệ (Muñcitukamyatāññāṇa): Tuệ ghi nhận thấy danh sắc đáng nhàm chán rồi mong muốn thoát khỏi.

8- Trạch sát tuệ (Paṭisaṅkhāññāṇa): Tuệ tìm phương pháp để thoát khỏi danh sắc.

9- Hành xả tuệ (Saṅkhārupekkhāññāṇa): Tuệ thản nhiên trong pháp hành tức là không vui không buồn với danh sắc.

10- Thuận thứ tuệ (Anulomaññāṇa): Tuệ hướng đến Tứ Đế để tâm Đạo sanh lên không đối kháng lại Sanh diệt tuệ hay Hành xả tuệ.

5. Vấn: *Giải thoát (Vimokkha) nghĩa là gì và có bao nhiêu loại? Hành giả đạt được giải thoát bằng tuệ nào?*

*** Đáp:** Vimokkha là thực tánh giải thoát.

Thực tánh giải thoát có 3 loại:

1- Không tánh giải thoát (Suññatavimokkha): Thực tánh giải thoát bằng tuệ liễu tri Danh Sắc không cốt lõi, không phải là bản ngã.

2- Vô tướng giải thoát (Animittavimokkha): Thực tánh giải thoát bằng tuệ liễu tri Danh Sắc là vô thường.

3- Phi thuộc lụy giải thoát (Appaṇihitavimokkha): Thực tánh giải thoát bằng tuệ liễu tri Danh Sắc là khổ.

* Hành giả chứng đạt Phi thuộc lụy giải thoát bằng tuệ liễu tri Khổ tướng hiển lộ.

* Hành giả chứng đạt Không tánh giải thoát bằng tuệ liễu tri Vô ngã tướng hiển lộ.

* Hành giả chứng đạt Vô tướng giải thoát bằng tuệ liễu tri Vô thường tướng hiển lộ.

6. Vấn: *Giải thoát môn (Vimokkhamukha) nghĩa là gì và có bao nhiêu loại?*

Đáp: Giải thoát môn là phương pháp chứng đạt thực tướng giải thoát hay pháp làm nhân đắc chứng Đạo Quả.

Pháp làm nhân đắc chứng Đạo Quả có 3 loại:

1- Không tánh tùy quán (Suññatānupassanā): Tuệ tùy quán danh sắc theo thực tánh rỗng không, không phải bản ngã (trong thực tánh Vô ngã tướng).

2- Vô tướng tùy quán (Animittānupassanā): Tuệ tùy quán danh sắc theo thực tánh vô thường không có dấu hiệu bền vững thường tồn (trong thực tánh Vô thường tướng).

3- Phi thuộc lụy tùy quán (Appaṇihitānupassanā): Tuệ tùy quán danh sắc theo thực tánh khổ, không tồn tại vững chắc, không thể chịu đựng được phải hoại diệt (trong thực tánh Khổ tướng).

SỰ LIÊN QUAN CỦA 16 TUỆ MINH QUÁN VỚI THẤT TỊNH

7. **Vấn:** Người như thế nào được gọi là đầy đủ giới (sīlasampanno) tức Giới thanh tịnh?

***Đáp:** Người đầy đủ Tứ thanh tịnh giới (Catuparisuddhisīla):

1- Biện biệt giải thoát giới (Paṭimokkhasaṃvārasīla): Sự thu thúc phòng hộ tránh xa những điều mà Đức Phật cấm chế trong giới bốn paṭimokkha.

2- Quyền thu thúc giới (Indriyasaṃvārasīla): Sự thu thúc phòng hộ cả 6 quyền: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý không cho ác bất thiện phát sanh lên.

3- Nuôi mạng thanh tịnh giới (Ājīvaparisuddhisīla): Tránh xa việc nuôi mạng bất chính, chỉ nuôi mạng bằng sự trong sạch.

4- Quán tưởng thanh tịnh giới (Paccayasannissitasīla): Sự quán tưởng tứ vật dụng trước khi thọ dụng để không cho vô minh và ái dục khởi sanh khi thọ dụng.

Người nào có đủ Tứ thanh tịnh giới này người đó gọi là đầy đủ giới (sīlasampanno).

Trong hậu số giải Thanh Tịnh Đạo Visuddhimaggamahāṭikā "Sīlasampannoti catupārisuddhisīlasampadānaṃ mpanno" Người viên mãn Tứ thanh tịnh giới gọi là đầy đủ giới.

8. **Vấn:** *Người như thế nào gọi là đầy đủ Tâm thanh tịnh và Tâm thanh tịnh sanh lên do nương vào đâu? Hãy trình bày nguyên nhân?*

* **Đáp:** Người hành cho tâm đạt đến cận định (upacārasamādhī) và kiên cố định (appanāsamādhī) gọi là đầy đủ Tâm thanh tịnh.

Như trong Thanh Tịnh Đạo "Upacārasamādhī appanāsamādhī ceti duvidhopi samādhī cittavisuddhi nāma" Cận định và kiên cố định được gọi là Tâm thanh tịnh. Và Tâm thanh tịnh này sanh lên được do nương vào Giới thanh tịnh làm nền tảng.

Đức Phật thuyết trong kinh Đại Bát Níp Bàn "Sīlāparibhāvito samādhī mahapphalo hoti mahānisaṃso" Thiền định thành tựu do dựa trên nền tảng của giới, nên hằng có nhiều quả báo lợi ích.

Nơi đây ám chỉ đến sát na định (khaṇikasamādhī) sanh lên từ niệm ghi nhận danh sắc ngay trong hiện tại, không cho lãng quên rời khỏi cảnh hiện tại để phiền não (tức hiện thân của tham, sân, si) không có cơ hội sanh lên. Trong sát na tâm này được thanh tịnh vì không có mặt phiền não nên cũng được gọi là Tâm thanh tịnh.

9. **Vấn:** *Người như thế nào gọi là đầy đủ Kiến thanh tịnh (Ditṭhivisuddhi) và Kiến thanh tịnh này tương đồng với tuệ Minh quán nào và có lợi ích ra sao?*

* **Đáp:**

Người thấy bằng tuệ trong sắc thân này "Sắc là 28 sắc thực tánh, danh là 81 tâm hiệp thể và 52 tâm sở", không có sự chấp thủ tự ngã là ta mà chỉ là danh sắc.

Như thấy “Sắc là vô ký pháp không biết cảnh, danh có đặc tánh nhận thức được cảnh”.

Ví dụ, như lúc mắt nhìn thấy sắc tức các màu sắc thường biết theo thực tánh “Các màu sắc khi mắt tiếp xúc đó là cảnh sắc và sự nhận thức thấy đó là danh” không có sự chấp thủ ta là người thấy mà chỉ hiểu đó là danh, nghĩa là sự nhận thức là người thấy. Nếu chấp thủ ta là người thấy thì vẫn còn gọi là thân kiến. Khi biết rõ sự thấy là danh thì sự thấy đó đồng hành trí mới được gọi là Kiến thanh tịnh.

Tai, mũi, lưỡi, thân, tâm cũng tương tự như vậy. Nếu hiểu “Ta nghe, ta ngửi, ta nếm, ta xúc chạm” cũng vẫn bị xếp vào thân kiến vì có sự thấy sai trong danh sắc ngũ uẩn. Khi thấy bằng tuệ “Nhĩ thức là sự nghe, tỷ thức là sự ngửi, thiệt thức là sự nếm, thân thức là sự xúc chạm, ý thức là sự suy nghĩ, không phải ta nghe, không phải ta ngửi, không phải ta nếm, không phải ta xúc chạm, không phải ta suy nghĩ” mới được xếp vào Kiến thanh tịnh.

Kiến thanh tịnh này tương đồng với Danh Sắc phân tích tuệ (Nāmarūpaparicchedañña). Kiến thanh tịnh này khi sanh lên với người nào rồi thì người ấy sẽ đoạn trừ được Ngã điên đảo tưởng (Attasaññāvipallāsa) tức sự hiểu sai về thân ta được diệt đi. Nên Ngã điên đảo tưởng này là thành quả của thân kiến.

10. Vấn: Người như thế nào gọi là đầy đủ Đoạn nghi thanh tịnh (Kaṇkhāvitaraṇavisuddhi) và Đoạn nghi thanh tịnh này tương đồng với tuệ quán nào? Có ích lợi ra sao?

* **Đáp:** Người hành Minh quán biết và chấp nhận tự thể này là danh sắc rồi và hiểu nhân duyên làm cho

danh sắc sanh lên “Do nương vào cảnh sắc xúc chạm với nhĩ vật làm cho danh sanh lên tức nhĩ thức. Do phi như lý tác ý làm cho danh sanh lên là bất thiện tâm, trái lại do nương vào như lý tác ý làm cho danh sanh lên tức thiện tâm”.

Cảnh thanh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp khi đối xúc với nhĩ vật, tỷ vật, thiệt vật, thân vật, ý vật làm phát sanh nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Bất thiện hoặc thiện cũng nương sanh từ phi như lý tác ý hoặc như lý tác ý cũng đều quán xét duyên phát sanh danh sắc.

Quán xét duyên phát sanh danh sắc:

1. Do nương vào nghiệp (tâm sở tư) trong kiếp sống quá khứ tức sanh nghiệp trong lộ đồng lực cận tử thời tục sinh có sắc nghiệp tục sinh tương ứng với nghiệp đó:

- Tư trong 8 tâm tham dẫn tục sinh có sắc nghiệp như ngã quý, a tu la.

- Tư trong 2 tâm sân dẫn tục sinh có sắc nghiệp như chúng sanh địa ngục.

- Tư trong 2 tâm si dẫn tục sinh có sắc nghiệp như bàng sanh.

- Tư trong thiện bậc hạ dẫn tục sinh có sắc nghiệp như người, chư thiên, điên, khờ, câm, điếc, mù.

- Tư trong thiện bậc trung dẫn tục sinh có sắc nghiệp như người, chư thiên bậc trung.

- Tư trong thiện bậc thượng dẫn tục sinh có sắc nghiệp như người, chư thiên bậc thượng.

- Tư trong thiện sắc giới dẫn tục sinh có sắc nghiệp như phạm thiên sắc giới.

- Tư trong thiện ngũ thiên ly sắc ái (Pañcamajhānarūpa-virāgabhāvanā) dẫn tục sinh có sắc nghiệp như phạm thiên vô tưởng.

2. Do nường sanh tâm thường biểu hiện sắc tâm chuyển động như tiểu oai nghi, đại oai nghi, sắc tâm liên hệ đến sự nói, sự vui cười, sự than khóc, sự im lặng.

3. Do nường sanh nhiệt độ cả nội thân và ngoại thân làm ảnh hưởng đến hình tướng, màu da, sự khỏe mạnh, sự suy yếu sanh lên từ thân gọi là quý tiết.

4. Do nường sanh vật thực như thức ăn, nước uống làm cho mập, gầy, rắn chắc, nhanh nhẹn.

Hoặc quán xét duyên của danh sắc theo phương pháp Liên quan tương sinh (Paṭiccasamuppāda) như:

Nhân quá khứ, quả hiện tại, nhân hiện tại, quả vị lai.

Vô minh, hành, ái, thủ, nghiệp hữu trong quá khứ dẫn sanh quả thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ trong hiện tại.

Ái, thủ, nghiệp hữu, vô minh, hành trong hiện tại dẫn sanh quả thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ trong vị lai.

Khi hành giả quán xét thấy nhân duyên của danh sắc như vậy thì sự nhận biết hiển lộ càng ngày càng rõ ràng hơn trong trí. Từ đó, sự lợi ích mà hành giả nhận được là đoạn trừ hoài nghi nhân duyên của danh sắc trong ba thời và chấm dứt hoài nghi Tam Bảo. Sự dứt trừ hoài nghi về nhân duyên của danh sắc hiện hữu trong ba thời, đoạn trừ hoài nghi trong vấn đề nghiệp và quả của nghiệp làm hành giả phát sinh đức tin vững chắc trong Phật Giáo.

Khi thường quán như vậy sẽ đoạn trừ các tà kiến:

- Vô nhân kiến (Ahetukadiṭṭhi): Sự thấy sai do hiểu rằng “*Không có nhân*”.

- Phi nhân tương xứng kiến (Visamahetukadiṭṭhi): Sự thấy sai do chấp trước rằng “*Không có nhân cân xứng thích hợp*”.

- Tà kiến liên hệ hoài nghi (Kaṇkhāvimāladīṭṭhi): Sự hiểu sai do thấy rằng “*Sự vẫn đục sanh lên do hoài nghi*”.

Khi đoạn trừ được sự thấy sai và thoát khỏi hoài nghi về nhân duyên của danh sắc gọi là đầy đủ Đoạn nghi thanh tịnh. Thời điểm này phát sanh sự thanh thản nhẹ nhàng do nương vào Phật Giáo có định hướng trực chỉ Níp Bàn. Người hiểu biết trọn vẹn được danh chế định bằng Đoạn nghi thanh tịnh tức thanh tịnh thứ tư này là bậc tiểu Nhập Lưu (Cūḷasotapannā), là nhân đạt đến trung Nhập Lưu (Majjhimasotapannā) và đại Nhập Lưu (Mahāsotapannā).

Đoạn nghi thanh tịnh được thành tựu viên mãn, hành giả đó gọi là tu tiến Minh quán đến Duyên đạt tuệ. Là tuệ sanh lên thấy rõ nhân duyên sở sanh của danh sắc như đã đề cập.

11. Vấn: *Người như thế nào gọi là đầy đủ Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh (Maggāmaggañāṇadassanavisuddhi) và Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh này tương đồng với tuệ Minh quán nào?*

* **Đáp:** Hành giả vượt qua khỏi hoài nghi một cách trọn vẹn bằng Đoạn nghi thanh tịnh rồi nên quán xét về 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới, 6 môn, 6 cảnh, 6 xúc, 6 thọ, 6 tưởng, 6 tư, 6 ái, 6 tâm, 6 tứ, 32 thể trước (koṭṭhāsa),

19 quyền hiệp thế, 3 giới, 9 sanh hữu. Quán xét một hay nhiều loại như thế bằng sức mạnh của niệm tuệ cho thấy rõ vô thường, khổ, vô ngã **nương theo trí tư trước**, rồi quán xét theo ba thời bằng sự sanh diệt ghép nối nhau (santati). Hoặc quán xét theo sát na tâm và sắc trong cơ tánh bản thân.

Lúc quán xét sẽ thấy:

- Danh sắc quá khứ đã diệt trong quá khứ, không có trong hiện tại.
- Danh sắc trong hiện tại đã diệt trong hiện tại, không có trong vị lai.
- Danh sắc trong cõi trước đã diệt trong cõi trước, không có trong cõi kế tiếp.
- Danh sắc trong sát na ngồi đã diệt trong sát na ngồi, không có trong sát na đứng.
- Danh sắc trong sát na đứng cũng đã diệt trong sát na đứng, không có trong sát na đi.
- Danh sắc trong sát na đi cũng diệt trong sát na đi, không có trong sát na đứng.
- Danh sắc sanh lên trong một sát na tâm cũng diệt trong một sát na tâm đó, không có trong sát na khác.

Nương theo trí tư hỗ trợ hành giả quán xét 5 uẩn, 12 xứ... thường thấy được sự sanh lên của danh sắc nhưng chưa thấy sự diệt đi của danh sắc. Sự thấy danh sắc mới sanh lên thay thế danh sắc cũ diệt đi như vậy gọi là đang tu tiến trong Thẩm quán tuệ (Sammāsanañāṇa). Tức tuệ quán danh sắc theo tam tướng vẫn còn phải nương theo trí tư trợ giúp cho thấy như vậy thì dứt bỏ ngã chấp (atta-gāha).

Khi hành giả tu tiến Minh quán đạt đến Thẩm quán tuệ thì sự tiếp nối sanh diệt liên tục (santati) của danh sắc vẫn không dứt, bởi chỉ thấy về sự sanh lên của danh sắc mà thôi. Tiếp đến tu tiến Minh quán liên tục không thôi chuyển sẽ phát sanh tuệ thấy sự diệt của danh sắc. Tức thấy sự sanh lên của danh sắc và danh sắc đã thấy đó cũng diệt đi thay thế danh sắc khác sanh lên và trong lúc danh sắc đó diệt đi thì danh sắc mới cũng chưa sanh lên thay thế danh sắc đã diệt ngay lúc đó. Thấy theo trường hợp này gọi là thấy danh sắc cả sanh lẫn diệt, gọi theo danh từ chế định là Sanh diệt tuệ (udayabbayañāṇa).

Trong lúc hành giả hành Minh quán đến Sanh diệt tuệ còn non yếu thì 10 tùy phiền não quán như ánh sáng (okāsa), phỉ lạc (pīti)... sanh lên. Lúc tùy phiền não quán (vipassanūpakilesa) sanh lên hành giả có thể lầm tưởng “*Mình chứng đắc đạo quả*” vì trong 10 tùy phiền não này có ái chấp (nikanti). Chính sự thỏa thích dính mắc nên không thể làm cho tuệ quán phát triển tiếp tục được. Khi chánh niệm biết được pháp sanh lên đây không phải là Đạo Quả và quán xét tùy phiền não theo sự vô thường, khổ, vô ngã cho đến khi trạng thái niệm biết được tùy phiền não quán sanh lên không phải là con đường của Đạo Quả (con đường Đạo Quả tức tam tướng), như vậy gọi là Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh. Tiếp tục tu tiến Minh quán thấy rằng danh sắc sanh diệt nhanh chóng thì được liệt vào Sanh diệt tuệ già mạnh, chấm dứt được đoạn kiến (ucchedaditṭhi) tức thấy sai rằng “*Chết rồi thì diệt mất không còn nữa*”.

Hành giả tu tiến Minh quán đến Thảm quán tuệ (sammāsanañāṇa) và trải qua hai giai đoạn non yếu lẫn già mạnh của Sanh diệt tuệ (udayabbayañāṇa) rồi thì Sanh diệt tuệ này được gọi là viên mãn. Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh tương đồng với tuệ Minh quán Thảm quán tuệ và Sanh diệt tuệ sẽ đoạn trừ sự thấy sai rằng “*Thân ta là cốt lõi và chết rồi thì hoàn toàn tiêu mất*”.

12. Vấn: *Người như thế nào gọi là đầy đủ Hành lộ tri kiến thanh tịnh (paṭipadāñāṇadassanavisuddhi) và Hành lộ tri kiến thanh tịnh này tương đồng với tuệ Minh quán nào? Có lợi ích ra sao?*

* **Đáp:** Người tu tiến Minh quán vượt qua cả 10 tùy phiền não quán tuệ tri rằng đạo lộ giác ngộ và phi đạo lộ giác ngộ chỉ có một, nhưng lấy pháp hành danh sắc ngũ uẩn xuyên qua tam tướng làm cảnh mới chính là đạo lộ giác ngộ thật sự. Khi hành giả tuệ tri thấy được đạo lộ đúng như vậy rồi thì tinh cần thực hành liên tục. Khởi đầu quán danh sắc cho đến lúc thấy sự sanh diệt tức Sanh diệt tuệ. Khi tu tiến Minh quán đạt đến sự sanh diệt như vậy thì chấm dứt đoạn kiến (tức sự chết rồi hoàn toàn biến mất).

Trong tiến trình tu tiến Sanh diệt tuệ như vậy thường tuệ tri cả sự sanh diệt của danh sắc trong một sát na. Khi Sanh diệt tuệ tiếp tục được phát triển già mạnh lên bởi Minh quán có sức mạnh gấp đôi, thường chỉ thấy sự diệt đi của danh sắc chỉ trong một sát na. Khi thấy danh sắc diệt đi bằng trạng thái nhanh chóng thì sát na tuệ quán này gọi là Hoại diệt tuệ (bhangañāṇa) dứt bỏ sự thấy thường còn là thường kiến (sassadittṭhi).

Sự diệt nhanh chóng của danh sắc giống như bóng râm hay bọt nước thường làm cho hành giả phát sanh sợ hãi danh sắc (tức sự diệt đi như sự chết rất rõ ràng). Khi đó chấm dứt hoài nghi về Kinh hãi tướng (bhayasadda) tức tướng không rõ ràng trong danh sắc hoại diệt.

Từ việc thấy sợ hãi danh sắc hành giả quyết tâm tu tiến tiếp tục thì sự sợ hãi đó càng hiển lộ rõ rệt hơn lên. Đến khi thấy nguy hại của danh sắc này là nhiều tai họa khổ đau bởi do sự diệt mất tiếp diễn liên tục. Sự phân hoại như vậy thường dứt trừ Cam vị tướng (assādasāññā) tức tướng vui thích trong danh sắc.

Khi tiến tu Minh quán lại thấy danh sắc đang diệt cực kỳ nhanh chóng như vậy thường sanh lên nhàm chán trong danh sắc và dứt trừ Lạc tướng (abhiratisāññā) tức sự thỏa thích trong danh sắc.

Khi sự nhàm chán hiển lộ với hành giả càng nhiều thì sự mong muốn giải thoát khỏi thực tánh của danh sắc cũng sanh lên càng mạnh mẽ để đoạn trừ hệ lụy (amuñcitukāmabhāva) tức sự dính mắc trong dục được hoại diệt.

Khi mong muốn thoát khỏi danh sắc sanh lên với hành giả nhiều sẽ là nhân cho hành giả tìm kiếm phương pháp thoát khỏi danh sắc và đoạn trừ bằng pháp bất tạo tác (anabhisankhārakāra) làm cho sự không thẩm xét hoại đi.

Khi hành giả quán xét tìm phương pháp thoát khỏi danh sắc bằng mọi cách nhưng cũng không được. Mới ghi nhận thấy danh sắc này giống như xác chết sinh

thối mà mình phải bám víu lấy nó trong biển khổ luân hồi. Nay đã đến lúc cần phải buông bỏ đối với danh sắc vốn có đặc tánh tan rã hoại diệt, đáng nhờn gớm, không đáng bận tâm. Từ đó hành giả phát sanh tâm thản nhiên dứt bỏ bằng pháp vô cầu (anupekkhaṇa) tức thản nhiên không chấp giữ.

Khi hành giả phát sanh tuệ thản nhiên đối với pháp hành danh sắc do tìm đạo lộ thoát khỏi danh sắc mà không thoát khỏi được thì tâm có chiều hướng xuôi đến Thánh Đế, đoạn trừ tập, tác chứng diệt, tu tiến đạo. Dòng tâm không còn thô cứng bởi mãnh lực ái, mạn, kiến nữa mà sẵn sàng dứt bỏ danh sắc có thực tánh tai họa khổ đau và đáng nhàm chán để bắt lấy Níp Bàn làm cảnh. Tiếp đến có khả năng dứt trừ quan điểm đối nghịch lại với Thánh Đế Saccapaṭilomāgāha (tức sự chấp trước không hướng về Tứ Thánh Đế).

Tóm lại hành giả tu tiến cả 9 tuệ quán này được trình bày tuần tự tiếp theo như sau:

1- Sanh diệt tuệ.

2- Hoại diệt tuệ.

3- Kinh hãi tuệ.

4- Quá hoạn tuệ.

5- Yếm ố tuệ.

6- Dục thoát tuệ.

7- Trạch sát tuệ.

8- Hành xả tuệ.

9- Thuận thứ tuệ.

13. Vấn: *Người như thế nào gọi là đầy đủ Tri kiến thanh tịnh (Ñāṇadassanavisuddhi) và Tri kiến thanh tịnh này tương đồng với tuệ Minh quán nào? Có lợi ích ra sao?*

*** Đáp:** Người tu tiến Minh quán đạt đến Thuận thứ tuệ là tuệ tốt đỉnh của tuệ Minh quán hiệp thế. Đạt đến tuệ viên mãn cao tốt có khả năng dứt bỏ pháp hành tức danh sắc ngũ uẩn và bắt lấy thực tánh không phải danh sắc tức Níp Bàn. Sự diệt của Thuận thứ tuệ giống như người lấy trôn từ xa nhẩy qua khỏi bờ bên này để vượt tới bờ bên kia. Bờ bên này ví như Chuyển tộc tuệ, khi cả hai chân đặt lên bờ bên kia ví như Đạo Tuệ, và kế tiếp được đứng vững tại bờ bên kia an toàn ví như Quả Tuệ. Ngài xếp Thuận thứ tuệ và Chuyển tộc tuệ vào Hành lộ tri kiến thanh tịnh bằng phương pháp gián tiếp bởi chưa đoạn trừ sát tuyệt được phiền não (samuccheda), cho dù bắt lấy Níp Bàn làm cảnh nhưng vẫn xếp vào là hiệp thế chứ không thật sự là siêu thế.

Trong sát na Đạo Tuệ, Quả Tuệ sanh lên bởi mãnh lực bắt lấy Níp Bàn làm cảnh liễu tri khổ, đoạn trừ tập, tác chứng diệt và tám chi đạo sanh lên đầy đủ có khả năng đoạn trừ phiền não, sát tuyệt bằng sức mạnh của đạo gọi là Tri kiến thanh tịnh. Sự thanh tịnh của tuệ liễu tri Tứ Thánh Đế đối với Sơ Đạo sát tuyệt thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, cắt đứt bốn khổ cảnh, có sanh thú nhất định không quá bảy kiếp sẽ Níp Bàn được liệt vào ruộng phước của thế gian.

Khi lộ đồng lực đạo chấm dứt tiếp theo sau là lộ phản kháng khởi hiện để phản kháng Đạo, Quả, Níp

Bàn, phiền não đã dứt trừ, phiền não còn dư sót. Được xếp vào Tri kiến thanh tịnh theo phương pháp gián tiếp.

14. Vấn: *Tuệ phản kháng (Paccavekkhaṇāṇa) nghĩa là gì? Là tuệ thứ mấy và sanh lên ở giai đoạn nào? Có pháp nào làm cảnh và có bao nhiêu loại?*

*** Đáp:** Tuệ phản kháng là tuệ xem xét để nhận biết thực tánh pháp đã sanh lên. Là tuệ thứ 16 sanh lên sau khi lộ đồng lực đạo diệt đi như phản kháng lại Đạo, Quả, Níp Bàn, phiền não đã dứt trừ, phiền não còn dư sót làm cảnh.

Có 19 cách phản kháng:

Thánh hữu học như bậc Nhập Lưu, Nhất Lai, Bất Lai sau khi lộ đồng lực đạo diệt rồi thì xem xét Đạo, Quả, Níp Bàn, phiền não đã dứt trừ, phiền não còn dư sót.

Năm cách phản kháng này trong 3 bậc Thánh hữu học thì được 15 cách.

Riêng bậc A La Hán không phản kháng phiền não còn dư sót bởi vì ngài đã triệt tiêu hoàn toàn phiền não nên có 4 cách.

Tổng cộng là 19 cách phản kháng.

Đối với phiền não đã dứt trừ và phiền não còn dư sót thì một số bậc Thánh phản kháng lại, một số không phản kháng lại. Bởi do một số ngài thông hiểu pháp học và một số ngài không thông hiểu pháp học.

16 TUỆ MINH QUÁN
tương đồng với THẤT TỊNH

	1. Giới tịnh.
	2. Tâm tịnh.
1. Danh sắc phân tích tuệ.	3. Kiến tịnh.
2. Duyên đạt tuệ.	4. Đoạn nghi tịnh.
3. Thấm quán tuệ.	} 5. Đạo phi đạo tri kiến tịnh.
4. Sanh diệt tuệ (yếu).	
4. Sanh diệt tuệ (mạnh)	} 6. Hành lộ tri kiến thanh tịnh.
5. Hoại diệt tuệ.	
6. Kinh hãi tuệ.	
7. Nguy hại tuệ.	
8. Yếm ố tuệ.	
9. Dục thoát tuệ.	
10. Trạch sát tuệ.	
11. Hành xả tuệ.	
12. Thuận thứ tuệ.	
13. Chuyển tộc tuệ.	
14. Đạo tuệ.	7. Tri kiến thanh tịnh.
15. Quả tuệ.	
16. Phản kháng tuệ.	

TÌM HIỂU MINH QUÁN NGHIỆP XÚ

15. Vấn: *Minh quán nghiệp xú (Vippassanākammatthāna) nghĩa là gì và khác với Chỉ tịnh nghiệp xú (Samathakammatthāna) như thế nào?*

* **Đáp:** Minh quán nghiệp xú là lấy sự tu tiến làm nền tảng để thấu triệt sự thật của ngũ uẩn xuyên qua tam tướng bằng trí tu để liễu tri Tứ Thánh Đế và chứng đắc Đạo, Quả, Níp Bàn bằng sức mạnh của tuệ quán.

Tu tiến Minh quán nghiệp xú lấy danh sắc làm cảnh nhắm đến liễu tri sự thật của pháp hành để chứng đạt Đạo, Quả, Níp Bàn.

Thực hành Chỉ tịnh nghiệp xú phải nương vào chế định sai biệt như đề mục hoàn tịnh (kasiṇapaññati)... làm cảnh và hướng đến sự an tịnh làm cho chứng đắc thiền, thắng trí, thiền nhập, thích hợp theo đề mục tu tiến chế định. Mà không đạt được tuệ liễu tri sự thật pháp hành để chứng đắc Đạo, Quả, Níp Bàn.

Tóm lại:

Minh quán nghiệp xú là phương pháp làm phát sanh tuệ tối thượng.

Chỉ tịnh nghiệp xú là phương pháp làm phát sanh tâm vắng lặng an lạc.

16. Vấn: Trong 7 thanh tịnh, điều thanh tịnh nào là hiệp thế và điều thanh tịnh nào là siêu thế. Do nhân nào được xếp như thế?

*** Đáp:** Trong 7 thanh tịnh thì:

- Giới thanh tịnh, Tâm thanh tịnh, Kiến thanh tịnh, Đoạn nghi thanh tịnh, Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, Hành lộ tri kiến thanh tịnh **được xếp vào hiệp thế.**

- Tri kiến thanh tịnh **được xếp vào siêu thế.**

Việc sắp đặt như vậy do 6 thanh tịnh đầu có pháp hành danh sắc làm cảnh vì tâm vẫn còn bắt lấy tướng pháp hành danh sắc. Còn thanh tịnh cuối tức Tri kiến thanh tịnh bắt lấy Đạo, Quả, Níp Bàn làm cảnh vì tâm đã dứt bỏ hoàn toàn tướng pháp hành danh sắc. Đó là nguyên nhân ngài xếp 6 thanh tịnh đầu vào hiệp thế, còn thanh tịnh sau cùng vào siêu thế.

17. Vấn: Trong việc gieo trồng muốn bội thu phải tìm vùng đất phì nhiêu màu mỡ mà gieo trồng hạt giống. Còn việc đạt được thành quả trong việc tu tiến Minh quán nghiệp xứ phải nương vào đâu?

*** Đáp:** Để đạt được thành quả trong việc tu tiến Minh quán nghiệp xứ phải nương vào đức tin trong Minh quán nghiệp xứ. Ví như hạt giống tốt được gieo xuống vùng đất phì nhiêu. Ở đây hạt giống tốt được ví như đức tin, còn vùng đất giống như danh sắc. Nếu hạt giống không tốt khi gieo xuống đất thì sẽ không thể nảy mầm dù cho vùng đất đó có màu mỡ. Trong việc tu tiến Minh quán nghiệp xứ cũng vậy, nếu người tu tiến Minh

quán nghiệp xứ không thật sự có đức tin cũng không thể đạt được thành quả, ví như hạt giống đã hư dù được gieo trồng thì cũng không thể nảy mầm được. Khi có hạt giống đức tin và đất danh sắc rồi cần phải tinh cần tu tiến một trong bốn loại Đại Niệm Xứ như sau:

- 1- Thân tùy quán niệm xứ.
- 2- Thọ tùy quán niệm xứ.
- 3- Tâm tùy quán niệm xứ.
- 4- Pháp tùy quán niệm xứ.

Hoặc nhiều loại thích hợp tùy theo cơ tánh của mình.

Khi tích cực tu tiến Đại Niệm Xứ sẽ thấu đáo thực tướng của danh sắc, ví như hạt giống được gieo trồng xuống được nảy mầm cùng phát triển mạnh mẽ. Khi tinh cần tu tiến Đại Niệm Xứ liên tục trong 7 ngày đến 7 năm ví như hạt giống gieo trồng xuống chắc chắn sẽ đâm hoa kết trái, nhưng không thể xác định là thời điểm hay khoảng thời gian nào được. Bởi vì có một số ngài chỉ 7 ngày là thấu suốt được thực tánh danh sắc và triệt tiêu hoàn toàn phiền não, một số ngài hằng nhiều tháng, một số ngài hằng 2 hay 3 năm cho đến 7 năm cũng có. Và trong lúc thấu triệt thực tướng danh sắc có thể triệt tiêu hoàn toàn phiền não.

Đây gọi là thành quả của việc tu tiến Minh quán nghiệp xứ.

Do đó, nội dung chính của việc tu tiến Minh quán nghiệp xứ phải nương vào đức tin và tinh cần thì tu tiến Đại Niệm Xứ sẽ đạt được thành quả là thấu triệt thực tướng pháp chơn để chứng đắc Đạo, Quả, Níp Bàn.

18. VẤN: *Minh quán tu tiến (Vipassanābhāvanā) nghĩa là gì và hãy cho biết chi pháp của Minh quán tu tiến?*

*** ĐÁP:** Minh quán tu tiến có định nghĩa:

“Rūpādiārammaṇesupaññattiyā aniccasukhaattasubhasaññāya ca visesena nāmarūpabhājavānā vā aniccādiākāraṃ vā passatīti vipassanā”.

Pháp thấy rõ các cảnh như cảnh sắc... bằng danh sắc đặc biệt vượt ngoài chế định, bằng sự dứt bỏ danh chế định và nghĩa chế định. Và thấu triệt được các cảnh như cảnh sắc, cảnh thính, cảnh khí... viễn ly khỏi Thường điền đảo tưởng, Lạc điền đảo tưởng, Ngã điền đảo tưởng, Mỹ điền đảo tưởng, gọi là Minh quán tu tiến.

Chi pháp của Minh quán tu tiến: Tâm sở trí tuệ trong 4 tâm đại thiện tương ứng trí và 4 tâm đại tố tương ứng trí.

Một lý khác nữa:

“Pañcakkhandhesu vividhena aniccādiākārena passatīti vipassanā”.

Pháp thấu triệt ngũ uẩn bằng vô thường, khổ, vô ngã, bất mỹ; gọi là Minh quán.

Chi pháp của Minh quán tu tiến: Tâm sở trí tuệ trong 4 tâm đại thiện tương ứng trí và 4 tâm đại tố tương ứng trí.

19. VẤN: *Sự thấu rõ bằng cách đặc biệt của tuệ quán này có bao nhiêu trường hợp? Và trong trường hợp đó có định nghĩa như thế nào?*

*** ĐÁP:** Sự thấu rõ bằng cách đặc biệt của tuệ quán này có 2 trường hợp:

1- Sự thấu rõ bằng cách đặc biệt trong các cảnh hiển lộ theo đường nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý bằng danh sắc như ý nghĩa đã đề cập rồi.

Có định nghĩa: "Rūpādiārammaṇesu paññattiyā visesena nāmarūpabhāvena passatīti vipassanā".

Pháp thấu rõ các cảnh như cảnh sắc, cảnh thính, cảnh khí... xuyên qua danh sắc đặc biệt vượt khỏi chế định, gọi là Minh quán.

2- Sự thấu rõ bằng cách đặc biệt trong các cảnh hiển lộ theo đường nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý bằng vô thường, khổ, vô ngã, bất mỹ.

Như có định nghĩa: "Rūpādiārammaṇesu niccasukhaattasubhasaññāya visesena aniccādiākārena passatīti vipassanā".

Pháp thấu rõ trong các cảnh như cảnh sắc, cảnh thính, cảnh khí... bằng vô thường, khổ, vô ngã, bất mỹ loại trừ thường tưởng, lạc tưởng, ngã tưởng, mỹ tưởng, gọi là Minh quán.

20. Vấn: *Sự thấu rõ các cảnh xuyên qua danh sắc đó như thế nào?*

* **Đáp:** Các cảnh hiển lộ theo 6 môn (ngoại trừ Níp Bàn và cảnh chế định) đều là cảnh chơn đế tức danh sắc. Nhưng chúng sanh không hiểu biết trong sự diễn tiến của các cảnh đó chỉ là danh pháp sắc pháp, là căn gốc thực tánh hiển lộ của một loại pháp mà lại hiểu rằng "**Như thế này, như thế kia**", hiểu như thế gọi là chế định. Như trong lúc thấy người hay thú thì gọi là ông A, ông B hoặc chó, mèo, chim... cũng là chế định.

Hoặc trong lúc nghe tiếng, ngửi mùi, nếm vị, xúc chạm vật nào thì đặt tên là tiếng hay, tiếng không hay, mùi hôi, mùi thơm, vị chua, vị cay, mềm, cứng, nóng, lạnh sự việc này đều là chế định cả. Hoặc trong lúc nhận thức cảnh pháp bằng tâm gọi là người nam, người nữ, tốt, xấu, đúng, sai cũng là chế định mà thôi.

Sự hiểu biết chế định như đã đề cập là sự hiểu biết thông thường, không phải là sự hiểu biết đặc biệt. Nhưng nếu hiểu biết cảnh này là một loại thực tánh pháp thì không dính vào chế định. Trong lúc thấy cảnh sắc thì xác định là một loại thực tánh pháp, trong lúc nghe tiếng thì xác định là một loại thực tánh pháp, trong lúc ngửi mùi cũng xác định là một loại thực tánh pháp, trong lúc nếm vị cũng xác định là một loại thực tánh pháp, trong lúc xúc chạm bằng thân cũng xác định là một loại thực tánh pháp. Mỗi loại đó đều là thực tánh pháp của sắc pháp gọi là sắc chơn đế.

Hoặc trong lúc suy nghĩ bằng tâm liên quan đến cả năm sắc thân kinh và 16 sắc tế cũng xác định là một loại thực tánh pháp của sắc pháp cũng gọi là sắc chơn đế. Suy nghĩ đến tâm và tâm sở cả nội thân và ngoại thân cũng xác định là tâm và tâm sở nhóm này là một loại thực tánh pháp của danh pháp gọi là danh chơn đế.

Cả sắc chơn đế và danh chơn đế tức tâm và tâm sở đó không phải là thú, không phải chúng sanh, không phải người, không phải là thân ta, không phải là họ... mà chỉ là một loại thực tánh pháp. Ví như xe và thuyền là sự kết ráp bằng các vật liệu như bánh xe, trục xe, đùm, vành, cầm hoặc từng miếng gỗ, khúc gỗ đầu kết với nhau mới

gọi là xe hay là thuyền. Chúng sanh cũng vậy, danh pháp và sắc pháp là pháp cấu tạo mà thành. Do đó, sự hiểu biết cả 6 cảnh theo các thực tánh pháp như đã đề cập trên, gọi là thấu rõ cảnh sai biệt danh sắc.

21. Vấn: *Sự thấu rõ các cảnh hiện bày trong cả 6 môn là vô thường, khổ, vô ngã, bất mỹ như thế nào?*

*** Đáp:**

* Sự thấu rõ các cảnh hiện bày trong cả 6 môn là vô thường như thấy: *“Cảnh hiện bày trong đó không có sự tồn tại suốt thời gian dài mà hằng biến đổi theo nhân duyên tạo tác. Khi không thấy kịp cảnh hiện bày trước mặt bị biến đổi nên nếu cảnh đó đáng hoan hỷ thì làm cho chấp thủ, thỏa thích dính mắc trong cảnh đó, đến khi cảnh đó biến diệt thì ưu buồn, đau khổ phát sanh lên”*. Sự ghi nhận biết cảnh biến đổi vô thường là pháp thường nhiên, gọi là thấy rõ vô thường.

* Sự thấu rõ các cảnh hiện bày trong cả 6 môn là khổ như thấy: *“Tất cả chúng sanh khi gặp cảnh tốt thì làm duyên cho tham ái sanh lên ước muốn trong cảnh đó. Khi có sự ước muốn sanh lên thì có sự tâm cầu luôn bận rộn và phải vượt qua lắm chướng ngại để thực hiện ước mơ. Khi được cảnh hay vật đó rồi thì phải bảo tồn gìn giữ không cho thất thoát tiêu hoại. Trong việc tâm cầu cũng như trong việc gìn giữ phải bận tâm lo âu sầu muộn được xếp vào khổ bởi đối tượng. Và nếu không may vật đó bị rời khỏi tầm tay mình thì tiếc nuối buồn khổ phát sanh. Sự buồn khổ sanh lên được xếp vào một loại khổ. Hoặc gặp cảnh xấu cũng phát sinh sự không*

vui thích, phiền toái. Sự không vừa lòng và phiền toái này được liệt vào một loại khổ. Ngài gom sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, hội ngộ với người không thương là khổ, xa lìa người thương yêu là khổ, muốn mà không được là khổ, sầu muộn buồn phiền ta thán, không lạc thân, tâm tù túng là khổ”.

Tóm lại, chấp thủ trong cảnh có sự hiểu sai là khổ, không biết được thực tướng thông thường của pháp hành là khổ.

Khổ sai biệt được đề cập đến chính là danh pháp và sắc pháp là khổ. Sự ghi nhận biết như vậy gọi là thấu rõ các cảnh hiện bày sự khổ.

* Sự thấu rõ các cảnh hiện bày trong cả 6 môn là vô ngã như thấy: “Cảnh sắc đối xúc với thần kinh nhĩn là một loại thực tánh pháp, thần kinh nhĩn khi đối xúc với cảnh sắc cũng gọi là một loại thực tánh pháp, do nhân duyên phát sanh một loại thực tánh pháp tức nhĩn thức giới. Đặc tướng của cảnh sắc là thực tánh pháp gọi là sắc giới không phải là thân ta bền vững, bởi vì nếu bền vững thì cảnh sắc này sẽ là pháp không biến đổi mà thường tồn mãi. Nhưng thật sự cảnh sắc này sanh lên hằng biến đổi và cuối cùng thì cũng hoại diệt. Cảnh sắc như chúng sanh, người hay cây cỏ... thường sanh lên do có nhân duyên và khi chấm dứt nhân duyên rồi cũng diệt đi”.

Quán xét cho thấy các cảnh theo mỗi loại thực tánh pháp như sau:

Cảnh sắc đối xúc thần kinh nhĩn phát sanh lộ nhĩn thức.

Cảnh thanh đối xúc thần kinh nhĩ phát sanh lộ nhĩ thức.

Cảnh khí đối xúc thần kinh tỷ phát sanh lộ tỷ thức.

Cảnh vị đối xúc thần kinh thiệt phát sanh lộ thiệt thức.

Cảnh xúc đối xúc thần kinh thân phát sanh lộ thân thức.

Tâm hữu phần đối xúc cảnh pháp phát sanh lộ ý thức.

Cả cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc mỗi loại khác nhau, nhưng cũng là một loại thực tánh pháp đối xúc với nhau theo lãnh vực của mình và sẽ là nhân phát sanh thức là danh pháp. Mỗi loại cảnh đều không phải là pháp vững bền hằng gây hiểm họa với người chấp thủ, vì khi chấm dứt nhân duyên trợ cho sanh lên rồi cuối cùng thì hoại diệt. Nếu 6 cảnh thật sự là ta, là của ta thì ta sẽ được các cảnh này như mong muốn: *"Xin cho cảnh tốt vừa lòng hãy sanh lên cho tôi và tồn tại mãi mãi và cảnh xấu không thích ý đừng sanh lên với tôi"*. Thật ra các cảnh sanh lên cũng sanh lên từ nhân duyên tức thiện, bất thiện nghiệp trong quá khứ. Ta không bắt buộc hay quy định cho cảnh sanh lên theo sự mong muốn của ta. Chúng chỉ diễm nhiên sanh lên và diễn tiến theo quy luật của nhân duyên và chúng lảng lạng hoại diệt đi cũng do chấm dứt nhân duyên. Sự thấu rõ các cảnh hiện bày theo 6 môn bằng ý nghĩa này gọi là tuệ tri vô ngã.

* Sự thấu rõ các cảnh hiện bày trong cả 6 môn là bất mỹ.

Trong cả 6 cảnh thì cảnh sắc làm cho quán xét bất mỹ được dễ dàng nhất:

Cảnh sắc sanh lên nơi thân tâm của người và thú đầy đầy vật bất mỹ như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy xương, thận, tim, gan, bao tử, phổi, ruột non, ruột già, vật thực mới, vật thực cũ, óc, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ đặc, mỡ lỏng, nước mắt, nước miếng, nước mũi, chất nhờn khớp xương, nước tiểu. Tập hợp các thể bất mỹ sai biệt này lại thì gọi là người, thú. Nên cảnh sắc là sắc tướng của người hay thú cũng là vật bất mỹ không đáng yêu chiều.

Còn cảnh thanh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc quán xét bất mỹ không rõ ràng như cảnh sắc (thân thể của người và thú), nhưng cũng hướng dẫn cho quán xét bất mỹ được:

Âm thanh sai biệt như lời nói được phát xuất ra từ miệng là nơi phải chà rửa hằng ngày. Sau khi dùng vật thực lúc nào vật thực đó cũng còn dính lại chút ít nơi chân răng và kẽ răng. Nếu không chà răng súc miệng cho sạch sẽ, khi nói chuyện thì mùi hôi từ chân răng phát ra sẽ gây khó chịu cho tỷ thức của người xung quanh. Dù lời nói ra là ngữ thiện hạnh cũng vẫn xếp vào bất mỹ vì lời nói đó phát ra cùng nơi, cùng lúc với mùi hôi. Còn nếu lời nói ra là ngữ ác hạnh như lời nói thô tục, lời nói đâm thọc, lời nói dối, lời nói vô ích thì phần ghê tởm sẽ được nhân lên gấp đôi. Âm thanh này chỉ riêng biệt âm thanh của người hoặc thú mới quán xét được dễ dàng. Còn âm thanh của gió, nước chảy... các âm thanh này là pháp không xuất phát từ

thiện, bất thiện nên khó quán xét cho thấy được là vật bất mỹ.

Mùi sai biệt đối xúc với thần kinh ty cũng như vậy, nếu là mùi của người hay thú thì quán xét bất mỹ rõ ràng được. Điều này xảy ra rất nhiều trong cuộc sống quanh ta, như việc phải tắm rửa lau chùi hằng ngày của thân thể ta. Nếu muốn tẩy rửa vết dơ bẩn chỉ tắm rửa bằng nước thì chưa đủ vì mùi hôi vẫn còn. Phải dùng xà bông và thoa nước có mùi thơm mới át đi mùi bất mỹ của thân thể, nếu không mùi hôi trong cơ thể của ta sẽ làm người khác khó chịu.

Vị của vật thực cũng như vậy, dù là cao lương mỹ vị đắt tiền nhưng khi cho vào trong miệng nhai rồi nhả ra, thì không có ai có thể dùng lại được. Ngay cả vật của chính ta nhai mà nhả ra ta cũng không thể dùng lại được nói chi là đến người khác. Thức ăn khi đã vào bao tử rồi sáng sớm đi vệ sinh thải ra, thì món cao lương mỹ vị đó cũng sẽ có màu và mùi gớm ghê vô cùng.

Cảnh xúc như nóng, lạnh, mềm, cứng, căng, dòn khi xúc chạm vào thân cũng trở thành vật bất mỹ đáng nhờm gớm. Các bậc chân nhân như Đức Phật Chánh Đẳng Giác... ngài ví thân thể của người và thú giống như người bệnh hủi luôn không có sự an lạc do lở loét ngứa ngáy khắp thân. Trong lúc xúc chạm cảnh tốt đáng vừa lòng thì giống như người ngứa ngáy gãi vết thương từ chứng bệnh hủi. Sự ngứa ngáy từ các vết loét thường kích thích người bệnh hủi gãi như thế nào thì cảnh xúc đáng mong muốn vừa lòng xúc chạm thần kinh thân cũng giống như thế ấy. Người nào chấm dứt

không còn hoan hỷ trong sự xúc chạm nơi cơ tánh, ngài ví người đó như người hoàn toàn thoát khỏi bệnh hủi. Người bệnh hủi sau khi đã được bình phục được an lạc vì không có vết lở loét làm phát sanh ngứa ngứa nữa. Đương nhiên sự an lạc này khác sự thỏa mãn với cảm giác đã ngứa khi gãi của người bệnh hủi đang bị vết lở loét hành hạ. Như vậy lạc do bình phục khỏi bệnh hủi thù thắng hơn lạc của bệnh hủi phải gãi khi cơn ngứa phát sanh. Việc quán xét cảnh xúc để thấy được như người bị bệnh hủi càng ngứa càng gãi thì càng lở loét, có sự ghê tởm nhồm gớm như vậy.

Cảnh pháp tức các trạng thái khi xúc chạm thì tâm hữu phần sanh lên lộ trình tâm. Nếu cảnh pháp là thiện phát sanh lên thì không hiển lộ sự bất mỹ ghê tởm rõ ràng. Nhưng nếu trong lộ trình tâm bất thiện phát sanh lên thì ái dục, tham, sân, si, mạn kiến... sẽ phát sanh bất mỹ đáng ghê tởm vô cùng.

Bất mỹ pháp này biểu lộ qua thân môn, ngữ môn gây phiền nhiễu người khác và ngay cả chính mình cũng bị cấu uế bởi ý môn áp ủ phiền não.

Tóm lại:

Nơi đây đề cập đến sự thấu rõ các cảnh theo vô thường, khổ, vô ngã, bất mỹ để so sánh dẫn chứng mà thôi.

22. Vấn: Căn bản Minh quán (Vipassanābhūmi) nghĩa là gì? Có bao nhiêu loại? Do nhân nào người hành Minh quán nghiệp xứ phải nghiên cứu trước?

*** Đáp:** Vipassanābhūmi là căn bản để tu tiến Minh quán nghiệp xứ.

Có 6 loại:

1- 5 uẩn.

2- 12 xứ.

3- 18 giới.

4- 22 quyền.

5- Thập nhị duyên khởi.

6- Tứ Thánh Đế.

Người hành Minh quán nghiệp xứ phải học tập 6 pháp căn bản của Minh quán trước, vì nếu không học tập cho thông hiểu trước sẽ khó ghi nhận cảnh trong việc thực hành. Phương pháp để thực hành này tức học tập cho thông hiểu ngũ uẩn... bằng chính danh pháp và sắc pháp. Đối chiếu ngũ uẩn theo danh sắc giống người đi đường xa muốn đến nhiều địa điểm chưa từng đến phải căn bản đồ. Người không có bản đồ có thể đi vòng vo mất nhiều thời gian vì chỉ dựa theo sự phỏng đoán mơ hồ không căn cứ. Ngược lại, người có bản đồ thì hành trình sẽ không gặp khó khăn và không mất thời gian nhiều. Do đó, việc nghiên cứu trước rất cần thiết và đem lại lợi ích cho người hành Minh quán nghiệp xứ như đã đề cập trên.

23. Vấn: *Việc học tập căn bản Minh quán thì người hành Minh quán nghiệp xứ chỉ học 1 loại trong 6 loại hay phải học cho thông hiểu hết cả 6 loại?*

*** Đáp:** Việc học tập căn bản Minh quán chỉ học 1 loại trong 6 loại cũng được không cần phải học cho thông hiểu hết cả 6 loại. Nhưng ngài quy định cho học

cả 6 loại vì liên quan đến ngũ quyền của hành giả. Bởi vì có một số hành giả thích hợp học căn bản Minh quán về ngũ uẩn, một số thích hợp học về 12 xứ, một số thích hợp học về 18 giới, một số thích hợp học về 22 quyền, một số thích hợp học về Thập Nhị Duyên Khởi, một số thích hợp học về Tứ Thánh Đế.

Nhưng nếu nương vào phương pháp đã học tập đó thực hành Minh quán nghiệp xứ mà không phát sanh kết quả. Thì nên thay đổi nghiệp xứ khác cho đến khi thật sự phương pháp đó thích hợp với cơ tánh của mình, để việc thực hành đạt được kết quả.

Trong 6 căn bản Minh quán nghiệp xứ đó tóm lại là học tập cho thông hiểu danh và sắc.

24. Vấn: *Hãy trình bày tuệ hiện bày theo tuần tự bằng cách tóm tắt từ khi khởi sự hành Minh quán nghiệp xứ cho đến khi đạt đến tuệ cuối cùng và các tuệ này gọi chung là gì?*

*** Đáp:**

1- Danh Sắc phân tích tuệ (Nāmarūpaparicchedañāṇa): Tuệ quán ghi nhận thấy cả danh lẫn sắc.

2- Duyên đạt tuệ (Nāmarūpapaccayapariggahañāṇa): Tuệ quán ghi nhận thấy nhân duyên của danh sắc.

3- (1) Thẩm quán tuệ (Sammāsanañāṇa): Tuệ quán ghi nhận thấy danh sắc theo tam tướng.

4- (2) Sanh diệt tuệ (Udayabbayañāṇa): Tuệ quán ghi nhận thấy danh sắc hiển lộ sanh diệt.

5- (3) Hoại diệt tuệ (Bhangañāṇa): Tuệ quán ghi nhận thấy danh sắc diệt mất.

6- (4) Kinh hãi tuệ (Bhayatūpaṭṭhānañāṇa): Tuệ quán ghi nhận thấy danh sắc nguy hiểm đáng sợ hãi.

7- (5) Quá hoạn tuệ (Ādinavañāṇa): Tuệ quán ghi nhận thấy danh sắc nguy hại khổ đau.

8- (6) Yếm ố tuệ (Nibbidāñāṇa): Tuệ quán ghi nhận thấy danh sắc đáng nhàm chán.

9- (7) Dục thoát tuệ (Muñcitukamyatāñāṇa): Tuệ quán ghi nhận mong muốn thoát khỏi danh sắc.

10- (8) Trạch sát tuệ (Paṭisaṅkhāñāṇa): Tuệ quán ghi nhận phương pháp tháo gỡ mình thoát khỏi danh sắc.

11- (9) Hành xả tuệ (Saṅkhārupekkhāñāṇa): Tuệ quán ghi nhận thản nhiên với pháp hành tức là không hỷ ưu với danh sắc.

12- (10) Thuận thứ tuệ (Anulomañāṇa): Tuệ quán ghi nhận xuôi hướng theo Tứ Đế làm cho Đạo sanh lên.

13- Chuyển tộc tuệ (Gotrabhūñāṇa): Tuệ quán ghi nhận thấy Níp Bàn vượt khỏi phàm tánh.

14- Đạo tuệ (Maggañāṇa): Tuệ liễu tri Níp Bàn kiên trú trong một sát na và sát tuyệt phiền não trong cơ tánh.

15- Quả tuệ (Phalañāṇa): Tuệ thọ hưởng liễu tri thực tánh tịch tịnh Níp Bàn 2, 3 sát na.

16- Phản kháng tuệ (Paccavekkhaṇañāṇa): Tuệ thẩm xét lại thực tánh tâm Đạo, tâm Quả, Níp Bàn, phiền não đã dứt trừ, phiền não còn dư sót.

Các tuệ đề cập trên đây gọi là *Soḷasañāṇa* hay gọi là 16 tuệ quán.

25. VẤN: *9 tuệ quán và 10 tuệ quán khác nhau như thế nào? Do nhân duyên nào đôi khi ngài thuyết 9 tuệ quán, đôi khi ngài thuyết 10 tuệ quán, đôi khi ngài thuyết 16 tuệ quán?*

*** ĐÁP:** 9 tuệ quán cũng chính là 10 tuệ quán vì ngài không đề cập đến Thấm quán tuệ (*Sammasanañāṇa*) là tuệ đầu tiên của 10 tuệ quán. Khi thuyết đến tuệ này ngài bỏ đi một tuệ tức còn lại 9 tuệ quán.

Sự việc mà đôi khi ngài thuyết 9 tuệ quán, đôi khi ngài thuyết 10 tuệ quán, đôi khi ngài thuyết 16 tuệ quán do nhân duyên:

* Việc ngài thuyết chỉ 9 tuệ quán do lấy theo thanh tịnh thứ 6 tức Hành lộ tri kiến thanh tịnh (*Paṭipadāñāṇadassanavisuddhi*). Bởi do cả 9 tuệ quán như Sanh diệt tuệ ... cho đến Thuận thứ tuệ có đủ trong thanh tịnh thứ 6. Vì để làm cho thấy rõ tầm quan trọng của Hành lộ tri kiến thanh tịnh nên ngài mới thuyết 9 tuệ quán.

* Việc mà ngài thuyết giảng 10 tuệ quán do lấy theo tuệ hiệp thế sanh lên khởi đầu từ tuệ quán danh sắc theo tam tướng kể từ thanh tịnh thứ 3 tức Kiến thanh tịnh (*Diṭṭhivisuddhi*) cho đến Hành lộ tri kiến thanh tịnh (*Paṭipadāñāṇadassanavisuddhi*) là thanh tịnh thứ 6. Sở dĩ ngài thuyết 10 tuệ quán này vì để cho thấy tầm quan trọng của tuệ hiệp thế sanh lên từ thanh tịnh thứ 3 tức Kiến thanh tịnh cho đến thanh tịnh thứ 6 tức Hành lộ tri kiến thanh tịnh .

* Việc mà ngài thuyết giảng 16 tuệ quán do lấy tuệ sanh lên theo tuần tự cả hiệp thế lẫn siêu thế, kể từ tuệ quán ghi nhận thấy cả danh lẫn sắc gọi là Danh Sắc phân tích tuệ (Nāmārūpaparicchedañāṇa) cho đến tuệ thứ 13 là Chuyển tộc tuệ (Gotrabhūñāṇa) được xếp vào tuệ hiệp thế và tuệ thứ 14,15 là tuệ siêu thế. Tuệ thứ 16 sanh lên thẩm xét lại Đạo, Quả, Níp Bàn, phiền não đã sát trừ và phiền não còn dư sót được xếp vào phần hiệp thế vì dùng tâm đại thiện và tâm đại tố hiệp thế thẩm xét lại.

Do đó, ngụ ý mà ngài thuyết đến 16 tuệ quán bởi lấy theo mãnh lực của tuệ sanh lên cả hiệp thế tuệ và siêu thế tuệ.

Việc ngài thuyết giảng 9, 10, 16 tuệ quán với mục đích nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng trong mối tương quan giữa 16 tuệ quán với thất tịnh.

26. Vấn: *Hãy trình bày 7 thanh tịnh tương quan với 16 tuệ Minh quán bằng cách tóm lược?*

* **Đáp:** Việc trình bày 7 thanh tịnh tương quan với 16 tuệ quán bằng cách tóm lược như sau:

* Giới thanh tịnh (Sīlavisudhi) và Tâm thanh tịnh (Cittavisudhi) cả hai là phần đầu của tuệ quán có đức tin làm căn gốc phát sanh lên.

* Kiến thanh tịnh (Ditṭhivisudhi) tương quan với Danh Sắc phân tích tuệ (Nāmārūpaparicchedañāṇa).

* Đoạn nghi thanh tịnh (Kaṇkhāvitaraṇavisuddhi) tương quan với Duyên đạt tuệ (Paccayapariggahañāṇa).

* Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh (Maggāmaggañāṇadassanavisuddhi) tương quan với Thấm quán tuệ (Sammasanāñāṇa) và Sanh diệt tuệ (Udayabbayañāṇa) còn non yếu.

* Hành lộ tri kiến thanh tịnh (Paṭipadāñāṇadassanavisudhi) tương quan với Sanh diệt tuệ già mạnh cho đến Thuận thứ tuệ (Anulomañāṇa) và Chuyển tộc tuệ (Gotrabhūñāṇa) sanh lên kế tiếp Thuận thứ tuệ được xếp vào Hành lộ tri kiến thanh tịnh theo phương pháp gián tiếp.

* Tri kiến thanh tịnh (Ñāṇadassanavisudhi) tương quan với Đạo tuệ (Maggāñāṇa). Còn Quả tuệ (Phalañāṇa) sanh lên kế tiếp Đạo tuệ, và Phản kháng tuệ (Paccavekkhaṇañāṇa) sanh lên sau khi lộ Đạo tuệ diệt đi được xếp vào Tri kiến thanh tịnh tùy thuận nương theo.

27. Vấn: Quán pháp hành danh sắc bằng Vô thường tướng, phương pháp quán theo Thanh Tịnh Đạo (Visudhimagga) như thế nào?

* **Đáp:** Quán pháp hành danh sắc bằng Vô thường tướng theo Thanh Tịnh Đạo có phương pháp quán như sau:

- 1- Quán đặc tánh vô thường (Aniccantikato).
- 2- Quán đặc tánh vay mượn (Tavakālikato).
- 3- Quán bằng cách ghi nhận hành vi sanh diệt (Uppādavayaparicchiyato).
- 4- Quán cho thấy “Pháp hành có thực tánh phân hủy do mãnh lực bệnh khổ, già khổ, chết khổ” (Palokato).

5- Quán cho thấy “Pháp hành đang chuyển động bởi bệnh, lão, tử” (Calato).

6- Quán cho thấy “Pháp hành đôi khi có thực tánh tự hủy diệt mình, đôi khi có thực tánh hủy diệt tinh căn của người khác” (Pabhaṅgato).

7- Quán cho thấy “Pháp hành không có tồn tại lâu dài hằng buông thả lặn trôi trong nhiều nơi không xác định được” (Avato).

8- Quán cho thấy “Pháp hành có thực tánh biến đổi vô thường” (Viparināmadhammato).

9- Quán cho thấy “Pháp hành không cốt lõi” (Asārakato).

10- Quán cho thấy “Pháp hành hoại diệt suy vong trong tương lai không thể thoát khỏi được” (Vibhavato).

11- Quán cho thấy “Pháp hành chỉ là thiện, bất thiện tập hợp lại” (Saṅkhatto).

12- Quán cho thấy “Pháp hành có sự chết là cuối cùng” (Marāṇamanto).

Quán xét này nếu tính theo sự diễn tiến của 5 uẩn có 12 thực tánh như đã đề cập cũng được liệt vào sự quán xét vô thường tương $5 \times 12 = 60$ phương pháp.

28. Vấn: Quán pháp hành danh sắc bằng khổ tướng theo Thanh Tịnh Đạo (Visudhimagga) như thế nào?

*** Đáp:** Quán pháp hành danh sắc bằng khổ tướng theo Thanh Tịnh Đạo có phương pháp quán:

1- Quán theo đặc tánh khổ áp bức pháp hành thường xuyên (Abhiñhapatīḷanato).

2- Quán cho thấy “*Khổ đau như sanh khổ, già khổ... bao phủ dày vò bởi pháp hành, khó nhẫn nại chịu đựng được*” (Dukkhamato).

3- Quán cho thấy “*Pháp hành là pháp xấu xa nguy hiểm hơn các pháp*” (Dūvatthuto).

4- Quán cho thấy “*Pháp hành thường xuyên bệnh hoạn*” (Rogato).

5- Quán cho thấy “*Pháp hành là nơi xuất phát phiền não và bất mỹ sai khác, như mụn nhọt chín mủi bề ra chảy máu mủ tanh hôi*” (Gaṇḍato).

6- Quán cho thấy “*Pháp hành như mũi tên xuyên thủng khó nhổ ra*” (Sallato).

7- Quán cho thấy “*Pháp hành hội đủ các pháp xấu xa thấp kém là nơi mà bậc Thánh nhằm chán chê bai*” (Amato).

8- Quán cho thấy “*Pháp hành thường xuyên hội đủ yếu tố bệnh hoạn nên điều nào không mong muốn, không hài lòng thì pháp hành làm cho điều đó phát sanh*” (Ābādhato).

9- Quán cho thấy “*Pháp hành đa số là hiện thân của sự nguy hiểm dẫn đến sự xấu xa, rạn nứt, suy đồi*” (Itito).

10- Quán cho thấy “*Pháp hành là hiện thân của tai họa, là pháp tội tệ không từng gặp, pháp hành giành lấy để chất chứa*” (Upaddavato).

11- Quán cho thấy “*Pháp hành là nguồn gốc của các hiểm nạn*” (Bhayato).

12- Quán cho thấy “Pháp hành là hiện thân của nguy hại dính theo giày xéo khổ đau” (Upasaggato).

13- Quán cho thấy “Pháp hành không thể che chở bảo vệ một chúng sanh nào được” (Atānato).

14- Quán cho thấy “Pháp hành không chỗ ẩn náu đến khi bệnh, già, chết, và không thể tìm chỗ ẩn náu để thoát khỏi bệnh, già, chết được” (Aṇato).

15- Quán cho thấy “Pháp hành không thể là nơi nương tựa che chở cho sanh, già, chết được” (Asaraṇato).

16- Quán cho thấy “Pháp hành nhiều tội lỗi” (Ādīnavato).

17- Quán cho thấy “Pháp hành là nguồn cội của khổ đau” (Aghamūlato).

18- Quán cho thấy “Pháp hành hằng áp chế giày vò giống như người tử tội nhìn thấy người đao phủ thủ” (Vadhakato).

19- Quán cho thấy “Pháp hành cấu tạo bởi lậu hoặc phiền não” (Sāsavato).

20- Quán cho thấy “Pháp hành là miếng mồi của tử thần” (Mārāmissato).

21- Quán cho thấy “Pháp hành rối ren là nguồn cội của khổ sanh” (Jātidhammato).

22- Quán cho thấy “Pháp hành đầy dẫy khổ già theo trôi buộc” (Jāradhammato).

23- Quán cho thấy “Pháp hành nhiều khổ bệnh giày vò thống trị” (Byādhidhammato).

24- Quán cho thấy “Pháp hành có tử thần hủy diệt là cuối cùng” (Maraṇadhammato).

25- Quán cho thấy “*Pháp hành cấu tạo bởi sâu khổ tức nhiều sâu muộn phân ly*” (Sokadhammato).

26- Quán cho thấy “*Pháp hành nhiều bi khổ tức than van, khóc lóc, nước mắt tuôn trào*” (Paridevadhammato).

27- Quán cho thấy “*Pháp hành nhiều khổ não như nước nở thương tiếc*” (Upāyāsadhammato).

28- Quán cho thấy “*Pháp hành nhiều sâu bị cả nội lẫn ngoại phân*” (Saṅkilesikadhammato) và làm cho hành giả quán xét bất mỹ tướng phụ thuộc vào khổ tướng bằng trường hợp như sau:

- Quán cho thấy “*Pháp hành không là nơi khả hỷ làm cho tăng trưởng tâm của bậc thấy được nguy hại bằng tuệ nhãn được*” (Ajalañto).

- Quán cho thấy “*Pháp hành hỗn tạp mùi hôi thúi*” (Dukkagandhato).

- Quán cho thấy “*Pháp hành là thực tánh thường nhiên đáng ghê tởm*” (Jegucchato).

- Quán cho thấy “*Pháp hành bản thủ không thỏa mãn với vật chất khác*” (Paṭikūlato).

- Quán cho thấy “*Pháp hành nếu không trau chuốt chỉnh sửa thì không thích nghi sử dụng. Sự xinh đẹp không hiển hiện khi không chăm chút điểm tô. Đó là sự đánh giá của kẻ phàm nhân, nếu là bậc trí thì pháp hành lại càng không có gì tốt đẹp*” (Amaṇḍanahatato).

- Quán cho thấy “*Pháp hành hoàn toàn không tốt đẹp cho dù là chút ít*” (Virūpato).

- Quán cho thấy “Pháp hành là pháp đáng ghê tởm cả bên trong và bên ngoài, cả hạ liệt lẫn thù thắng đối với ta và người khác” (Vikacchato).

Quán 5 uẩn theo 35 tướng:

$$5 \times 35 = 175 \text{ phương pháp.}$$

29. Vấn: Quán pháp hành danh sắc bằng vô ngã tướng theo Thanh Tịnh Đạo (Visudhimagga) có phương pháp quán như thế nào?

* **Đáp:** Quán pháp hành danh sắc bằng vô ngã tướng theo Thanh Tịnh Đạo (Visudhimagga) có phương pháp quán:

1- Quán cho thấy “Pháp hành có thực tánh biến đổi sai khác, không bền vững thường tồn” (Parato).

2- Quán cho thấy “Pháp hành là pháp rỗng không vì không có thực tánh vững chắc và tốt đẹp, rỗng không khỏi thực tánh lạc và ngã không giống như tâm ghi nhận” (Rittato).

3- Quán cho thấy “Pháp hành đáng gọi là pháp vô ích, vì pháp hành rất ít an lạc và tốt đẹp” (Tacchato).

4- Quán cho thấy “Pháp hành là pháp tiêu hoại rỗng không” (Suññato).

5- Quán cho thấy “Pháp hành vô chủ vì chỉ vận hành theo lãnh vực của mình, không dưới quyền sai khiến của ai” (Asāmikato).

6- Quán cho thấy “Pháp hành là bậc có oai lực không thể uy hiếp cưỡng bức được cho dù người có

quyền lực trừng phạt quân thù cùng khắp trên quả địa cầu cũng không thể trừng phạt pháp hành được, vì pháp hành độc lập vận hành theo lãnh vực của mình. Nó đã có mặt tiềm ẩn trong đau nhức, mệt mỏi, choáng váng, già nua, chết, không tuân theo sự ngăn cấm của bất cứ ai, và cũng không có ai có thể can thiệp vào guồng quay cố hữu của pháp hành". Vì vậy nên quán cho rõ rằng không có một người nào có oai lực cưỡng bức chế ngự được pháp hành (Anissarato).

7- Quán cho thấy "*Pháp hành không phải ta vì không diễn tiến dưới quyền lực của ta*" (Asavattito).

Quán 5 uẩn theo 7 tướng: $5 \times 7 = 35$ phương pháp.

Ghi chú:

Sự quán vô thường tướng vài nơi bỏ bớt vài đoạn, còn lại 10 đoạn chính diễn tiến theo 5 uẩn: $10 \times 5 = 50$ phương pháp.

Khổ tướng cũng như vậy chỉ bỏ vài đoạn, còn lại 25 đoạn chính diễn tiến theo 5 uẩn: $25 \times 5 = 125$ phương pháp.

Vô ngã tướng cũng bỏ bớt một vài đoạn, còn lại 5 đoạn chính diễn tiến theo 5 uẩn: $5 \times 5 = 25$ phương pháp.

Như vậy, quán vô thường tướng có 50, vô ngã tướng có 25, khổ tướng có 125. Do đó, quán tam tướng thành $50 + 125 + 25 = 200$ phương pháp.

Nhưng nếu quán tam tướng theo Thanh Tịnh Đạo diễn tiến theo 5 uẩn thì có 60 vô thường tướng, 175 khổ tướng, 35 vô ngã tướng.

Tổng cộng là $60 + 175 + 35 = 270$ phương pháp.

30. Vấn: *Minh quán lực (Vipassanābala) nghĩa là gì? Có bao nhiêu trường hợp? Mỗi loại có sức mạnh ra sao?*

*** Đáp:** Minh quán lực là sức mạnh kiên cố không lay động của tuệ thấy rõ danh sắc bằng cách đối trị pháp nghịch.

Có 7 trường hợp:

1- Vô thường tùy quán lực (Aniccānupassanābala) sức mạnh kiên cố, không lay động của tuệ thấy rõ danh sắc hiển lộ theo thực tánh vô thường, bằng cách đối trị Thường tưởng.

2- Khổ tùy quán lực (Dukkhanupassanābala) sức mạnh kiên cố, không lay động của tuệ thấy rõ danh sắc hiển lộ khổ không thể chịu đựng được, bằng cách đối trị Lạc tưởng.

3- Vô ngã tùy quán lực (Anattānupassanābala) sức mạnh kiên cố, không lay động của tuệ thấy rõ danh sắc hiển lộ pháp không dưới quyền sai khiến, bằng cách đối trị Ngã tưởng.

4- Yếm ố tùy quán lực (Nibbidānupassanābala) sức mạnh kiên cố, không lay động của tuệ thấy rõ danh sắc hiển lộ pháp đáng nhàm chán, bằng cách đối trị Ái Dục làm cho hân hoan thỏa thích trong danh sắc.

5- Ly tham tùy quán lực (Virāganupassanābala) sức mạnh kiên cố, không lay động của tuệ thấy rõ danh sắc hiển lộ pháp không đáng vui thích xa lìa tham ái trong danh sắc, bằng cách đối trị Mỹ tưởng (Asubhasaññā).

6- Diệt tùy quán lực (Nirodhānupassanābala) sức mạnh kiên cố, không lay động của tuệ liễu tri Níp Bàn là pháp chấm dứt khổ có đặc tánh tịch tịnh, không có cảnh thỏa thích do ái dục, bằng cách đối trị Ái tập khởi (taṇhāsamudaya) có thực tánh diệt tiến cho vui thích danh sắc, không thể dứt bỏ sự vui thích trong danh sắc được.

7- Xả ly tùy quán lực (Paṭinissaggānupassanābala) sức mạnh kiên cố, không lay động của tuệ thấy rõ sự buông bỏ ngũ thủ uẩn, bằng cách đối trị pháp có thực tánh chấp thủ do ái và kiến.

31. Vấn: *Điên đảo pháp (Vipallāsadhamma) nghĩa là gì? Có bao nhiêu?*

* **Đáp:** Diên đảo pháp là sự thấy sai lệch thực tánh pháp xa lìa đặc tánh thật.

Có 12 thứ:

1- Thường diên đảo kiến (Niccadiṭṭhivipallāsa): Sự nhận thức danh sắc là pháp thường còn.

2- Lạc diên đảo kiến (Sukhadiṭṭhivipallāsa): Sự nhận thức danh sắc là lạc.

3- Ngã diên đảo kiến (Attadiṭṭhivipallāsa): Sự nhận thức danh sắc là bản ngã.

4- Mỹ diên đảo kiến (Subhadiṭṭhivipallāsa): Sự nhận thức danh sắc là xinh đẹp.

5- Thường diên đảo tâm (Niccacittavipallāsa): Sự nhận thức tâm là thường còn.

6- Lạc điền đảo tâm (Sukhacittavipallāsa): Sự nhận thức tâm là lạc.

7- Ngã điền đảo tâm (Attacittavipallāsa): Sự nhận thức tâm là bản ngã.

8- Mỹ điền đảo tâm (Subhacittavipallāsa): Sự nhận thức tâm là tốt đẹp.

9- Thường điền đảo tướng (Niccasaññāvipallāsa): Sự ghi nhớ danh sắc là pháp thường còn.

10- Lạc điền đảo tướng (Sukhasaññāvipallāsa): Sự ghi nhớ danh sắc là lạc.

11- Ngã điền đảo tướng (Attasaññāvipallāsa): Sự ghi nhớ danh sắc là bản ngã.

12- Mỹ điền đảo tướng (Subhasaññāvipallāsa): Sự ghi nhớ danh sắc là xinh đẹp.

32. Vấn: *Hãy trình bày tuần tự mãnh lực của 4 tâm Đạo có khả năng sát tuyệt 12 Điền đảo pháp (Vipallāsadhamma)?*

*** Đáp:**

Mãnh lực của Sơ Đạo khi sanh lên có khả năng sát tuyệt:

Thường điền đảo kiến (Niccadiṭṭhivipallāsa).

Lạc điền đảo kiến (Sukhadiṭṭhivipallāsa).

Ngã điền đảo kiến (Attadiṭṭhivipallāsa).

Mỹ điền đảo kiến (Subhadiṭṭhivipallāsa).

Thường điền đảo tâm (Niccacittavipallāsa).

Ngã điền đảo tâm (Attacittavipallāsa).

Thường diên đảo tưởng (Niccasaññāvipallāsa).

Ngã diên đảo tưởng (Attasaññāvipallāsa).

Mãnh lực của Nhị Đạo sát tuyệt hoàn toàn một Diên đảo pháp nào được hết chỉ có khả năng làm *giảm nhẹ* các Diên đảo pháp còn lại.

Mãnh lực của Tam Đạo sát tuyệt:

Mỹ diên đảo tâm (Subhacittavipallāsa).

Mỹ diên đảo tưởng (Subhasaññāvipallāsa).

Mãnh lực của Tứ Đạo sát tuyệt:

Lạc diên đảo tâm (Sukhacittavipallāsa).

Lạc diên đảo tưởng (Sukhasaññāvipallāsa).

33. Vấn: *Diên đảo pháp sanh lên có phương pháp nào có thể làm cho giảm nhẹ được, xin hãy chỉ dẫn cho phương pháp và dẫn chứng?*

*** Đáp:** Phương pháp có khả năng làm cho Diên đảo pháp giảm nhẹ phải dùng như lý tác ý (yonisomānasikāra) thẩm xét cho thấy bằng phương pháp Minh quán như ghi nhận *“Tất cả các pháp là bất mỹ không tốt đẹp, là khổ không an lạc hạnh phúc, là pháp vô thường không bền vững thường xuyên biến hoại và diễn tiến theo quyền lực của nhân duyên không dưới quyền sai khiến theo như ý muốn”*. Khi như lý tác ý làm cho thấy được hiển lộ nơi tâm thì có khả năng diệt trừ Diên đảo pháp đối nghịch cho giảm nhẹ bớt, nhưng không sát tuyệt trong cơ tánh. Nếu sát tuyệt phiền não phải nương vào tâm Đạo.

Đức Phật tán thán như lý tác ý bằng cách thuyết giảng cho chư tỳ kheo: “Yonisomānasikāro bhikkhave mahato atthāya samvattati” Này các tỳ kheo! Như lý tác ý thường đưa đến lợi ích lớn”.

Quả báo như lý tác ý như sau:

- 1- Là pháp diệt trừ hoài nghi.
- 2- Là pháp ngăn chặn bất thiện không cho sanh lên.
- 3- Làm cho thiện pháp phát sanh lên viên mãn.
- 4- Làm cho Chánh Kiến tăng trưởng vững chắc.
- 5- Làm cho Chánh Pháp phát triển vững bền.

34. Vấn: *Điên đảo pháp (Vipallāsadhamma) thường sanh lên như thế nào?*

* **Đáp:** Diên đảo pháp thường sanh lên do phi như lý tác ý (ayonisomānasikāra). Phi như lý tác ý sẽ làm nhân duyên cho Diên đảo pháp sanh lên.

- Khi ghi nhận danh sắc là pháp không tốt đẹp, lại cho rằng là pháp tốt đẹp nên làm nhân cho phát sanh lên:

Mỹ diên đảo tưởng.

Mỹ diên đảo tâm.

Mỹ diên đảo kiến.

- Do ghi nhận danh sắc là khổ, lại cho rằng là lạc nên làm nhân cho phát sanh lên:

Lạc diên đảo tưởng.

Lạc diên đảo tâm.

Lạc diên đảo kiến.

- Do ghi nhận danh sắc là vô thường, lại cho rằng là thường còn nên làm nhân cho phát sanh lên:

Thường diên đảo tướng.

Thường diên đảo tâm.

Thường diên đảo kiến.

- Do ghi nhận danh sắc là vô ngã, không phải là bản ngã lại cho rằng là bản ngã nên làm nhân cho phát sanh lên:

Ngã diên đảo tướng.

Ngã diên đảo tâm.

Ngã diên đảo kiến.

35. VẤN: *Những pháp nào làm nhân cho Diên đảo pháp phát sanh lên? Và pháp nào che lấp tam tướng?*

* **ĐÁP:** Do không hiểu biết thực tướng pháp tức là vô thường, khổ, vô ngã, bất mỹ nên làm cho Diên đảo pháp phát sanh lên.

Pháp che lấp làm cho không biết được thực tánh thật của tam tướng:

1- Liên tục luân lưu (Santati): Sự liên tục luân lưu che lấp vô thường, không cho thấy được sanh diệt của danh sắc sanh lên nối tiếp nhau nhanh chóng.

Khi học tập về thực tướng của danh sắc mới thấy: *“Sự luân lưu liên tục của danh sắc với danh sắc thành một, sanh lên rồi diệt, rồi danh sắc mới nữa cũng sanh lên rồi diệt thành một chuỗi giống nhau, thật ra không phải chỉ đơn thuần là một”*. Ví như khi kéo dài một đoạn

phim, thoát nhìn sẽ thấy hình ảnh diễn tiến tiếp nối rất giống nhau, nhưng nếu khéo để ý sẽ thấy một vài chi tiết khác nhau. Cũng vậy, cho dù oai nghi của một người thật giống nhau, nhưng khi khéo theo dõi sẽ thấy oai nghi liên tục biến đổi không giống như oai nghi đầu.

Khi học tập đến danh sắc, ta sẽ biết sự tồn tại thật chớp nhoáng của mỗi loại danh cũng như mỗi loại sắc như thế nào. Ta sẽ thấy bằng tuệ rằng *“Chỉ trong một giây danh sắc sanh diệt hàng trăm ngàn lần và trong lúc danh sắc cũ diệt đi thì danh sắc mới cũng sanh lên nối tiếp nhau cho đến khi mệnh chung thì chấm dứt”*. Bởi vì hiểu sai về thực tánh sanh diệt của danh sắc, nên ta cho rằng sự nối tiếp giống nhau như là một. Ví như khi nhìn cây nhang được thắp sáng quay tròn trong đêm tối. Chúng ta chỉ thấy một vòng sáng liên lạc nhau. Thật ra đóm lửa của cây nhang đang quay di chuyển từ điểm này sang điểm khác liên tục, liên tục nhanh. Đóm lửa sáng ở điểm này sanh lên rồi diệt đi trước khi tới điểm kế, đóm lửa ở điểm kế mới sanh lên sau không phải sanh đồng thời với đóm lửa trước. Nên quán xét sự sanh diệt của đóm lửa di chuyển từ điểm này sang điểm khác ráp lại thành vòng tròn giống như một vòng lửa được khép kín. Theo tính cách này thì sẽ thấy “santati”, sự liên tục luân lưu tiếp nối nhau giống như danh sắc sanh lên bên trong ta. Khi phát sanh tuệ thấy rõ đặc tánh liên tục luân lưu tiếp nối rồi sẽ dứt trừ sự thấy sai “Danh sắc là thường còn bền vững trường cửu, không biến đổi”.

2- Oai nghi (Iriyapatha): Oai nghi che đậy làm cho không thấy được khổ vì không ghi nhận được cảm thọ

sanh lên. Khi đau nhức thì sự đau nhức trong oai nghi cũ sẽ làm cho nhận thấy hiện thân của khổ thọ trước tiên. Nếu không ghi nhận được khổ thọ sanh lên trong oai nghi cũ mà vội vàng thay đổi oai nghi và cũng không quán xét đến nguyên nhân phải thay đổi oai nghi thì sẽ không nhận ra là chính mãnh lực khổ thọ thúc ép nên phải thay đổi oai nghi. Và cũng chính điều này làm cho không thấy được khổ hiện bày bằng chính niệm tuệ.

Gọi là oai nghi che đậy khổ tức thay đổi oai nghi mà không xác định trước được nguyên nhân nên không thấy khổ thọ bằng chính niệm tuệ. Khi không xác định được nguyên nhân như vậy, sẽ là nơi sanh lên tham sân tức hỷ ưu. Như thích thú trong oai nghi mới và không hài lòng trong oai nghi cũ. Sự thích thú trong oai nghi mới khi trải qua tích tắc thời gian sẽ diệt đi thay thế vào đó sự không hài lòng. Khi không hài lòng thì muốn thay đổi oai nghi mới nữa và oai nghi mới sanh lên sự thích thú thì sự không hài lòng đang có cũng diệt đi cùng với oai nghi cũ.

Tóm lại, mỗi oai nghi nếu không khéo tác ý tương ưng trí tuệ sẽ bị tham sân chi phối sanh lên. Nếu tuệ tri khổ thọ trong mỗi oai nghi như oai nghi đi trước sẽ phải thay đổi bởi oai nghi sau, như thế sẽ làm cho hiểu được nguyên nhân phải bị thay đổi là do khổ bức ép. Như vậy sẽ dứt trừ được sự thấy sai bởi Lạc điên đảo tướng (Sukhavipallāsa) tức thấy danh sắc là an lạc.

3- Thuần khối định kiến (Ghanasaññā): Thuần khối định kiến che đậy vô ngã không cho thấy danh sắc

theo thực tánh thật tạo nên nhận thức “*Là chúng sanh, người, thân ta*”. Thật ra, chúng sanh, người, thân ta đây là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn kết tác lại mà thành bởi mãnh lực của vô minh, ái, thủ, nghiệp, vật thực, xúc. Nếu không có vô minh, ái, thủ, nghiệp, vật thực, xúc thì sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn hiện bày do chấp thủ là chúng sanh, người sẽ không bao giờ có.

Khi quán xét theo thực tánh thật của danh sắc theo nhóm rồi phân tích tỉ mỉ ra cho hiểu được bằng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới, 22 quyền, 4 Thánh Đế, để lãnh hội cả nhân quả và nhân duyên làm phát sanh danh sắc. Thì dứt trừ sự thấy sai do chấp thủ chúng sanh, người, thân ta là hiện thân của thân kiến hay gọi là Ngã điên đảo (*Attavipallāsa*). Nhưng nếu không học tập quán xét danh sắc cho hiểu được nguyên nhân thì không chia chẻ hoặc phân tích danh sắc ra được. Mà sẽ hiện bày thân ta, chúng sanh, người gọi là Thuần khối định kiến (*Ghanasaññā*). Làm che đậy vô ngã, không cho thấy được thực tánh pháp sanh lên từ các pháp sai khác kết hợp tác thành và làm cho thấy sai danh sắc là ngã kiến.

36. Vấn: 18 Tùy quán (*Anupassanā*) là gì?

*** Đáp:** Pháp Tùy quán có 18 loại:

1- Vô thường tùy quán (*Aniccānupassanā*): Tuệ tùy quán danh sắc vô thường.

2- Khổ tùy quán (*Dukkhānupassanā*): Tuệ tùy quán danh sắc khổ, không thể chịu đựng được.

3- Vô ngã tùy quán (Anattānupassanā): Tuệ tùy quán danh sắc vô ngã, không dưới quyền sai khiến.

4- Yếm ố tùy quán (Nibbidānupassanā): Tuệ tùy quán danh sắc hiển lộ đáng nhàm chán.

5- Ly tham tùy quán (Virāgānupassanā): Tuệ tùy quán danh sắc không đáng ưa thích và ly tham ái trong danh sắc.

6- Diệt tùy quán (Nirodhānupassanā): Tuệ tùy quán danh sắc do thấy rõ sự diệt mất.

7- Xả ly tùy quán (Paṭinissaggānupassanā): Tuệ tùy quán danh sắc bằng sự buông bỏ ngũ thủ uẩn.

8- Đoạn tùy quán (Khayānupassanā): Tuệ tùy quán danh sắc suy vong.

9- Hoại tùy quán (Vayānupassanā): Tuệ tùy quán danh sắc chấm dứt.

10- Biến tùy quán (Vipariṇāmānupassanā): Tuệ tùy quán danh sắc biến diệt thay đổi.

11- Vô tướng tùy quán (Animittānupassanā): Tuệ tùy quán danh sắc không hiện tướng.

12- Phi thuộc lụy tùy quán (Appaṇihitānupassanā): Tuệ tùy quán danh sắc không là nơi nương của ái dục.

13- Không tánh tùy quán (Suññatānupassanā): Tuệ tùy quán danh sắc rỗng không.

14- Thượng tuệ pháp tùy quán (Adhipaññadhammānupassanā): Tuệ tùy quán danh sắc do thấy rõ bằng tuệ tăng thượng.

15- Quá hoạn tùy quán (Ādinavānupassanā): Tuệ tùy quán danh sắc nguy hại.

16- Như thật tri kiến tùy quán (Yathābhūtañāḍaṁ assanānupassanā): Tuệ tùy quán như thật tri kiến từ bỏ được các hôn kiến là hoài nghi về bản ngã và kiến chấp về thượng đế.

17- Trạch sát tùy quán (Paṭisankhānupassanā): Tuệ tùy quán danh sắc bằng phương pháp thoát khỏi danh sắc.

18- Ly luân tùy quán (Vivaṭṭānupassanā): Tuệ tùy quán thực tánh phi nghiệp luân hồi. Tức không có pháp hành, tư, vô minh, ái dục, thủ, danh sắc... là thực tánh tịnh lạc, là nơi chấm dứt khổ tức Níp Bàn.

Cả 18 pháp Tùy quán này có ý nghĩa khác với Minh quán lực (Vipassanābala).

Minh quán lực nói đến mãnh lực sanh lên từ sức mạnh của tuệ quán, nhưng mỗi loại có sức mạnh kiên cố, không lay động bởi pháp đối nghịch lại với mình. Như vô thường tùy quán lực hằng kiên cố, không lay động bởi đối nghịch pháp thường tướng. Khổ tùy quán lực hằng kiên cố, không lay động bởi đối nghịch pháp lạc tướng...

Còn tùy quán (anupassanā) nói đến thực tánh của trí tuệ có phận sự thường quán hay tùy quán danh sắc hoặc thực tánh Níp Bàn hiện bày theo bản chất thật, nhưng không có khả năng bành trướng sức mạnh của tùy quán.

Mỗi pháp đó đều có mãnh lực hủy diệt đối nghịch pháp hoặc không lay động với đối nghịch pháp.

Minh quán lực được ngài thuyết riêng rẽ từ điều 1 đến điều 7 không thuyết thêm điều thứ 8 tức Ly

luân tùy quán (Vivattānupassanā). Vì có ý nghĩa diễn tiến tương tự, tức đề cập đến Níp Bàn.

37. Vấn: *Hãy trình bày tiên sự (pubbakicca) đối với người nào hành Minh quán nghiệp xứ theo tóm tắt từ lúc khởi đầu cho đến ngày thực hành?*

*** Đáp:** Tiên sự (pubbakicca) đối với người nào hành Minh quán nghiệp xứ:

1- Phải học tập căn bản Minh quán (Vipassanābhūmi) tức 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới, 22 quyền, Thập Nhị Duyên Khởi, Tứ Thánh Đế. Người hành Minh quán nên học một hoặc nhiều loại thích hợp với cơ tánh để làm kim chỉ nam chỉ dẫn cho thông hiểu trước khi thực hành.

2- Phải gìn giữ giới phẩm của mình cho thanh tịnh. Nếu là cư sĩ thì phải có 5 giới, bát trì mạng giới (ājīvattṭhamakasīla). Nếu là bậc xuất gia thì phải có 8 giới, 10 giới, 227 giới.

3- Phải từ bỏ 10 pháp bận tâm (palibodha):

- 1- Không bận tâm về chỗ ở, trú xứ.
- 2- Không bận tâm về dòng họ.
- 3- Không bận tâm về lợi lộc.
- 4- Không bận tâm về đoàn thể (hội chúng).
- 5- Không bận tâm về công việc.
- 6- Không bận tâm về sự đi đường.
- 7- Không bận tâm về quyền thuộc.
- 8- Không bận tâm về bệnh hoạn.

9- Không bận tâm về sự học tập.

10- Không bận tâm về việc thị hiện thân thông và bảo tồn thân thông.

4- Tìm cầu thiện bằng hữu (kalyāṇamitta) chỉ dẫn, tức thầy giáo thọ hội đủ 7 ân đức:

1- Là bậc đáng tịnh tín kính mến.

2- Là bậc đáng tôn trọng.

3- Là bậc đáng khen ngợi.

4- Là bậc có khả năng huấn luyện chỉ dạy.

5- Là bậc khiêm tốn chấp thuận sự nhắc nhở của bạn đồng phạm hạnh, môn đồ.

6- Là bậc có khả năng giảng giải pháp thâm sâu.

7- Là bậc không bị lôi kéo vào điều không lợi ích.

5- Học tập nghiệp xứ theo sự chỉ dẫn thực hành đúng theo cơ tánh của mình trước.

6- Từ bỏ 18 trú xứ trở ngại cho việc thực hành như:

1- Trú xứ lớn quá.

2- Trú xứ vừa mới xây cất lên.

3- Trú xứ hư nát, cũ kỹ.

4- Trú xứ gần đường lộ.

5- Trú xứ gần hồ nước.

6- Trú xứ gần giếng nước.

7- Trú xứ gần vườn rau cải.

8- Trú xứ gần vườn bông.

9- Trú xứ gần vườn cây ăn trái.

10- Trú xứ gần hội trường.

11- Trú xứ gần thành phố.

12- Trú xứ gần nơi đón củi.

13- Trú xứ gần ruộng rẫy.

14- Trú xứ gần bến xe, bến tàu.

15- Trú xứ mà không có người tin tưởng Phật Giáo.

16- Trú xứ gần biên giới.

17- Trú xứ có sự tai họa do dạ xoa và trộm cướp.

18- Trú xứ không có thiện bằng hữu.

7- Ở trú xứ thuận lợi cho việc thực hành hội đủ 5 chi phần như:

1- Không xa lắm.

2- Không gần lắm.

3- Không ồn ào náo nhiệt.

4- Không thiếu thốn tứ vật dụng.

5- Không thiếu vắng bậc đa văn trì luật.

8- Cắt đứt các điều bận tâm nhỏ nhặt liên quan đến thân thể như:

Cắt móng tay, cạo râu, cạo tóc, may vá y phục cho chỉnh tề và giặt giũ y phục sạch sẽ, vật thực, chỗ nằm và chỗ ngồi cho ngăn nắp. Để không phiền toái trong lúc thực hành.

Khi đã học tập thực hành 8 tiên sự theo chỉ dẫn rồi, đến ngày thực hành đi đến nơi trú xứ của thiện bằng hữu như thầy giáo thọ để được chỉ dẫn.

Nên chú tâm phát nguyện trước Tam Bảo như tụng kinh, đánh lễ Tam Bảo rồi cúng dường sinh mạng cho Tam Bảo và thầy giáo thọ mà ta vững tin rằng có thể che chở bảo vệ và hướng dẫn Minh quán nghiệp xứ cho ta được.

Khi phó thác sanh mạng cho Tam Bảo và thầy giáo thọ rồi, nên xin đề mục nghiệp xứ nơi thầy giáo thọ. Khi ngài hướng dẫn thực hành như thế nào thì phải nên ghi nhớ cho rõ ràng.

Sau đó trở về trú xứ của mình, phát nguyện thực hành cúng dường bậc Chánh Đẳng Chánh Giác để giải thoát khổ. Nên rải tâm từ đến tất cả bậc ân đức như cha mẹ, thầy tổ và các bậc có ân nghĩa suốt cho đến chư thiên hộ trì Phật Giáo. Rồi chú nguyện cho vững chắc mạnh mẽ *“Nếu không đắc chứng quả như mong muốn trong lúc nào thì sẽ không từ bỏ tinh cần trong lúc đó, dù cho phải bỏ sinh mạng này”*.

Kế tiếp nên đi đến đánh lễ Tam Bảo, thầy giáo thọ và chư thiên hộ trì Phật Giáo xin bảo hộ cho tránh khỏi sự rủi ro tai hại, sự cản trở trong việc thực hành cho đến khi giác ngộ pháp theo ước muốn.

Sau cùng rải tâm từ cho chính mình và tất cả chúng sanh trong khắp thế giới một lần nữa, rồi nghiêm túc thực hành theo lời chỉ dẫn của thầy giáo thọ.

38. Vấn: *Trong lúc đang thực hành Minh quán nghiệp xứ nên giữ mình như thế nào gọi là giữ mình cho đúng?*

*** Đáp:** Trong lúc đang thực hành Minh quán nên hành theo lời chỉ dẫn của thiện bằng hữu và tránh xa

trú xứ không an lạc cho việc thực hành. Nên chọn lựa trú xứ an lạc với việc thực hành tức trú xứ nào đi đến thực hành mà tâm tấn hóa tăng trưởng thì nên ở lại trú xứ đó, còn trú xứ nào đi đến thực hành mà tâm bị thoái giảm thì nên tránh xa trú xứ đó.

Chỉ nên giao tiếp gặp gỡ thiện bằng hữu hay cùng hành giả với nhau. Và nên tránh xa lời nói không thích hợp, chỉ nói lời cần thiết cho việc thực hành để thấu đáo sự thật trong việc thực hành.

Trú xứ nào nên đến hay không nên đến hãy xác định rõ, vì trú xứ không nên đến làm cho tâm không định tĩnh phóng dật, nên đi đến trú xứ làm cho tâm định tĩnh và tấn hóa thêm lên trong việc thực hành Minh quán.

Trong lúc đang thực hành nên thẩm xét lại phương pháp thực hành, vật thực, thời tiết luôn cả pháp nào làm cho tâm tấn hóa hay thoái hóa. Nên an trú vào phương pháp thực hành, vật thực, thời tiết và pháp làm cho tâm thấu đáo tỏ tường. Và nên nhanh chóng tránh xa phương pháp thực hành, vật thực, thời tiết và pháp làm cho tâm vẫn đục hôn ám không sáng suốt.

Trong lúc đang tiến hành tu tiến phát sanh tâm chán nản thì nên nâng tâm cho dũng mãnh lên, khi nào tâm phóng dật thì nên điều tiết cho tâm an tịnh, khi nào tâm tiến hành đúng phương pháp thì hướng tâm quán theo đúng phương pháp như lý tác ý. Ví như người xà ích thiện xảo điều khiển xe đi đến được nhiều nơi.

Sự giữ mình theo trường hợp đã đề cập trên, gọi là giữ mình theo lẽ chánh.

39. Vấn: Niệm xứ (Satipatthāna) nghĩa là gì và có bao nhiêu loại?

* **Đáp:** Niệm xứ là pháp trú niệm tức đạo lộ bậc nhất để tịnh khiết hóa chúng sanh, vượt khỏi sầu bi, đoạn tận khổ ưu để chứng đắc pháp nên chứng và giác ngộ Níp Bàn.

Niệm xứ có 4:

1- Thân tùy quán niệm xứ (Kāyānupassanāsati patthāna): Niệm quán ghi nhận thân như hơi thở ra hơi thở vào, đại oai nghi, tiểu oai nghi... làm cảnh để thấy “*Thân này chỉ là thân, không phải chúng sanh, người, thú, thân ta, họ...*”.

2- Thọ tùy quán niệm xứ (Vedanānupassanāsati patthāna): Niệm quán ghi nhận thọ như thọ lạc, thọ khổ, thọ xả làm cảnh để thấy “*Thọ chỉ là thọ, không phải chúng sanh, người, thú, thân ta, họ...*”.

3- Tâm tùy quán niệm xứ (Cittānupassanāsati patthāna): Niệm quán ghi nhận tâm ô nhiễm như tâm tham, tâm sân, tâm si... và tâm thanh tịnh như tâm vô tham, tâm vô sân, tâm vô si... làm cảnh để thấy “*Tâm chỉ là tâm, không phải chúng sanh, người, thú, thân ta, họ...*”.

4- Pháp tùy quán niệm xứ (Dhammānupassanāsati patthāna): Niệm quán ghi nhận pháp thiện, pháp bất thiện, pháp triền cái, pháp giác chi... làm cảnh để thấy “*Pháp chỉ là pháp, không phải chúng sanh, người, thú, thân ta, họ...*”.

40. VẤN: Do nhân nào Đức Phật chế định niệm xứ chỉ có 4 loại?

*** ĐÁP:** Đức Phật chế định niệm xứ chỉ có 4 loại vì đời sống của chúng sanh phần nhiều có sở hành hiện hữu qua 4 cách:

1- Một số người có sở hành hiện hữu do mãnh lực tham ái nhiều.

2- Một số người có sở hành hiện hữu do mãnh lực tham ái ít.

3- Một số người có sở hành hiện hữu do tà kiến nhiều.

4- Một số người có sở hành hiện hữu do tà kiến ít.

Đức Phật có tâm đại bi đối với tất cả chúng sanh, ngài muốn tế độ cứu giúp chúng sanh thoát khổ, nên ngài chế định ban bố Tứ Niệm Xứ liên quan từ sở hành hiện hữu của tất cả chúng sanh qua đặc tánh thường có theo bốn cách. Ví như thần dược có công năng diệt trừ căn bệnh trầm kha, tức diệt trừ nhóm phiền não của bốn nhóm người cho giảm bớt khổ hoặc chấm dứt khổ trong cơ tánh để đạt đến bất tử Níp Bàn.

Do nương vào nguyên nhân đã đề cập trên, Đức Phật mới chế định bốn niệm xứ đem lại tịnh lạc cho chúng sanh.

41. VẤN: Trong Tứ Niệm Xứ có tất cả bao nhiêu phần?
Hãy trình bày theo tuần tự?

*** ĐÁP:** Trong Tứ Niệm Xứ có tất cả 13 phần, được trình bày theo nhóm:

1- Thân tùy quán niệm xứ (Kāyānupassanāsaṭipatṭhāna):

Có 6 nhóm:

- 1- Nhóm hơi thở (Anāpānapabba).
- 2- Nhóm oai nghi (Iriyāpathapabba).
- 3- Nhóm tỉnh giác (Sampajaññapabba).
- 4- Nhóm thể trước (Paṭikūlapabba).
- 5- Nhóm tứ đại (Dhātupabba).
- 6- Nhóm tử thi (Navasīthikāpabba).

2- Thọ tùy quán niệm xứ (Vedanānupassanāsaṭipatṭhāna):

Có một nhóm tức là nhóm thọ.

3- Tâm tùy quán niệm xứ (Cittānupassanāsaṭipatṭhāna):

Có một nhóm tức là nhóm tâm.

4- Pháp tùy quán niệm xứ (Dhammānupassanāsaṭipatṭhāna):

Có 5 nhóm:

- 1- Nhóm triền cái (Nīvaraṇapabba).
- 2- Nhóm uẩn (Khandhapabba).
- 3- Nhóm xứ (Āyatanapabba).
- 4- Nhóm giác chi (Bojjhaṅgapabba).
- 5- Nhóm đế (Saccapabba).

42. Vấn: *Hãy nhận xét nhóm hơi thở và nhóm oai nghi trong phần Thân tùy quán niệm xứ theo lời dạy của Đức Phật?*

*** Đáp:** Việc nhận xét hơi thở theo lời dạy của Đức Phật như sau:

[- “Này các tỳ kheo! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi quán thân trong thân như thế nào? Tỳ Kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi, thấy sợ hãi trong pháp luật này, đi đến khu rừng, đi đến gốc cây hay đi đến ngôi nhà hoang vắng, ngôi kiết già (tức thiền định), lưng thẳng, an trú niệm trước mặt. Tỉnh giác vị ấy thở vô, tỉnh giác vị ấy thở ra, khi thở vô dài biết rằng “Ta thở vô dài”; khi thở vô ngắn biết rằng “Ta thở vô ngắn”. Hay khi thở ra dài biết rằng “Ta thở ra dài”; khi thở ra ngắn biết rằng “Ta thở ra ngắn”. “Cảm giác toàn thân ta sẽ thở vô” vị ấy tu tập; “cảm giác toàn thân ta sẽ thở ra” vị ấy tu tập. “An tịnh thân hành (tức gió của hơi thở ra vô) tôi sẽ thở vô” vị ấy tu tập; “an tịnh thân hành tôi sẽ thở ra” vị ấy tu tập”.

- “Này các tỳ kheo! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi quán thân trong thân như thế nào thì giống như người thợ tiện hay đệ tử của người thợ tiện thiện xảo, khi tiện dài biết rõ rằng “Ta tiện dài”, hay tiện ngắn biết rõ rằng “Ta tiện ngắn”.

- “Này các tỳ kheo! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi nên thực hành như thế đó. Tức là khi thở vô dài tuệ tri rằng “Ta thở vô dài”; khi thở vô ngắn tuệ tri rằng “Ta thở vô ngắn”. Hay khi thở ra dài tuệ tri rằng “Ta thở ra dài”; khi thở ra ngắn biết rằng: “Ta thở ra ngắn”. “Cảm giác toàn thân tôi sẽ thở vô” vị ấy tu tập; “cảm giác toàn thân tôi sẽ thở ra” vị ấy tu tập. “An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô” vị ấy tu tập; “an tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra”, vị ấy tu tập”.

Như vậy, vị ấy sống thường quán thân trên nội thân, thường quán thân trên ngoại thân, thường quán

thân trên cả nội thân và ngoại thân. Thường quán thấy tánh sanh khởi trên thân, thường quán thấy tánh diệt trên thân, thường quán thấy tánh sanh diệt trên thân, vị ấy an trú chánh niệm rằng “Có thân đây (tức hơi thở)” với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy không nương tựa, không chấp trước (hơi thở) một vật gì trên đời (tức thân này).

- “Này các tỳ kheo! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi thường quán thân trên thân (tức niệm hơi thở ra vô) thường xuyên như vậy”].

Một ý nghĩa khác nữa:

Theo sơ giải bộ Vô Ngại Giải Đạo trong quyển pāli Miến Điện trình bày:

Hơi thở ra vô có 16:

** Nhóm 4 phần thứ I:*

1- Hơi thở vô, hơi thở ra dài.

2- Hơi thở vô, hơi thở ra ngắn.

3- Cảm giác toàn thân hơi thở vô, hơi thở ra.

4- An tịnh thân hành hơi thở vô, hơi thở ra.

** Nhóm 4 phần thứ II:*

1- Cảm giác hỷ thọ (pīti) hơi thở vô, hơi thở ra.

2- Cảm giác lạc thọ (sukha) hơi thở vô, hơi thở ra.

3- Cảm giác tâm hành hơi thở vô, hơi thở ra.

4- An tịnh tâm hành hơi thở vô, hơi thở ra.

** Nhóm 4 phần thứ III:*

1- Cảm giác tâm hơi thở vô, hơi thở ra.

- 2- Tâm hân hoan hơi thở vô, hơi thở ra.
- 3- Tâm định tĩnh hơi thở vô, hơi thở ra.
- 4- Tâm giải thoát khỏi triền cái hơi thở vô, hơi thở ra.

** Nhóm 4 phần thứ IV:*

- 1- Quán vô thường hơi thở vô, hơi thở ra.
- 2- Quán ly tham hơi thở vô, hơi thở ra.
- 3- Quán đoạn diệt hơi thở vô, hơi thở ra.
- 4- Quán từ bỏ hơi thở vô, hơi thở ra.

Theo Kinh Tạng:

“Soḷasavatṭhukanti dīghaṃ rassamaṃ sabbakāyapaṭisaṃvedī passambhayaṃ kāyaśaṅkhāraṇti kāyānupassanā catukkaṃ.

Pīṭipatiṃsaṃvedī sukhapaṭisaṃvedī cittasaṅkhārapatiṃsaṃvedī passambhayaṃ kāyacittasaṅkhāraṇti vedanānupassanā catukkaṃ.

Cittapaṭisaṃvedī abhippamodayaṃ cittaṃ samādahaṃ cittaṃ vimocayaṃ cittanti cittānupassanā catukkaṃ.

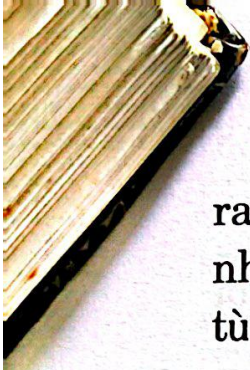
Aniccānupassī virāgānupassī nirodhānupassī paṭinisaggānupassīti dhammānupassanā catukkanti imesaṃ cutannaṃ.

Catukkavasena soḷasavatthūni paṭiṭṭhā ārammaṇāni assati soḷasavatthuko”.

(Theo số giải Vô Ngại Giải Đạo phần thứ 2 của Miến Điện).

Pāli: “Soḷasavatthutaṃ” nghĩa là 16 pháp chia ra thành 4 nhóm.

4 nhóm này:



- Hơi thở vô hơi thở ra dài, hơi thở vô hơi thở ra ngắn, cảm giác toàn thân, an tịnh thân hành (tức nhóm hơi thở). An tịnh được xếp vào 4 nhóm của Thân tùy quán niệm xứ.

- Cảm giác hỷ thọ, cảm giác lạc thọ, cảm giác tâm hành, an tịnh tâm hành. Tâm hành được xếp vào 4 nhóm của Thọ tùy quán niệm xứ.

- Cảm giác tâm hơi thở vô hơi thở ra, tâm hân hoan hơi thở vô hơi thở ra, tâm định tĩnh hơi thở vô hơi thở ra, tâm giải thoát khỏi triền cái hơi thở vô hơi thở ra. Được xếp vào 4 nhóm Tâm tùy quán niệm xứ.

- Quán vô thường hơi thở vô hơi thở ra, quán ly tham hơi thở vô hơi thở ra, quán đoạn diệt hơi thở vô hơi thở ra, quán từ bỏ hơi thở vô hơi thở ra. Được xếp vào 4 nhóm Pháp tùy quán niệm xứ.

Mười sáu (16) pháp là cứ điểm làm cảnh cho niệm, do nhân đó niệm mới gọi là *Solasavatthuka*.

(Theo sơ giải Vô Ngại Giải Đạo phần 2 trang 94 quyển của Miến Điện).

“Gaṇanā anubandhanā phusanā ṭhapanā sallakkhaṇā vivaṭṭanā pārisuddhi tesaṅca paṭipassanā tattha gaṇanāti gaṇanāyeva anubandhanāti anugamanā phusanāti phuṭṭhānaṃ ṭhapanāti appanā sallakkhaṇāti vipassanā vivaṭṭanāti maggo parisuddhīti phalaṃ tesaṅca paṭipassanāti paccavekkhaṇā”

1- Sự đếm hơi thở.

2- Theo dõi hơi thở.

3- Hơi thở (gió) xúc chạm.

- 4- Chỗ chạm.
- 5- Sự quán xét.
- 6- Sự buông bỏ.
- 7- Sự thanh tịnh.
- 8- Phản kháng lại Đạo...

Giải thích:

Sự đếm hơi thở gọi là Gaṇanā.

Sự theo dõi hơi thở gọi là Anubandhanā.

Chỗ hơi thở xúc chạm gọi là Phusanā.

Kiên cố thiền (Āppanājhāna) gọi là Ṭhapanā.

Minh quán (Vipassanā) gọi là Sallakkhanā.

Đạo (Magga) gọi là Vivaṭṭanā.

Quả (Phala) gọi là Parisuddhi.

Câu “Tesañca paṭipassanā” tức tuệ phản kháng trong tâm lộ phản kháng xem xét lại Đạo, Quả.

Đặc Tánh Liên Quan Đến Hơi Thở Vô (Assāsa) và Hơi Thở Ra (Passāsa)

Có câu hỏi phát sanh từ nhóm học viên: Từ “Assāsa” và từ “Passāsa” từ nào nên dịch là hơi thở ra, từ nào nên dịch là hơi thở vô?

Để làm cho hiểu rõ vấn đề này thì đây là dẫn chứng kết luận từ nhiều bài kinh:

1- Sớ giải Pārājikakaṇḍa phần 2 trang 14 hàng thứ 8 có pāli: “Tattha dīghaṃ vā assasantoti dīghaṃ vā assāsaṃ

pavattento. Assāsoti bahi nikkhamanavāto. Passāsoti anto pavisanavāto. Suttantaṭṭhakathāsu pana uppaṭipāṭiyā āgataṃ". Nghĩa là các lời thuyết giảng trong Tiểu Bộ Kinh quyển 9 bộ Vô Ngại Giải Đạo có đề cập:

"Dīghaṃ vā assasanto tức hành giả thở vô dài", ngài giải rằng "Gió đang di chuyển vô dài"... gió thổi ra bên ngoài gọi là "Assāsa", gió thổi vào bên trong gọi là "Passāsa".

Nhưng trong số giải của các Kinh Tạng theo hoán vị thứ tự với nhau (nghĩa là "Assāsa" phải dịch là hơi thở vô, "Passāsa" phải dịch là hơi thở ra).

Ngoài ra ngài còn giải thích những điều liên hệ đến vấn đề đó một chút nữa. Là trong các hơi thở ra và hơi thở vào đó, lúc chúng sanh trong thai bào ra khỏi bụng mẹ gió bên trong thường thoát ra bên ngoài trước, sau đó gió bên ngoài mới đem bụi vi trần vào bên trong tới nóc họng thì chấm dứt. Bậc trí giả nên nhận biết về hơi thở ra và hơi thở vô như vậy.

2- Riêng trong Thanh Tịnh Đạo phần 1 trang 263 điều 219 hàng thứ 14 có pāli: "Tattha dīghaṃ vā assasantoti dīghaṃ vā assāsaṃ pavattayanto. Assāsoti bahi nikkhamanavāto. Passāsoti anto pavisanavātoti vinayaṭṭhakathāyaṃ vuttaṃ. Suttantaṭṭhakathāsu pana uppaṭipāṭiyā āgataṃ. Tatthasabbhesampi gabbhaseyyakānaṃ mātukucchito nikkhamanakāle paṭhamam abbhantaravāto bahi nikkhamati. Pacchā bāhiravāto sukhumarajam gahetvā abbhantaram pavisanto tālum āhacca nibbāyati. Evaṃ tāva assāsapassāsā veditabbā"

Giải thích:

Trong đoạn pāli mà tôi đã nêu lên so sánh dẫn chứng giữa số giải Luật Tạng và số giải Thanh Tịnh Đạo thì thấy gần giống nhau từ câu “Tattha... cho đến āgataṃ” chỉ khác hai đoạn thôi. Tức câu “Pavattento” và câu “Passāsoti anto pavisanavāto” trong số giải Luật Tạng điều thứ nhất.

Nhưng trong số giải Thanh Tịnh Đạo điều thứ 2 ngài thay đổi câu “Pavattento” là “Pavattayanto” nhưng cách dịch thuật thì giống nhau, khác nhau câu “Ñe” và “Ñaya” do nương vào cú pháp văn phạm. Còn trong câu “Passāsoti anto pavisanavāto” trong số giải Luật Tạng là ý nghĩa ngài trình bày ban đầu. Còn số giải Thanh Tịnh Đạo ngài muốn cho hiểu rằng câu “Gió thổi vào bên trong gọi là Passāsa” có thực tánh như thế nào mà ngài giáo thọ sư số giải biên soạn Thanh Tịnh Đạo mới nhắc đến cho thấy rằng câu “Gió thổi vào bên trong gọi là Passāsa cũng như thế đó” điều này ngài chỉ đề cập trong số giải Luật Tạng. Còn pāli kể từ “Tattha sabbesampi... veditabbā” giống nhau và đã dịch rồi.

3- Còn trong số giải Vô Ngại Giải Đạo phần 2 trang 69 điều 152 hàng thứ 24 có pāli: “Ānanti abbhantaram pavisanavāto. Apānanti bahi nikkhamanavāto. Keci pana vipariyāyena vadanti. Apānaṃ hi apetaṃ ānatoti apānanti vuccati, niddese pana nākārassa dīghattamajjhupekkhitvā āpānanti”. Nghĩa là “Gió thổi vô bên trong gọi là Āna, gió thổi ra bên ngoài gọi là Apāna”. Nhưng một số nhóm giáo thọ sư (ám chỉ đến giáo thọ sư chú giải sư cùng thời với nhau) đề cập đến phương pháp khác nhau:

“Apāna dịch là gió thổi ra bên ngoài, Āna tức gió thổi vào bên trong. Do đó ngài mới gọi là Apāna”.

Còn trong phần xiển minh Vô ngại Giải Đạo quyển 9 trang 170 mà ngài Tướng Quân Chánh Pháp Sāriputta nói “Apāna vì không nhắm đến Ā là âm dài tức là trường âm”...

4- Còn trong Thắng Pháp bộ Sammohavinodanī số giải bộ Phân Tích trang 67 hàng thứ 3, ngài giải “Assāsoti anto pavisananāsikāvāto. Passāsoti bahi nikkhamananāsikāvāto. Ettha ca purimā sabbe catusamuṭṭhānā, assāsapassāsā cittasamuṭṭhānāva” Nghĩa là “Gió thổi vô bên trong tử môn gọi là Assāsa, gió thổi ra bên ngoài tử môn gọi là Passāsa”.

Nhưng trong phong đại (vāyodhātu) tất cả gió nơi đây đã đề cập rồi ở đoạn trên:

1- Sắc bất ly hỗ tương nhau gọi là Thambhitattam rūpassa.

2- Gió thổi lên phía trên chuyển động theo trạng thái đưa lên trên như thổi ra... gọi là Uddhaṇgamāvātā.

3- Gió thổi xuống phía dưới như sự tổng phân và nước tiểu... gọi là Adhogamāvātā.

4- Gió thổi bên ngoài ruột già gọi là Kucchisayāvātā.

5- Gió thổi bên trong ruột già gọi là Kotṭhāsayāvātā.

6- Gió thổi khắp bộ phận nhỏ lớn trên thân thể lan tỏa theo mạng lưới của dây thần kinh làm cho thân thể cong vào và duỗi ra được gọi là Aṇgamāṇānusārino vātā.

7- Gió chuyển động giống như dùng kéo cắt gân gọi là Satthakavātā tức gió có đặc tính như khí giới.

8- Gió chẻ trái tim như chẻ bằng dao cạo gọi là Khurakavātā.

9- Gió giật tim đập nhanh lên gọi là Uppalakavātā (chứng suy tim).

Cả 9 loại gió kể trên có 4 sở sanh tức nghiệp, tâm, quý tiết và vật thực. Nhưng Assāsapassāsa tức là hơi thở ra hơi thở vô chỉ có tâm là sở sanh duy nhất mà thôi.

Theo nội dung của các số giải mà tôi đã nêu lên cho thấy rằng chưa được đầy đủ để thỏa mãn câu hỏi của các học viên về Assāsapassāsa, vì sao khác nhau về phần sanh lên và phần chuyển động? Nơi đây tôi đã thẩm xét lời giải thích của cả bốn đoạn số giải ở phần đầu, cũng giống như ý nghĩa của Luật Tạng mà ngài thuyết *thường nhiên nhóm chúng sanh sanh trong thai bào lúc lọt lòng phải thở ra trước*, đặc tánh thật danh sắc của nhóm chúng sanh này là như vậy, không có nguyên nhân nào khác.

Ví như câu hỏi: “Muối vì sao có vị mặn?” hay “Gai nhọn vì sao bén?”. Thường không có nguyên nhân để trả lời mà phải chấp nhận “Đó là định luật cố nhiên đặc tánh của nó là như vậy”. Cũng vậy, chúng sanh trong thai bào phải có hơi thở ra trước. Hai vấn đề nhưng có tính chất đều giống như nhau.

Nhưng bây giờ có câu hỏi: “Đức Thế Tôn nhắm đến lợi ích như thế nào mà ngài thuyết trong kinh liên quan đến hơi thở “Nếu Assāsa phải dịch là hơi thở vô và Passāsa phải dịch là hơi thở ra?”. Đây cũng là câu hỏi đáng suy nghĩ nhiều ngay cả chính tôi cũng không thể mạnh dạn trình bày quan điểm của mình được.

Nhưng để nhận xét trong vấn đề này tôi sẽ nêu lên những điều khoản cả hai nơi trong hậu số giải ra trình bày, còn phần học viên nhận thấy thế nào hãy tự nhận xét và suy nghiệm là được rồi.

1- Trong Sāratthadīpanīṭikā Luật Tạng phần 1 trang 139 hàng thứ 6: "Vissatthoti nirāsaṅkacitto, maraṇasaṅkārahito nibbhayoti vuttaṃ hoti. Assāsapassāsanibaddhaṃ maraṇaṃ pekkhamānāti aho vatāhaṃ tadantaraṃ jīveyyaṃ, yadantaraṃ assitvā passāmi passitvā vā assāmi, bhagavato sāsanaṃ manasikareyyuṃ bahu vata me gataṃ assāti evaṃ maraṇassatiyā anuyuñjanato assāsapassāsappavattikālapaṭibaddhaṃ maraṇaṃ pekkhamānā. Tattha assāsoti bahi nikkhamananāsavāto. Passāsoti antopavisanavāto. Vuttavipariyāyenapi vadanti". Nghĩa là câu: "Vissattho" dịch là người không có tâm hoài nghi.

Giải thích:

Hết hoài nghi về vấn đề chết tức là người không sợ chết. Niệm đến sự chết liên quan đến hơi thở ra hơi thở vô mà ngài dạy người tu tiến tùy niệm sự chết, hướng đến sự chết liên quan đến lúc hơi thở đang thở ra đang thở vô, nên thường xuyên tỉnh cần bằng niệm ghi nhớ đến sự chết: *"Ta thở ra rồi thở vô hay thở vô rồi thở ra đi nữa, nên tác ý đến lời dạy của Đức Thế Tôn. Lúc nào mà ta còn sống thì lúc đó việc thiện ta nên làm cho tăng trưởng"*.

Các lời giải thích đó tức tỷ môn thở ra bên ngoài gọi là Assāsa, gió thở vô bên trong gọi là Passāsa, mà các vị giáo thọ sư đã đề cập cũng theo phương pháp phân tích mà tôi đã trình bày.

2- Còn trong Paramatthamañjūsāmahāṭīkāvisuddhimagga phần 1 trang 317 hàng thứ 11 có pāli: “Paṭinissaggānupassī assāsavasenāti paṭinissaggānupassī hutvā assāsanassa vasena. Paṭinissaggānupassī assāsavasenāti vā pāṭho. Tassa paṭinissaggānupassino assāsā paṭinissaggānupassī assāsā, tesam vasenāti attho. Vinayanayena anto utthitasasanam assāso. Bahi utthitasasanam passāso. Suttantanayena pana bahi utthahitvāpi anto sasanato assāso. Anto utthahitvāpi bahi sasanato passāso. Ayameva ca nayo”.

“Assāsadimajjhamapariyosānam satiyā anugacchato ajjhattam vikkhepagatena cittena kāyopi cittampi sāraddhā ca honti añjitā ca phanditā cāti”. Passāsādimajjhama pariyosānam satiyā anugacchato bahiddhā vikkhepagatena cittena kāyopi cittampi sāraddhā ca honti añjitā ca phanditā cāti”.

(Trong Vô Ngại Giải Đạo Tiểu Bộ Kinh
quyển 9 trang 169)

“Imāya pāliyā sameti. Paṭhamam abbhantavāto bahi nikkhamati. Tasmā pavattikkamena assāso paṭhamam vuttoti vadanti. Tālum āhacca nibbāyatīti talum āhacca nirujjhati. Tena kira sampatijāto bāladārako khipitam karoti. Evam tāvātiādi yathāvuttassa atthassa nigamanam. Keci evam tāvāti anena pavattikkamena assāso bahi nikkhamanavātoti gahetabbanti adhippāyoti vadanti”.

Nghĩa câu “paṭinissaggānupassī assāsavasena” ngài dạy: “Người hằng thấy bằng cách luôn xả ly bởi mãnh lực hơi thở vô”. Còn câu “paṭinissaggānupassī assāsavasena” cũng như vậy... hơi thở vô của hành giả đó hằng thấy bằng cách luôn xả ly gọi là “paṭinissaggānupassī assāsā”.

Tức do mãnh lực hơi thở vô của người hăng thấy bằng cách luôn xả ly.

Theo ý nghĩa của Luật Tạng hơi thở hiện bày trong thân gọi là “Assāsa”, hơi thở hiện bày bên ngoài gọi là “Passāsa”. Nhưng theo ý nghĩa của Kinh Tạng hơi thở được gọi là “Assāsa” vì hiện bày bên ngoài rồi thở vô bên trong, hơi thở gọi là “Passāsa” vì hiện bày bên trong rồi thở ra bên ngoài. Chỉ chừng đó ý nghĩa này thích hợp với pāli trong Kinh Vô Ngại Giải Đạo trang 165 mà ngài Tướng Quân Chánh Pháp Sāriputta đã thuyết “*Khi hành giả niệm theo dõi hơi thở vô cả đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối hăng có tâm phóng dật bên trong cả thân lẫn tâm, là pháp lao chao tán loạn và xao động. Khi hành giả niệm theo dõi đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối của hơi thở ra cũng hăng có tâm phóng dật bên ngoài cả thân lẫn tâm, là pháp lao chao tán loạn và xao động như vậy*”.

Hơi thở bên trong thường thở ra ngoài trước, do đó các vị giáo thọ sư nói:

[“Ngài nói đến “Assāsa” tức hơi thở ra trước theo tuần tự chuyển động của hơi thở (theo ý nghĩa chuyển động tuần tự Pavāttikkama)”].

Câu “Tālum āhacca nibbāyati” tức là tới nóc họng rồi diệt đi, nghĩa là hài nhi đang sanh ra cùng hơi thở ấy giúp cho nó bị tổng ra.

Câu: “Evam tāva...” là câu gom ý nghĩa lại đề cập sau cùng của một số vị giáo thọ sư nói: Ý nghĩa của câu “Evam tāva” có thể thọ trì: “Assāsa” tức gió thổi ra bên ngoài tuần tự theo sự chuyển động của nó”].

Kết Thúc Phần Hơi Thở

Sự trình bày nhóm oai nghi theo lời Đức Phật thuyết dạy như sau:

[- “Này các tỳ kheo! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi... khi đi tuệ tri “Tôi đi”, khi đứng tuệ tri “Tôi đứng”, khi ngồi tuệ tri “Tôi ngồi” hay khi nằm tuệ tri “Tôi nằm”, khi thân cử động như thế nào tuệ tri “Thân như thế ấy”.

Lại nữa! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi, quán thân trên nội thân, quán thân trên ngoại thân, sống quán thân trên cả nội thân và ngoại thân. Hay quán tánh sanh khởi trên thân, quán tánh diệt tận trên thân, sống quán tánh sanh diệt trên thân rồi an trú niệm “Có thân” (tức một oai nghi nào) hiện hữu như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm, không nương tựa chấp trước vật gì (tức thân này) trên đời.

Này các tỳ kheo! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi, hằng quán thân trên thân (tức oai nghi) luôn luôn như vậy”].

Kết Thúc Phần Oai Nghi

43. Vấn: *Hãy trình bày quán thọ trong nhóm Thọ tùy quán niệm xứ theo lời thuyết giảng của Đức Phật?*

* **Đáp:** Sự quán thọ trong nhóm Thọ tùy quán niệm xứ theo lời thuyết giảng của Đức Phật:

[- “Này các tỳ kheo! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi, thường quán thọ (cảm giác) trên thọ luôn luôn như vậy.



Này các tỳ kheo! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi, thấy sợ hãi trong Pháp Luật này, khi cảm giác lạc tuệ tri “Ta cảm giác lạc”; hay cảm giác khổ tuệ tri “Ta cảm giác khổ”; hay cảm giác phi lạc phi khổ tuệ tri “Ta cảm giác phi lạc phi khổ”; hay cảm giác lạc thuộc vật chất (tức lẫn lộn ngũ dục) tuệ tri “Ta cảm giác lạc thuộc vật chất”; hay cảm giác lạc không thuộc vật chất (tức lạc không lẫn lộn ngũ dục) tuệ tri “Ta cảm giác lạc không thuộc vật chất”; hay cảm giác khổ thuộc vật chất tuệ tri “Ta cảm giác khổ thuộc vật chất”; hay cảm giác khổ không thuộc vật chất tuệ tri “Ta cảm giác khổ không thuộc vật chất”; hay cảm giác phi khổ phi lạc thuộc vật chất tuệ tri “Ta cảm giác phi khổ phi lạc thuộc vật chất”; hay cảm giác phi khổ phi lạc không thuộc vật chất tuệ tri “Ta cảm giác phi khổ phi lạc không thuộc vật chất”.

Như vậy! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi, thường quán thọ trên các nội thọ, quán thọ trên các ngoại thọ, quán thọ trên các nội thọ và ngoại thọ, hay quán tánh sanh khởi trên các thọ, quán tánh diệt tận trên các thọ, quán tánh sanh diệt trên các thọ, an trú niệm “Thọ đang hiện hữu” với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm, sống không nương tựa (trong lạc thọ), không chấp trước một vật gì (thọ) trên đời tức thân và tâm.

Này các tỳ kheo! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi, thường quán thọ (lạc, khổ, xả) luôn luôn như vậy”].

44. Vấn: *Hãy trình bày quán tâm trong nhóm Tâm tùy quán niệm xứ theo lời thuyết giảng của Đức Phật?*

*** Đáp:** Sự quán tâm trong nhóm Tâm tùy quán niệm xứ theo lời thuyết giảng của Đức Phật:

[- “Này các tỳ kheo! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi, thấy sợ hãi trong Pháp Luật này, khi có tâm tham tuệ tri “Tâm có tham”; khi tâm không có tham tuệ tri “Tâm không có tham”, khi tâm có sân tuệ tri “Tâm có sân”; khi tâm không có sân tuệ tri “Tâm không có sân”; khi tâm có si tuệ tri “Tâm có si”; khi tâm không có si tuệ tri “Tâm không có si”. Hay khi tâm ủ dột tuệ tri “Tâm ủ dột”; khi tâm không ủ dột tuệ tri “Tâm không ủ dột”. Hay khi tâm phóng dật tuệ tri “Tâm phóng dật”; khi tâm không phóng dật tuệ tri “Tâm không phóng dật”; khi tâm đáo đại tuệ tri “Tâm đáo đại”; khi tâm không đáo đại tuệ tri “Tâm không đáo đại”; khi tâm kiên cố tuệ tri “Tâm kiên cố”; khi tâm không kiên cố tuệ tri “Tâm không kiên cố”. Hay tâm giải thoát tạm thời (Tadaṅgavimutti), giải thoát áp chế (Vikkhambhanavimutti) tuệ tri “Tâm giải thoát tạm thời”, “Tâm giải thoát áp chế”. Hay tâm chưa giải thoát tuệ tri “Tâm chưa giải thoát”.

Như vậy! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi, thường quán tâm trên nội tâm, quán tâm trên ngoại tâm, quán tâm trên các nội tâm và ngoại tâm. Hay quán tánh sanh khởi trên tâm, quán tánh diệt tận trên tâm, quán tánh sanh diệt trên tâm, an trú niệm “Tâm đang hiện hữu” với hy vọng hướng đến chánh trí,

chánh niệm, sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì (tâm nào khác nữa) trên đời hết (tâm).

Này các tỳ kheo! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi, thường quán tâm trên tâm luôn luôn như vậy”].

45. Vấn: *Hãy trình bày phần quán triền cái trong nhóm Pháp tùy quán niệm xứ theo lời thuyết giảng của Đức Phật?*

* **Đáp:** Sự trình bày phần quán triền cái trong nhóm Pháp tùy quán niệm xứ theo lời thuyết giảng của Đức Phật:

[- “Này các tỳ kheo! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi, thường quán pháp trên các pháp luôn luôn như vậy.

Này các tỳ kheo! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi, thấy sợ hãi trong pháp luật này, thường quán pháp trên các pháp như năm triền cái. Khi nội tâm có dục triền cái (sự thỏa thích dục cảnh) tuệ tri “nội tâm có dục triền cái”; khi nội tâm không có dục triền cái, tuệ tri: “nội tâm không có dục triền cái”. Với dục triền cái chưa sanh bởi trường hợp nào, tuệ tri trường hợp đó; hay dục triền cái sanh lên rồi diệt bởi trường hợp nào, tuệ tri trường hợp đó; hay dục triền cái đã đoạn diệt rồi tương lai không sanh khởi bởi trường hợp nào, tuệ tri trường hợp đó.

- “Này các tỳ kheo! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi, thường quán pháp trên các pháp luôn luôn như vậy.

Này các tỳ kheo! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi, thấy sợ hãi trong pháp luật này, thường quán pháp trên các pháp như năm triền cái. Khi nội tâm có sân triền cái (sự bất toại nguyện cảnh) tuệ tri “nội tâm có sân triền cái”; khi nội tâm không có sân triền cái, tuệ tri: “nội tâm không có sân triền cái”. Với sân triền cái chưa sanh bởi trường hợp nào, tuệ tri trường hợp đó; hay sân triền cái sanh lên rồi diệt bởi trường hợp nào, tuệ tri trường hợp đó; hay sân triền cái đã đoạn diệt rồi tương lai không sanh khởi bởi trường hợp nào, tuệ tri trường hợp đó.

- “Này các tỳ kheo! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi, thường quán pháp trên các pháp luôn luôn như vậy.

Này các tỳ kheo! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi, thấy sợ hãi trong pháp luật này, thường quán pháp trên các pháp như năm triền cái. Khi nội tâm có hôn thụy triền cái (sự dă dươi và lười sụt cảnh) tuệ tri “nội tâm có hôn thụy triền cái”; khi nội tâm không có hôn thụy triền cái, tuệ tri: “nội tâm không có hôn thụy triền cái”. Với hôn thụy triền cái chưa sanh bởi trường hợp nào, tuệ tri trường hợp đó; hay hôn thụy triền cái sanh lên rồi diệt bởi trường hợp nào, tuệ tri trường hợp đó; hay hôn thụy triền cái đã đoạn diệt rồi tương lai không sanh khởi bởi trường hợp nào, tuệ tri trường hợp đó.

- “Này các tỳ kheo! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi, thường quán pháp trên các pháp luôn luôn như vậy.

Này các tỳ kheo! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi, thấy sợ hãi trong pháp luật này, thường quán pháp trên các pháp như năm triền cái. Khi nội tâm có trạo hối triền cái (sự phóng tán và hối tiếc cảnh) tuệ tri “nội tâm có trạo hối triền cái”; khi nội tâm không có trạo hối triền cái, tuệ tri: “nội tâm không có trạo hối triền cái”. Với trạo hối triền cái chưa sanh bởi trường hợp nào, tuệ tri trường hợp đó; hay trạo hối triền cái sanh lên rồi diệt bởi trường hợp nào, tuệ tri trường hợp đó; hay trạo hối triền cái đã đoạn diệt rồi tương lai không sanh khởi bởi trường hợp nào, tuệ tri trường hợp đó.

- “Này các tỳ kheo! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi, thường quán pháp trên các pháp luôn luôn như vậy.

Này các tỳ kheo! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi, thấy sợ hãi trong pháp luật này, thường quán pháp trên các pháp như năm triền cái. Khi nội tâm có hoài nghi triền cái (sự phân vân, lưỡng lự cảnh) tuệ tri “nội tâm có hoài nghi triền cái”; khi nội tâm không có hoài nghi triền cái, tuệ tri: “nội tâm không có hoài nghi triền cái”. Với hoài nghi triền cái chưa sanh bởi trường hợp nào, tuệ tri trường hợp đó; hay hoài nghi triền cái sanh lên rồi diệt bởi trường hợp nào, tuệ tri trường hợp đó; hay hoài nghi triền cái đã đoạn diệt rồi tương lai không sanh khởi bởi trường hợp nào, tuệ tri trường hợp đó.

Như vậy! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi, thường quán pháp trên các nội pháp, quán pháp trên

các ngoại pháp, quán pháp trên cả nội pháp và ngoại pháp, hay quán tánh sanh khởi trên các pháp, quán tánh diệt tận trên các pháp, quán tánh sanh diệt trên các pháp, an trú niệm: “Có những pháp này” (tức triền cái) với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm, và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì (triền cái nào khác) trên đời (trong pháp đó).

Như vậy, này các tỳ kheo! Tỳ kheo thấy sợ hãi trong khổ luân hồi, thường quán pháp thấy pháp trên pháp (tức năm triền cái) luôn luôn như vậy”].

46. Vấn: *Tùy Phiền não quán (Vipassanūpakilesa) nghĩa là gì và có bao nhiêu? Sanh lên trong lúc hành điều thanh tịnh nào và tương đồng tuệ Minh quán nào?*

*** Đáp:** Tùy Phiền não quán là pháp bợn nhơ của Minh quán.

Tùy phiền não quán có 10:

1- Hào quang (Obhāsa): Có ánh sáng hiển lộ sanh lên nơi tâm.

2- Đức tin (Adhimokkha): Niềm tin vững chắc, quyết tiến.

3- Hỷ (Pīti): Phỉ lạc cùng tột.

4- Tĩnh (Passaddhi): Có tâm an tĩnh mát mẻ lạ thường.

5- Tĩnh cần (Paggaha): Phát sanh sự tin cần vững mạnh.

6- Lạc (Sukha): Phát sanh an lạc kỳ diệu.

7- Trí tuệ (Ñāna): Dồi dào trí tuệ.

8- Niệm (Upaṭṭhāna): Ghi nhớ vững trú trong cảnh.

9- Xả (Upekkhā): Có tâm điều chế trung dung không hỷ không ưu.

10- Ái chấp (Nikkhanti): Sự thỏa thích trong 9 cảnh đó.

Khi đã thực hành Đoạn nghi thanh tịnh và đang tiến hành trong Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh thì 10 tùy phiền não sanh lên. Hành giả có niệm ghi nhận *“Tùy phiền não này không phải là Đạo Quả thật”*. Tâm mới bắt lấy thực tánh danh sắc làm cảnh, quán lấy tam tướng tiếp tục. Sát na tùy phiền não sanh lên chính là Sanh diệt tuệ còn non yếu.

47. Vấn: *Tám bậc Thánh nhân theo Thanh Tịnh Đạo phân tích ra có bao nhiêu loại?*

* **Đáp:** Tám bậc Thánh nhân tức 4 Đạo, 4 Quả theo Thanh Tịnh Đạo sắp xếp phân ra thành 7 bậc:

1- Tùy tín hành (Saddhānusārī): Bậc trội thắng về đức tin, tức bậc Thánh đắc chứng Sơ Đạo do động lực của đức tin nhiều.

2- Tín giải thoát (Saddhāvimutti): Bậc giải thoát do đức tin, tức từ Sơ Quả trở lên cho đến Tứ Quả.

3- Thân chứng (Kāyasakkhī): Bậc đắc thiên hữu sắc rồi, tu tiến Minh Quán chứng đắc Đạo Quả (8 bậc Thánh Nhân).

4- Lưỡng biên giải thoát (Ubhatobhāgavimutti): Bậc đã đắc thiên hữu sắc và vô sắc rồi, tu tiến Minh quán chứng đắc Đạo Quả (8 bậc Thánh nhân).

5- Tùy pháp hành (Dhammānusārī): Bậc quán Vô ngã tướng rồi chứng đắc Sơ Đạo.

6- Kiến chí (Ditṭhipatta): Bạc quán Vô ngã tướng rồi chứng đắc Sơ Quả cho đến Tứ Đạo.

7- Tuệ giải thoát (Paññāvimutti): Bạc quán Vô ngã tướng rồi chứng đắc Tứ Quả.

48. Vấn: *Bạc Nhập Lưu có bao nhiêu bậc? Nhân nào mới phân tích như vậy?*

*** Đáp:** Bạc Nhập Lưu có 3 bậc:

1- Ekabījīsoṭāpanna: Bạc Nhập Lưu phải sanh làm người hoặc chư thiên thêm một kiếp rồi Níp Bàn.

2- Kolaṇkolasotāpanna: Bạc Nhập Lưu phải sanh làm người hoặc chư thiên thêm 2 hoặc 6 kiếp rồi Níp Bàn.

3- Sattakkhattuparamasotāpanna: Bạc Nhập Lưu phải sanh 7 kiếp rồi Níp Bàn.

Sự phân tích thành 3 bậc đây do nương vào quyền non yếu, quyền trung bình, quyền già mạnh.

* Bạc có quyền non yếu như tín quyền... chứng đắc Nhập Lưu gọi là Sattakkhattuparamasotāpanna.

* Bạc có quyền trung bình như tín quyền... chứng đắc Nhập Lưu gọi là Kolaṇkolasotāpanna.

* Bạc có quyền già mạnh như tín quyền... chứng đắc Nhập Lưu gọi là Ekabījīsoṭāpanna.

49. Vấn: *Đạo hành (Paṭipadā) nghĩa là gì? Đạo hành của người hành Minh quán nghiệp xứ có bao nhiêu?*

*** Đáp:** Đạo hành là phương pháp thực hành đạt thành sở nguyện. Đạo hành của người tu tiến Minh

quán nghiệp xứ có nhiều cách, nhưng nói gọn lại có 4 cách chính:

- 1- Hành nan đặc trì (Dukkhāpaṭipadā dandhābhiññā).
- 2- Hành nan đặc cấp (Dukkhāpaṭipadā khippābhiññā).
- 3- Hành dị đặc trì (Sukhāpaṭipadā dandhābhiññā).
- 4- Hành dị đặc cấp (Sukhāpaṭipadā khippābhiññā).

50. Vấn: *Bậc Nhập Lưu căn bản theo Thanh Tịnh Đạo có 24 bậc, ngài có cách tính như thế nào?*

*** Đáp:** Ngài có cách tính:

- 1- Bậc Nhập Lưu tái sanh chỉ 1 kiếp.
- 2- Bậc Nhập Lưu tái sanh 2 đến 6 kiếp.
- 3- Bậc Nhập Lưu tái sanh tối đa 7 kiếp.
- 4- Bậc Nhập Lưu thuộc loại Tam Minh.
- 5- Bậc Nhập Lưu thuộc loại Ngũ Thông (trừ Lưu Tận Thông).
- 6- Bậc Nhập Lưu thuộc loại Tuệ Phân Tích.

Trong 6 bậc đề cập trên, mỗi bậc có đạo hành theo 4 cách: Lấy 6 bậc Nhập Lưu trên x 4 đạo hành, $6 \times 4 = 24$ bậc.

51. Vấn: *Bậc Nhập Lưu đoạn trừ ác pháp tức có khả năng sát tuyệt ác pháp nào?*

*** Đáp:** Bậc Nhập Lưu có khả năng sát tuyệt ác pháp:

- 1- Trong 10 pháp kiết sử sát tuyệt được 3 pháp: Thân kiến kiết sử, hoài nghi kiết sử, giới cấm thủ kiết sử.

2- Trong 10 pháp phiến não sát tuyệt được 2 pháp: Kiến và nghi.

3- Trong 10 pháp tà sát tuyệt được 4 pháp: Tà kiến, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng.

4- Trong 5 pháp bốn xên thì sát tuyệt hoàn toàn.

5- Trong 12 pháp điền đảo sát tuyệt được 8 pháp: Thường điền đảo kiến, Lạc điền đảo kiến, Ngã điền đảo kiến, Mỹ điền đảo kiến, Thường điền đảo tâm, Thường điền đảo tướng, Ngã điền đảo tâm, Ngã điền đảo tướng.

6- Trong 4 pháp phược sát tuyệt được 2 pháp: Giới thủ thân phược và thủ thực chấp thân phược.

7- Trong 4 pháp tư vị thì sát tuyệt hoàn toàn.

8- Trong 4 pháp lậu sát tuyệt được 1 pháp là kiến lậu.

9- Trong 4 pháp bộc sát tuyệt được 1 pháp là kiến bộc.

10- Trong 4 pháp kết sát tuyệt được 1 pháp là kiến kết.

11- Trong 6 pháp triền cái sát tuyệt được 1 pháp là hoài nghi triền cái.

12- Trong 4 pháp thủ sát tuyệt được 3 pháp: Kiến thủ, giới cấm thủ và ngã chấp thủ.

13- Trong 7 pháp tiềm miên sát tuyệt được 2 pháp: Kiến tiềm miên và nghi tiềm miên.

14- Trong thập ác nghiệp sát tuyệt được 4 pháp: Sát sanh, trộm cắp, nói dối, tà kiến ác.

15- Trong 12 tâm bất thiện sát tuyệt được 5 tâm: 4 tâm tham tương ưng kiến và tâm si hoài nghi.

16- Trong 16 tùy phiền não sát tuyệt được 6 pháp:

- 1- Vong ơn (Makkho).
- 2- Tự cao (Palāso)
- 3- Ganh tỵ (Issā).
- 4- Bỏn xẻn (Macchariyam).
- 5- Khoe khoang (Satheyyam).
- 6- Man trá (Māyā).

17- Trong 6 pháp thối đọa (Bhīṭhāna) sát tuyệt hoàn toàn: 5 nghiệp vô gián và kính tín tôn thờ bậc Đạo Sư khác.

18- Trong 9 pháp uesthiễm (Mala) sát tuyệt được 7 pháp:

- 1- Ganh tỵ.
- 2- Bỏn xẻn.
- 3- Gian lận.
- 4- Xảo quyệt.
- 5- Khoe khoang.
- 6- Nói láo.
- 7- Tà kiến.

19- Trong việc buôn bán bất chánh (micchāvanijjā) là 5 việc buôn bán không đúng pháp như:

- 1- Buôn bán vũ khí.
- 2- Buôn bán người.
- 3- Buôn bán súc vật để giết làm vật thực (thịt sống).

4- Buôn bán chất say.

5- Buôn bán thuốc độc.

Bạc Nhập Lưu đã sát tuyệt hoàn toàn.

52. Vấn: *Bạc Nhất Lai có bao nhiêu bậc?*

*** Đáp:** Bạc Nhất Lai có 5 bậc:

1- Idha patvā idha parinibbāyī: Bạc Nhất Lai chứng đắc Nhị Quả trong cõi nhân loại và Níp Bàn trong cõi nhân loại.

2- Tattha patvā tattha parinibbāyī: Bạc Nhất Lai chứng đắc Nhị Quả trong cõi chư thiên và Níp Bàn trong cõi chư thiên.

3- Idha patvā tattha parinibbāyī: Bạc chứng đắc Nhất Lai trong cõi nhân loại nhưng Níp Bàn trong cõi chư thiên.

4- Tattha patvā idha parinibbāyī: Bạc chứng đắc Nhất Lai trong cõi chư thiên nhưng Níp Bàn trong cõi nhân loại.

5- Idha patvā tattha nibbattitvā idha parinibbāyī: Bạc chứng đắc Nhất Lai trong cõi nhân loại sanh lên thiên giới trở xuống lại Níp Bàn trong cõi nhân loại.

53. Vấn: *Bạc Nhất Lai có 12 bậc, ngài có cách tính như thế nào?*

*** Đáp:** Ngài có cách tính:

1- Bạc Nhất Lai hành nan đắc trì.

- 2- Bạc Nhất Lai hành nan đặc cấp.
- 3- Bạc Nhất Lai hành dị đặc trì.
- 4- Bạc Nhất Lai hành dị đặc cấp.

Trong 4 bậc như đã đề cập đây, mỗi bậc có sự giải thoát khác nhau:

- Một số ngài giải thoát bằng Vô tướng giải thoát (Animittavimokkha).
- Một số ngài giải thoát bằng Phi thuộc lụy giải thoát (Appaṇihitavimokkha).
- Một số ngài giải thoát bằng Không tánh giải thoát (Suññatavimokkha).

Lấy 4 bậc Nhất Lai đã đề cập trên nhân với 3 bậc giải thoát tức $3 \times 4 = 12$ bậc Nhất Lai.

54. Vấn: Bạc Bát Lai có bao nhiêu bậc, như thế nào?

*** Đáp:** Bạc Bát Lai có 5 bậc:

- 1- Antaraparinibbāyī: Bạc Bát Lai Níp Bàn trong khoảng giữa thời gian tuổi thọ trở về trước trong cõi đó.
- 2- Upahaccaparinibbāyī: Bạc Bát Lai Níp Bàn trong khoảng giữa thời gian tuổi thọ trở về sau trong cõi đó.
- 3- Sasaṅkhāraparinibbāyī: Bạc Bát Lai phải tinh cần dũng mãnh mới đạt đến Níp Bàn.
- 4- Asaṅkhāraparinibbāyī: Bạc Bát Lai không phải tinh cần dũng mãnh cũng đạt đến Níp Bàn được.
- 5- Uddhamṣotoakaniṭṭhagāmī: Bạc Bát Lai tuần tự sanh lên cõi trên tận cùng là Sắc Cứu Cánh mới Níp Bàn.

55. Vấn: Trong Thanh Tịnh Đạo tính bậc Bất Lai có 48 bậc, ngài có phương pháp tính như thế nào?

*** Đáp:** Trong 5 bậc Bất Lai ngài có phương pháp tính như sau:

1- Bậc Bất Lai sẽ đắc A La Hán Đạo theo tuần tự sanh lên.

2- Bậc Bất Lai sẽ đắc A La Hán Đạo chưa đến nửa tuổi thọ.

3- Bậc Bất Lai sẽ đắc A La Hán Đạo vừa đủ nửa tuổi thọ.

4- Bậc Bất Lai sẽ đắc A La Hán Đạo khoảng thời gian về sau nửa tuổi thọ.

5- Bậc Bất Lai sanh lên ngay trong tầng cao nhất và sẽ đắc A La Hán Đạo tại đây.

Phân ra thành 10 bậc:

Asaṅkhāraparinibbāyī (bậc không cần phải tinh cần dũng mãnh) được 5 bậc.

Sasaṅkhāraparinibbāyī (bậc phải tinh cần dũng mãnh) được 5 bậc.

Trong tầng Vô Phiền Thiên bậc Bất Lai có 10 bậc.

Trong tầng Vô Nhiệt Thiên bậc Bất Lai có 10 bậc.

Trong tầng Thiện Hiện Thiên bậc Bất Lai có 10 bậc.

Trong tầng Thiện Kiến Thiên bậc Bất Lai có 10 bậc.

Trong tầng Sắc Cứu Cánh bậc Bất Lai có 8 bậc (trừ 2 bậc Thượng Lưu Bang Bất Huờn Uddhamasoto).

Tổng cộng $10 + 10 + 10 + 10 + 8 = 48$ bậc.

56. Vấn: A La Hán có bao nhiêu bậc hãy trình bày tóm tắt?

*** Đáp:** A La Hán có 3 bậc:

- 1- Bậc A La Hán Chánh Đẳng Giác.
- 2- Bậc A La Hán Độc Giác.
- 3- Bậc A La Hán Thinh Văn Giác.

Bậc A La Hán Thinh Văn Giác này chia làm 3 bậc:

- 1- Bậc A La Hán Thượng Thủ Thinh Văn.
- 2- Bậc A La Hán Đại Thinh Văn.
- 3- Bậc A La Hán Thinh Văn thường.

57. Vấn: Trong Thanh Tịnh Đạo tính có 60 bậc A La Hán, ngài có phương pháp tính như thế nào?

*** Đáp:** Ngài có phương pháp tính bậc A La Hán có 4 đạo hành:

- 1- Hành nan đặc trì.
- 2- Hành nan đặc cấp.
- 3- Hành dị đặc trì.
- 4- Hành dị đặc cấp.

Trong mỗi bậc này, giải thoát theo mỗi cách là Vô tướng giải thoát cũng có, Phi thuộc lụy giải thoát cũng có, Không tánh giải thoát cũng có.

Nên bậc A La Hán có $4 \times 3 = 12$ bậc.

Ngài tính:

Bậc A La Hán Tín giải thoát có 12 bậc (Saddhāvimutti).

Bậc A La Hán Tuệ giải thoát (Paññāvimutti) có 12 bậc.

Bậc A La Hán Tam Minh có 12 bậc.

Bậc A La Hán Lục Thông có 12 bậc.

Bậc A La Hán Tuệ Phân Tích có 12 bậc.

Tổng cộng là $12 + 12 + 12 + 12 + 12 = 60$ bậc A La Hán.

58. Vấn: Bậc Nhất Lai có thể sát tuyệt bao nhiêu ác pháp?

*** Đáp:** Bậc Nhất Lai có thể sát trừ ác pháp còn lại bằng cách làm giảm nhẹ, tức chỉ sát trừ tạm thời hay sát trừ áp chế chứ không có khả năng sát tuyệt được.

59. Vấn: Bậc Bất Lai có thể sát tuyệt bao nhiêu ác pháp?

*** Đáp:** Bậc Bất Lai có thể sát tuyệt ác pháp như sau:

1- Trong 10 pháp kiết sử sát tuyệt hơn bậc Nhập Lưu 2 pháp: Dục ái kiết sử và phẫn uất kiết sử.

2- Trong 10 pháp phiền não sát tuyệt hơn bậc Nhập Lưu 1 pháp: Phiền não sân.

3- Trong 10 pháp tà sát tuyệt hơn bậc Nhập Lưu 1 pháp: Tà tư duy.

4- Trong 8 pháp thế gian sát tuyệt 4 pháp: Tức sân hận từ sự mất lợi, mất danh tiếng, bị khổ và bị chê.

5- Trong 12 pháp điên đảo sát tuyệt hơn bậc Nhập Lưu 2 pháp: Mỹ điên đảo tưởng, Mỹ điên đảo tâm.

6- Trong 4 pháp phược sát tuyệt hơn bậc Nhập Lưu 1 pháp: Sân độc thân phược.

7- Trong 4 pháp lậu sát tuyệt hơn bậc Nhập Lưu 1 pháp: Dục lậu.

8- Trong 4 pháp bộc sát tuyệt hơn bậc Nhập Lưu 1 pháp: Dục bộc.

9- Trong 4 pháp kết sát tuyệt hơn bậc Nhập Lưu 1 pháp: Dục kết.

10- Trong 6 pháp triển cái sát tuyệt hơn bậc Nhập Lưu 3 pháp: Dục dục triển cái, sân hận triển cái, hối triển cái.

11- Trong 7 pháp tiềm miên sát tuyệt hơn bậc Nhập Lưu 2 pháp: Dục ái tiềm miên, phần uất tiềm miên.

12- Trong thập bất thiện nghiệp đạo sát tuyệt hơn bậc Nhập Lưu 3 pháp: Nói đâm thọc, nói thô tục, sân ác.

13- Trong 12 tâm bất thiện sát tuyệt hơn bậc Nhập Lưu 2 tâm: 2 tâm sân.

14- Trong 16 tùy phiền não sát tuyệt hơn bậc Nhập Lưu 4 pháp:

1- Nóng giận (Kodho).

2- Oán thù (Upanāho).

3- Sân ác (Byāpādo).

4- Dể dôi (Pamādo).

15- Trong 9 pháp uế nhiễm (mala) sát tuyệt hơn bậc Nhập Lưu 2 pháp: Ước muốn điều hạ liệt và nóng giận.

60. Vấn: *Bậc A La Hán có thể sát tuyệt được ác pháp nào?*

*** Đáp:** Bậc A La Hán có thể sát tuyệt được ác pháp đặc thù:

1- Sát tuyệt 5 thượng phần kiết sử: Ái sắc kiết sử, ái vô sắc kiết sử, ngã mạn kiết sử, phóng dật kiết sử, vô minh kiết sử.

2- Sát tuyệt 7 pháp phiền não: Tham, si, mạn, hôn trầm, phóng dật, vô tầm, vô úy.

3- Sát tuyệt 5 pháp tà: Tà tinh tấn, tà niệm, tà định, tà trí, tà giải thoát.

4- Sát tuyệt sự thỏa thích trong 4 pháp thế gian: Được lợi, được danh tiếng, được khen, được an lạc (vui).

5- Sát tuyệt 2 pháp điên đảo: Lạc Điên Đảo Tưởng và Lạc Điên Đảo Tâm.

6- Sát tuyệt 1 pháp phược: Tham ác thân phược.

7- Sát tuyệt 2 pháp lậu: Vô minh lậu, hữu lậu.

8- Sát tuyệt 2 pháp bộc: Vô minh bộc, hữu bộc.

9- Sát tuyệt 2 pháp kết: Vô minh kết, hữu kết.

10- Sát tuyệt 2 pháp triền cái: Hôn thụ triền cái, phóng dật triền cái.

11- Sát tuyệt 2 pháp thủ: Dục thủ (ám chỉ ái sắc và ái vô sắc).

12- Sát tuyệt 3 pháp tiềm miên: Ngã mạn tiềm miên, hữu ái tiềm miên, vô minh tiềm miên.

13- Sát tuyệt 2 pháp uế nhiễm: Tham uế nhiễm, si uế nhiễm.

14- Sát tuyệt 1 pháp bất thiện nghiệp đạo: Nói lời vô ích.

15- Sát tuyệt 5 tâm bất thiện: 4 tâm tham bất tương ưng kiến và tâm si tương ưng phóng dật.

16- Sát tuyệt 6 pháp tùy phiền não:

- 1- Tham ác (Abhijjhā).
- 2- Ương ngạnh (Thambho).
- 3- Ganh tài (Sarambho).
- 4- Ngã mạn (Māno).
- 5- Khinh người (Atimāno).
- 6- Say đắm (Mado).

61. Vấn: *Người như thế nào nhập quả định được?
Người như thế nào không nhập quả định được?
Người nhập quả định lợi ích như thế nào?*

*** Đáp:** Người đã thành đạt Thánh nhân rồi, nhập quả định được (phalasamāpatti), còn người chưa tác thành Thánh nhân không nhập quả định được.

Bậc Thánh nhập quả định được lợi ích hiện tại lạc trú Níp Bàn. Ví như đức vua thỏa thích thọ hưởng lạc vương sản hay chư thiên thỏa thích thọ hưởng lạc thiên sản của mình. Các bậc Thánh Thánh Văn cũng vậy, các ngài ấn định thời gian tác ý nơi tâm “*Ta sẽ thọ hưởng lạc siêu thế rồi nhập vào quả định trong khoảng thời gian ấn định*”.

Ghi chú:

Sự nhập quả định có 2 quan điểm:

- Một số vị giáo thọ sư nói: “Không cần phải đắc chứng thiền Chỉ tịnh trước cũng nhập quả định được”.
- Một số vị giáo thọ sư khác cho rằng: “Phải đắc chứng thiền Chỉ tịnh trước mới nhập quả định được”.

GIẢI THÍCH 16 TUỆ MINH QUÁN

62. Vấn: *Trong sát na Danh Sắc phân tích tuệ sanh lên với hành giả tu tiến Minh quán nghiệp xứ đó như thế nào? Hãy trình bày tóm tắt về đặc tánh của tuệ này?*

*** Đáp:** Danh Sắc phân tích tuệ có 3 bậc: Theo pháp học, pháp hành và pháp thành.

Theo pháp học là trí văn, theo pháp hành là trí tư, theo pháp thành là trí tu.

* Theo pháp học hay trí văn nghĩa là hành giả khi được nghe thầy giáo thọ chỉ dẫn: “*Thực tánh tâm sở xúc là pháp xúc chạm cảnh, thực tánh tâm sở thọ là pháp cảm giác cảnh, như vậy gọi là danh. Thân kinh nhãn tức tinh sắc có khả năng tiếp thu được cảnh sắc, Cảnh sắc tức là các màu sắc khác nhau là phạm vi của thân kinh nhãn tiếp thu được, thực tánh như vậy gọi là sắc...*”. Việc hiểu biết danh sắc do học tập thọ trì được gọi là *hiểu biết danh sắc theo pháp học*.

* Theo pháp hành hay trí tư là hành giả ghi nhớ sự hiểu biết từ pháp học hay trí văn mà ghi nhận nội xứ tức mắt, tai, mũi... đối xúc với ngoại xứ như màu sắc, âm thanh, mùi... Sự ghi nhận đó phải tinh cần làm cho niệm ghi nhận ngay cảnh đối xúc trong hiện tại hay

quá khứ. Đôi khi lơ đãng suy nghĩ về quá khứ hay vị lai cũng niệm ghi nhận rằng “Sắc, thính, khí, vị, xúc mà đối xúc đó là sắc pháp và sự nhận thức sanh lên từ đó là danh pháp”. Những lúc thực hành mà niệm ghi nhận và tỉnh thức cảnh như vậy gọi là *hiếu biết danh sắc theo pháp hành*.

* Theo pháp thành hay trí tu tức tiếp đến hành giả tỉnh thức cảnh của danh sắc thường xuyên tiếp nối nhau cho đến khi phát sanh tuệ thấy rõ sự thật của các pháp diễn tiến này chỉ là thực tánh của danh sắc đang vận hành, không phải là người, thú, thân ta. Ví như chiếc xe hay thuyền là sự kết hợp bởi nhiều phụ kiện ráp nối lại, sau đó định đặt tên gọi là xe hay thuyền. Cũng vậy, cho dù là chúng sanh, người, thú, thân ta... cũng là thực tánh của danh sắc sai khác đang vận hành diễn hoạt. Sự hiếu biết danh sắc bằng tuệ như ý nghĩa đã đề cập trên gọi là *hiếu biết danh sắc theo pháp thành*.

Thực tánh Danh Sắc phân tích tuệ chỉ hiện bày với hành giả có 3 bậc đã giải thích tóm tắt trên.

63. VẤN: Trong sát na Duyên đạt tuệ (Nāmarūpapaccaya-pariggahañāṇa) sanh lên với hành giả tu tiến Minh quán nghiệp xứ như thế nào? Hãy trình bày tóm tắt về đặc tánh của tuệ này?

* **ĐÁP:** Ngay cả Duyên đạt tuệ cũng có 3 bậc, tức hành giả được thầy giáo thọ chỉ dạy “Lộ tâm nhãn môn sanh lên được do sự đối xúc của thần kinh nhãn và cảnh sắc làm phát sanh lộ nhãn thức tuần tự đầy đủ

17 sát na tâm. Hay lộ ý môn sanh lên được do tâm hộ kiếp đối xúc cảnh pháp làm phát sanh lộ ý thức. Hay sắc tâm liên quan đến hành động như nói... sanh lên được do danh pháp tức tâm điều khiển". Việc lãnh hội lời dạy của thầy giáo thọ như vậy gọi là Duyên đạt tuệ theo pháp học hay trí văn.

Còn sự hiểu biết Duyên đạt tuệ theo pháp hành cũng tiếp nối từ việc ghi nhận chính danh sắc này, tức khi hành giả có niệm ghi nhận cảnh hiện tại đang sanh lên trong môn của mình. Khi ghi nhận biết thế nào là danh pháp, thế nào là sắc pháp rồi thì tinh tấn ghi nhận liên tục không ngừng nghỉ làm cho niệm và tỉnh giác vững mạnh lên. Niệm và tỉnh giác hiện hữu liên tục như vậy làm tâm hành giả nhận thức rằng *"Danh này đang sanh lên từ duyên nào và sắc sanh lên từ duyên nào?"*. Khi quán xét tìm kiếm nhân duyên của danh sắc đang có, tâm sẽ nhớ lại điều hiểu biết mà mình đã được học, được nghe từ pháp học. Việc quán xét thích hợp với phương pháp được chỉ dẫn làm phát sanh sự hiểu biết về nhân quả của danh sắc. Trong lúc đang quán xét nhân quả của danh sắc hiện hữu này được liệt vào *Duyên đạt tuệ theo pháp hành hay trí tư*.

Khi hành giả quán xét tìm nhân duyên làm phát sanh danh sắc mà khéo như lý tác ý thì phát sanh tuệ thấy rõ *"Do nhân duyên này làm phát sanh quả như vậy. Như thân kinh nhân thông thường là sắc nếu chưa có danh thì chưa nhận thức cảnh bằng mắt được. Tâm hộ kiếp cũng tương tự như vậy, khi chưa đối xúc cảnh pháp thì chưa có phản chiếu nào sanh lên nhưng khi có cảnh pháp đối xúc thì lộ ý thức sanh lên tức thì"*.

Khi thấy nhân duyên như vậy thì chấm dứt hoài nghi trong vấn đề nhân duyên của danh sắc sinh diễn trong ba thời. Thấy rõ bằng tuệ “*Không có thượng đế nào tạo dựng danh sắc mà danh sắc chỉ sanh lên từ nhân. Tức chính nội xứ và ngoại xứ đối xúc nhau*”. Sự tuệ tri rõ ràng theo nhân quả đã đề cập tóm tắt trên gọi là hiểu biết danh sắc *Duyên đạt tuệ theo ý nghĩa pháp thành hay trí tu.*

64. Vấn: Trong sát na *Thẩm quán tuệ* (Sammāsanañāṇa) sanh lên với hành giả tu tiến *Minh quán nghiệp xứ* như thế nào? *Hãy trình bày rõ thực tánh của tuệ này theo tóm tắt?*

*** Đáp:** *Thẩm quán tuệ* có 3 bậc:

Hành giả được thầy giáo thọ chỉ dạy: “*Thẩm Quán Tuệ* là tuệ quán danh sắc theo tam tướng bằng cách *thẩm quán danh sắc* theo từng nhóm (Kalāpasammāsananaya), *thẩm quán danh sắc* theo giai đoạn thời gian (Addhānasammāsananaya), *thẩm quán danh sắc* theo nguyên tắc tương tục ghép nối (Santatisammāsananaya), *thẩm quán danh sắc* theo sát na (Khaṇasammāsananaya)”.

Sự ghi nhớ như vậy gọi là *hiểu biết theo pháp học hay trí văn.*

Hành giả đã xác định thấy nhân duyên làm phát sanh danh sắc theo lý Pháp Duyên Khởi hoặc theo lý bộ Đại Xứ (Mahāpaṭṭhāna) thích ứng với những gì tuệ đã hiểu được. Quán xét thấy thực tánh của danh sắc sanh lên theo thời gian tiếp nối nhau bằng nhân duyên

mà tâm hành giả bắt lấy cảnh quán: “*Danh sắc là vô thường, khổ, vô ngã*”. Hành giả tinh cần ghi nhận để phát sanh tuệ thấy rõ danh sắc theo tam tướng bằng bốn cách đã học tập. Trong sát na hành giả đang tinh cần để thấu triệt tam tướng bằng sự thẩm xét này, được liệt vào sự *hiếu biết Thẩm quán tuệ theo pháp hành hay trí tư*.

Khi hành giả dùng trí tư quán danh sắc theo tam tướng hiện hữu bằng như lý tác ý, thường thấy rõ danh sắc biến đổi từ loại này trở thành một loại khác thì trực nhận được danh sắc đó vô thường không bền vững. Rồi có danh sắc mới lại sanh lên không ngừng nghỉ từ danh sắc này đưa đến danh sắc khác. Sự cảm thọ cảnh cũng không lâu dài từ cảm thọ kia đến cảm thọ này. Việc ghi nhận danh cũng không bền vững từ suy nghĩ này đến suy nghĩ kia. Sự nhận thức nơi tâm cũng luôn biến chuyển từ tâm thiện sang tâm bất thiện, từ tâm bất thiện biến thành tâm thiện. Hành giả thường trực nhận sự biến đổi vô thường của danh sắc rõ ràng nơi tâm của mình như vậy, được liệt vào *Thẩm quán tuệ theo pháp thành hay Thẩm quán tuệ theo trí tư*.

Kể từ Danh Sắc phân tích tuệ... cho đến Thẩm quán tuệ hành giả thường phải dùng trí tư để trợ giúp cho tuệ quán.

Ghi chú:

Kể từ Sanh diệt tuệ... cho đến Phản kháng tuệ, đều có cùng cách thức chỉ khác nhau về phần nội dung.

65. Vấn: Trong sát na Sanh diệt tuệ sanh lên với hành giả tu tiến Minh quán nghiệp xứ đó như thế nào? Hãy trình bày rõ về thực tánh của tuệ này theo tóm tắt?

* **Đáp:** Sự liên quan tiếp nối từ lúc hành giả quán danh sắc theo vô thường, khổ, vô ngã thích ứng với niệm tuệ cho đến khi thấy sự sanh lên mới hiểu: “Danh sắc cũ diệt rồi, danh sắc mới này sanh lên thay thế danh sắc cũ”. Sự thấy như vậy gọi là thấy bằng Thấm quán tuệ tức tuệ quán danh sắc theo tam tướng.

Kể từ Danh Sắc phân tích tuệ, Duyên đạt tuệ, Thấm quán tuệ cả ba tuệ này thường sanh lên bằng cách dùng trí tư có cảnh quá khứ, cảnh vị lai và được liệt vào tuệ tri đoạn đầu (Ñātapariññā). Tuệ tri đoạn đầu là khi tu tiến đến Thấm quán tuệ thấy sự sanh diệt của danh sắc gọi là Sanh diệt tuệ còn non yếu (taruṇaudayabbayañāṇa). Lúc này sẽ có 10 tùy phiền não quán sanh lên làm hành giả có thể hiểu lầm là “Ta đã đắc đạo quả rồi”. Nhưng nếu được sự học hiểu hay được thiện bằng hữu nhắc nhở “Đó không phải là đạo lộ đúng, phải trở lại quán danh sắc làm cảnh” thì hành giả sẽ tiến hành trên đạo lộ đúng. Khi quán danh sắc thấy sự sanh diệt còn rất non yếu thì vẫn còn trong Thấm quán tuệ. Khi tu tiến tiếp tục niệm tuệ già mạnh sẽ thấy được cả hai sự sanh lẫn sự diệt của danh sắc khác với Thấm quán tuệ chỉ thấy sự sanh mà không thấy sự diệt của danh sắc thì biết rằng “Danh sắc cũ diệt rồi thì trong sát na khác danh sắc mới sanh lên”. Nhưng riêng Sanh diệt tuệ thấy sự sanh và sự diệt của

danh sắc trong mỗi sát na nối tiếp nhau liên tục do nhờ niệm tuệ già mạnh sanh lên.

Sanh diệt tuệ sanh lên sau khi vượt qua tùy phiền não quán gọi là Sanh diệt tuệ không có tùy phiền não. Tuệ này sanh lên tức Hành lộ tri kiến thanh tịnh đầu tiên, được liệt vào tuệ suy đạt (*tīraṇapariññā*). Trong sát na sanh lên thường thấy danh sắc sanh diệt bằng pháp vô thường cũng có, khổ không thể chịu đựng được cũng có, vô ngã không dưới quyền sai khiến cũng có, và trong sát na hiển lộ tam tướng đó pháp che đậy cũng bị hủy diệt đi.

Pháp che đậy có 3:

Tương tục luân lưu (*Santati*): Che đậy Vô thường tướng.

Oai nghi (*Iriyāpatha*): Che đậy Khổ tướng.

Thuần khối định kiến (*Ghaṇasaññā*): Che đậy Vô ngã tướng.

66. Vấn: Trong sát na Hoại diệt tuệ sanh lên với hành giả tu tiến Minh quán nghiệp xứ như thế nào? Hãy trình bày rõ đặc tánh của tuệ này theo tóm tắt?

* **Đáp:** Trong sát na hành giả quán sự sanh diệt của danh sắc đang liên tục tiếp nối nhau thì thấy tánh chất diệt của danh sắc rõ ràng hơn và nhiều hơn. Bởi do sự diệt tuyệt tương tục luân lưu (*santati*) không giống như sự diệt không hiển lộ rõ ràng của danh sắc trong Thâm quán tuệ.

Tánh chất diệt của danh sắc trong Sanh diệt tuệ này có sức mạnh dũng mãnh hiển lộ rõ ràng hơn nơi tuệ

quán và tác động tâm nhiều hơn. Bởi liên quan từ danh sắc hiển lộ với tuệ quán có sức mạnh tác động làm cho hành giả quan tâm đến tánh chất diệt của danh sắc. Khi quan tâm quán xét ghi nhận sẽ thấy tánh chất diệt hiển lộ nhiều lên hơn, còn sự sanh thì hiển lộ ít do không được quan tâm. Từ sự ghi nhận thấy tánh cách diệt hiện hữu như vậy thì sẽ thấy sự hoại diệt đơn phương của danh sắc ngay trong mỗi sát na. Ngài gọi tuệ ghi nhận thấy việc này là Hoại diệt tuệ.

Người đạt đến Hoại diệt tuệ chắc chắn được 8 quả báo:

1- Sẽ dứt bỏ sự thấy sai trong thường, lạc, ngã diễm tiến trong các sanh hữu.

2- Sẽ dứt bỏ sự hoan hỷ đối với mạng sống, không thương mến mạng sống vì thấy rằng khổ.

3- Sẽ tinh cần dũng mãnh trong thời gian dài để thoát khổ.

4- Sẽ nuôi mạng tránh xa tội lỗi trở thành nuôi mạng thanh tịnh.

5- Sẽ tri túc không tìm cầu trong đường lối xa lìa Pháp Luật.

6- Sẽ không kinh hãi hiểm họa, tai nạn nào khác.

7- Sẽ kiên trì nhẫn nại mà không có sự hoan hỷ hay ưu buồn đối với các cảnh sai biệt.

8- Sẽ là người nhu thuận dễ dạy, không bướng bỉnh cứng đầu.

Hoại diệt tuệ chính là tuệ biến thể từ Sanh diệt tuệ. Nhưng thay vì Sanh diệt tuệ thấy cả sự sanh diệt

của danh sắc thì Hoại diệt tuệ chỉ thấy đơn phương sự diệt của danh sắc mà thôi. Kể từ Hoại diệt tuệ được xếp vào tuệ thứ 5 này... cho đến Phản kháng tuệ là tuệ thứ 16 được liệt vào tuệ đoạn tri (pahānapariññā) vì có khả năng đoạn trừ pháp điên đảo (vipallāsa). Tức các sự thấy sai lệch là khỏi sự thật như Thường điên đảo tưởng, Lạc điên đảo tưởng, Ngã điên đảo tưởng.

67. Vấn: *Trong sát na Kinh hãi tuệ sanh lên hiển lộ với hành giả tu tiến Minh quán nghiệp xứ đó như thế nào? Hãy trình bày rõ về thực tánh của tuệ này theo tóm tắt?*

*** Đáp:** Khi hành giả quán thấy đơn phương sự diệt của danh sắc làm cảnh sẽ phát sanh tuệ thấy rõ ràng “Danh sắc này nguy hại, luôn bị bức ép bằng sự hoại diệt, vô thường, không trường cửu, không bền vững hằng biến hoại rã tan. Danh sắc quá khứ đã hoại diệt rã tan trong quá khứ, danh sắc hiện tại đang hoại diệt rã tan trong hiện tại, danh sắc vị lai sẽ hoại diệt rã tan trong vị lai. Tất cả chúng sanh trong bốn loài gồm có cảnh giới địa ngục, cảnh giới ngạ quỷ, cảnh giới bàng sanh, cảnh giới nhân loại và chư thiên khác biệt nhau bởi 6 thức trú, 9 hữu tịnh cư. Cho dù danh sắc đã sanh lên cuối cùng danh sắc đó cũng sẽ hoại diệt rã tan”.

Khi quán thấy danh sắc như vậy thì sự chết sẽ hiển lộ với hành giả đó rất mãnh liệt, giống như sự chết đó sanh lên trong ngày này, trong giờ này hay ngay trong phút này, trong giây này. Ví như người đao phủ đang dẫn phạm nhân đến pháp trường hành

quyết. Trên đoạn đường đi, cứ sau mỗi một bước chân thì sự chết cất dần thời gian sống của phạm nhân mỗi lúc mỗi gần.

Nhưng sự thấy nguy hại trong danh sắc của hành giả không làm cho hành giả kinh hồn hoảng sợ, vì sự sợ hãi này trong Hoại diệt tuệ cũng đã chấm dứt trong tâm của hành giả rồi nên trong Kinh hãi tuệ chỉ phát sinh thấy danh sắc nguy hại do nương vào tuệ quán mà thôi. Ví như danh sắc đang thọ sanh vào các sanh loại, các cảnh giới đều phải bị rơi vào thực tánh như vậy (tức vô thường, khổ không chịu đựng được, vô ngã không dưới quyền sai khiến). Khi Kinh hãi tuệ sanh lên rồi thì làm cho ái dục không có khả năng sanh lên được, sẽ đoạn trừ Mỹ tưởng rõ rệt trong Kinh hãi tuệ, và thực tánh pháp tam tướng cũng sẽ hiển lộ thấu đáo rõ ràng hơn.

68. Vấn: *Trong sát na Quá hoạn tuệ sanh lên với hành giả tu tiến Minh quán nghiệp xứ như thế nào? Hãy trình bày rõ đặc tánh của tuệ này theo tóm tắt?*

* **Đáp:** Tuệ được gọi là Quá hoạn tuệ này cũng có sự quán danh sắc và thấy bằng tuệ giống như Kinh hãi tuệ. Là tuệ liên quan tiếp nối nhau, tức khi thấy sự sợ hãi rồi thì thường thấy nguy hại, hoặc thấy nguy hại thì thường thấy sợ hãi. Nhưng tuệ quán thấy nguy hại của danh sắc này thường quán sâu sắc hơn Kinh hãi tuệ.

Quá hoạn tuệ này thấy con đường không có sự sợ hãi, không có tội lỗi. Tức tuệ tri “*Danh sắc không có*

trong nơi nào thì nơi đó không có sợ hãi, không có nguy hại. Vì danh sắc này chỉ vận hành diễn tiến để khởi lên sự khổ như sanh hữu, sanh, già, chết bởi quyền lực của phiền não, nghiệp, di thực quả luân chuyển trong sanh hữu nhỏ, lớn. Và sự chấm dứt vận hành diễn tiến của danh là thực tánh Níp Bàn ly khổ mà bậc Chánh Đẳng Chánh Giác và các bậc A La Hán đã thực chứng”.

Khi tâm nhìn thấy sự nguy hại khổ đau của danh sắc đang vận hành diễn tiến trong các sanh hữu nhiều chừng nào thì tâm cũng trực nhận được thực tánh đối ngược lại danh sắc nhiều chừng đó, tức thực tánh không có danh sắc là pháp không có nguy hại khổ đau. Tâm của hành giả trong sát na này chỉ hướng về tịnh lạc, gọi là khởi đầu phát sanh tuệ thẩm nghiệm giải thoát khổ. Lúc này, tâm bắt lấy thực tánh phi danh sắc không có sanh, già, đau, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não thấy phi danh sắc là thực tánh không nguy hại, tức thấy sự vắng lặng do thẩm nghiệm bằng tuệ. Giống như tâm trạng bất lực của người nhìn thấy ngọn lửa làm bùng cháy đám cỏ khô như thế nào, thì đối với ngũ uẩn còn hiện hữu thì không thể giải thoát khỏi khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết cũng như thế ấy.

Quá hoạn tuệ này sanh lên làm cho hành giả chấm dứt thương mến luyện tiếc trong pháp hành. Tức tất cả danh sắc vận hành diễn tiến trong ba cõi cũng hiện bày bởi toàn khổ đau và ngập tràn nguy hại, ví như hố than cháy đỏ rừng rực. Còn tứ đại hiện hữu trong thân cũng giống như bốn con rắn độc chực chờ để mổ. Ngũ uẩn cũng hiển lộ giống người đao phủ thủ vung thanh

gươm lên chém đầu. Bản chất tâm của hành giả lúc này càng nhiều kinh cảm bởi trường hợp như vậy.

69. Vấn: *Trong sát na Yếm ố tuệ sanh lên với hành giả tu tiến Minh quán nghiệp xứ đó như thế nào? Hãy trình bày rõ về thực tánh của tuệ này theo tóm tắt?*

*** Đáp:** Khi hành giả tinh cần tu tiến Minh quán nghiệp xứ thấy nguy hại của danh sắc rõ ràng nhiều đến ngàn nào, thì tam tướng cũng hiển lộ rõ ràng hơn với trí tuệ nhiều đến ngàn đó. Tuệ của hành giả trong lúc này thường quán thấy danh sắc là pháp không đáng ưa thích dù chỉ là chút ít. Ngay cả trong danh sắc của chư thiên, phạm thiên là pháp thiên giới ít có khổ đau cũng không có tâm ưa thích dù chỉ một chút ít. Hành giả hằng có tâm nhằm chán tất cả danh sắc trong mọi sanh hữu, trong mọi loài. Sự nhằm chán này, được ngài ví như con hạc chúa hằng không ưa thích đi xuống những chỗ bùn sinh bẩn thỉu, vốn dĩ loài hạc chúa chỉ vui thích dạo chơi dưới chân núi Gijjhakūta hùng vĩ và bảy hồ lớn đẹp xinh. Nghĩa là tâm của hành giả nhằm chán với danh sắc vận hành diễn tiến trong sanh hữu và sanh loại khác nhau. Sanh hữu, sanh loại sai khác hiển lộ với tuệ của hành giả tựa như vũng bùn nước ứ đọng ngay trước cổng nhà lợp xúp của người chiêm đà la. Tâm của hành giả hướng đến dứt bỏ pháp hành danh sắc có tâm thỏa thích tu tiến cả bảy pháp tùy quán như Vô thường tùy quán... Giống như bạch tượng thuần chủng thuộc dòng Chaddanta có thể đi trên hư không hằng không vui thích sống giữa thành đô náo nhịp mà chỉ thích sống trong hồ Chaddanta và rừng Hy Mã Lạp

Son. Ở đây tâm của hành giả cũng như bạch tượng cao quý này không vui thích trong pháp hữu vi, hành giả chỉ vui thích thực tánh vắng lặng của pháp hành và chỉ hướng về sự hành tập để đạt đến thực tánh Níp Bàn.

Sự vận hành và diễn tiến của ba tuệ tức Kinh hãi tuệ, Quá hoạn tuệ, Yếm ố tuệ có ý nghĩa:

Thấy bằng cách sợ hãi, nguy hại và phát sanh nhàm chán, nhưng Kinh hãi tuệ diễn tiến ở cấp độ non yếu.

Thấy bằng cách sợ hãi, nguy hại và phát sanh nhàm chán, nhưng Quá hoạn tuệ diễn tiến ở cấp độ trung bình.

Thấy bằng cách sợ hãi, nguy hại và phát sanh nhàm chán, nhưng Yếm ố tuệ diễn tiến ở cấp độ già mạnh.

Bởi vì cả ba tuệ này cùng có thực tánh thấy sợ hãi, thấy nguy hại, thấy nhàm chán như nhau.

70. Vấn: *Trong sát na Dục thoát tuệ sanh lên với hành giả tu tiến Minh quán nghiệp xứ như thế nào? Hãy trình bày rõ đặc tánh của tuệ này theo tóm tắt?*

* **Đáp:** Thường thì người có sự nhàm chán trong pháp nào thường có tâm muốn thoát khỏi pháp đó. Ví như người chồng chán ngán người vợ và người vợ ngao ngán người chồng, cả hai người đều không muốn gặp mặt nhau và cùng muốn dứt tình nghĩa với nhau như thế nào, thì hành giả thực hành tinh cần đến Dục thoát tuệ có sự nhàm chán pháp hành danh sắc, thì có tâm muốn thoát khỏi pháp hành cũng như thế đó.

Ngài ví dụ như mong muốn thoát khỏi pháp hành danh sắc:

- 1- Ví như cá mắc vào lưới mong muốn thoát khỏi lưới.
- 2- Ví như ếch nằm trong miệng rắn mong muốn thoát khỏi miệng rắn.
- 3- Ví như gà rừng bị người ta nhốt vào chuồng mong muốn thoát khỏi chuồng.
- 4- Ví như con nai bị mắc bẫy khao khát mong muốn thoát khỏi bẫy đó.
- 5- Ví như rắn bị bắt trong tay thầy rắn mong muốn thoát khỏi tay thầy rắn.
- 6- Ví như con voi bị mắc lầy mong muốn thoát khỏi vũng lầy.
- 7- Ví như loài rồng nằm trong miệng Kim Xí Đỉnh mong muốn thoát khỏi miệng Kim Xí Đỉnh.
- 8- Ví như người bị địch quân bao vây mong muốn thoát khỏi vòng vây của quân địch.

Sự mong muốn thoát khỏi pháp hành danh sắc này tiếp nối liên quan từ Yếm ố tuệ, phát sanh sự nhàm chán trong pháp hành danh sắc. Nếu không có sự nhàm chán sanh lên thì sự mong muốn thoát khỏi cũng không thể có mặt được. Nhưng sự nhàm chán trong Yếm ố tuệ không những nhắm đến pháp hành thô thiển hạ liệt thôi, mà Yếm ố tuệ thật sự còn nhắm đến nhàm chán pháp hành vi tế lẫn thù thắng. Sự nhàm chán tiếp nối như đã đề cập trên khi có nhiều sức mạnh sẽ là nhân phát sanh Dục thoát tuệ làm mong muốn thoát khỏi pháp hành danh sắc như ý nghĩa đã ví dụ trên. Chính

sự mong muốn thoát khỏi pháp hành khi có nhiều sức mạnh sẽ là nhân là duyên tìm kiếm phương pháp thoát khỏi pháp hành này.

71. Vấn: *Trong sát na Trạch sát tuệ sanh lên với hành giả tu tiến Minh quán nghiệp xứ như thế nào? Hãy trình bày rõ đặc tánh của tuệ này theo tóm tắt?*

*** Đáp:** Hành giả đạt đến Dục thoát tuệ thì có sự mong muốn thoát khỏi pháp hành danh sắc này, khi có tuệ già mạnh thêm sẽ là duyên tìm kiếm phương pháp thoát khỏi pháp hành, ước muốn “*Làm thế nào để thoát khỏi pháp hành này được*”. Ví như người bị giam cầm mong muốn thoát khỏi ngục tù mới nỗ lực tìm đủ mọi cách thoát khỏi để được tự do như thế nào thì hành giả tu tiến Minh quán đến Trạch sát tuệ cũng như thế đó. Hành giả thường có tâm mong muốn thoát khỏi pháp hành nên tinh cần tìm kiếm phương pháp bằng nhiều cách khác nhau nhưng cũng không tìm được. Cuối cùng chỉ có một phương cách duy nhất là nắm lấy pháp hành danh sắc rồi như lý tác ý quán xét để thấy được Vô thường tướng, Khổ tướng, Vô ngã tướng rõ ràng lên. Khi nắm lấy pháp hành và quán theo nhiều cách sai biệt thì tâm của hành giả sẽ thấy sự nguy hại và khổ của pháp hành càng nhiều. Ngài ví như người nắm con rắn ra từ trong cái nơm, khi thấy con rắn thì giật mình kinh hãi vì lúc đầu nghĩ tưởng là cá. Người ấy vội vàng ném con rắn đang quấn trên cánh tay ra rồi bỏ đi nhanh đến cạnh bờ hồ. Điều này giống như hành giả nắm bắt lấy tam tướng tái quán lần nữa, để đoạn trừ các pháp điên đảo đang còn trong cơ tánh làm cho yếu

dần để không còn nguy hại đến mình nữa. Ví như con rắn bị quay hai, ba vòng cho yếu dần trước rồi quăng đi, làm như thế thì con rắn đó không thể quay đầu lại mổ người ấy được nữa.

Trong Trạch sát tuệ này, phương pháp mà hành giả nắm bắt lấy pháp hành danh sắc làm cảnh, quán theo phương pháp như lý tác ý để thấy được tam tướng rõ ràng thêm lên, nên được xếp vào phương pháp áp chế phiền não đang có. Không cho có sức mạnh làm trưởng trong tâm của hành giả được nữa, nên trở thành phương pháp cắt đứt sức mạnh của phiền não, hỗ trợ cho niệm tuệ già mạnh lên để tiếp tục hành Minh quán cho thành đạt.

72. Vấn: *Trong sát na Hành xả tuệ sanh lên với hành giả tu tiến Minh quán nghiệp xứ đó như thế nào? Hãy trình bày rõ đặc tánh của tuệ này theo tóm tắt?*

*** Đáp:** Khi hành giả tìm kiếm phương pháp khác nữa để thoát khỏi pháp hành danh sắc, khi quán xét thì phát sanh tuệ hiểu “*Pháp hành danh sắc sanh lên từ nhân duyên trong quá khứ, khi nhân duyên chưa chấm dứt thì dị thực quả danh sắc còn hiện hữu. Khi làm cho nhân duyên chấm dứt thì danh sắc hình thành từ dị thực quả sẽ không sanh lên*”.

Tuệ tri như vậy rồi quán xét “*Phương pháp nào làm cho nhân duyên tức vô minh, ái, thủ, nghiệp chấm dứt để không sanh lên dị thực quả danh sắc. Khi quán xét cũng không thấy được phương pháp nào có thể làm cho vô minh, ái, thủ, nghiệp chấm dứt được, ngoại trừ*

quán tam tướng giống như liều thuốc duy nhất có thể làm cho nhân duyên như đã đề cập trên chấm dứt”.

Hành giả khi quán pháp hành danh sắc theo tam tướng có sức mạnh già dặn thì trí tuệ sẽ hiển lộ thấy ngũ uẩn này là không cốt lõi, rỗng không. Sẽ thấy ngũ uẩn không phải là chúng sanh, người, sanh mạng, ta... sẽ thấy không có cái ta, không có cái của ta, không phải họ, không phải người khác, không phải nữ nhân, không phải nam nhân, không phải pháp bền vững, không phải pháp đáng ưa thích hoan hỷ. Thực chất tâm không có hoan hỷ ưu buồn đối với pháp hành danh sắc nào cả. Chấp pháp (Gahadhamma) mà hành giả chấp thủ *“Đây là của ta do mãnh lực của ái dục, đây là ta do mãnh lực của ngã mạn, đây là tự ngã của ta do mãnh lực của kiến”* sẽ diệt mất trong cơ tánh. Phát sanh tuệ thấy pháp hành danh sắc *“Đây không phải là của ta, đây không phải là ta, đây không phải là tự ngã của ta”*, thì các phiền não cũng diệt đi mất. Tâm của hành giả sẽ đạt đến thực tánh vắng lặng của pháp hành danh sắc, không còn các hiện tượng. Bởi vì tâm của hành giả thản nhiên không hoan hỷ, không ưu buồn đối với pháp hành danh sắc. Ngài mới gọi thực tánh của tuệ trong sát na này là Hành xả tuệ.

Đối với ba tuệ là Dục thoát tuệ, Trạch sát tuệ, Hành xả tuệ này đều có sự nhận định mong muốn thoát khỏi danh sắc như nhau, chỉ khác Hành xả tuệ là tuệ tu tiến viên mãn đầy đủ từ sự mong muốn thoát khỏi cho đến khi không tìm được con đường giải thoát mới có tâm thản nhiên, không hoan hỷ không ưu buồn.

73. Vấn: Trong sát na Thuận thứ tuệ sanh lên với hành giả tu tiến Minh quán nghiệp xử như thế nào? Hãy trình bày rõ đặc tánh của tuệ này theo tóm tắt?

* **Đáp:** Khi hành giả quán pháp hành danh sắc rỗng không từ nơi chúng sanh, người, bản ngã, ta, họ, thấy được pháp hành không phải là ta, không phải là của ta như vậy rồi. Từ đó tâm của hành giả sẽ có trạng thái ưu hoài héo hon không hân hoan, tâm cũng không ưa thích nương tựa vào cảnh giới nào cả, giống như giọt nước không đọng lại trên lá sen. Tiếp theo đó tâm của hành giả sẽ níu lấy thực tánh phi pháp hành danh sắc tức Níp Bàn làm cảnh. Khi níu lấy Níp Bàn làm cảnh không được mới trở lại níu lấy pháp hành danh sắc làm cảnh rồi quán pháp hành theo hiện tượng là pháp không thật chắc, không cốt lõi, là pháp không đáng ưa thích, là pháp rỗng không, không phải là của ta. Quán pháp hành thường xuyên như vậy thì tâm lại níu lấy thực tánh phi pháp hành danh sắc tức Níp Bàn làm cảnh lần nữa.

Hành giả hành tập luân phiên xen kẽ nhau bằng cách thức như vậy:

Nếu trong sát na quán đó có tín quyền làm trưởng thì đạo lộ đó được gọi là Vô tướng giải thoát.

Nếu trong sát na quán đó có định quyền làm trưởng thì đạo lộ giải thoát được gọi là Phi thuộc lụy giải thoát.

Nếu trong sát na quán có tuệ quyền làm trưởng thì đạo lộ giải thoát được gọi là Không tánh giải thoát.

Thuận thứ tuệ này có 2 phận sự:

1- Phận sự quán pháp hành danh sắc để triệt tiêu tiềm miên cho chấm dứt.

2- Phận sự tập hợp pháp đồng sanh tức hội tập đầy đủ pháp giác ngộ, ví như tập hợp quân cảm tử lại để tiêu diệt quân thù.

Sát na Thuận thứ tuệ sanh lên, tâm của hành giả hướng đến Thánh Đế truy tìm nhân quả, xác định Khổ, Tập, Diệt, Đạo theo Trí đế (Saccañāṇa), Trí sự (Kiccañāṇa) và Trí hoàn thành (Katañāṇa).

Khi sanh lên có ba sát na đồng lực, đồng lực đầu gọi là Chuẩn bị (Parikamma), đồng lực thứ 2 gọi là Cận hành (Upacāra), đồng lực thứ 3 gọi là Thuận thứ (Anuloma) làm duyên cho Chuyển tộc.

74. Vấn: Trong sát na Chuyển tộc tuệ sanh lên với hành giả tu tiến Minh quán nghiệp xứ như thế nào? Hãy trình bày rõ đặc tánh của tuệ này theo tóm tắt?

*** Đáp:** Tuệ hiện bày gần kề sự đắc chứng Đạo Quả phải trải qua Hành xả tuệ và Thuận thứ tuệ trước khi chứng đắc Đạo Quả, vì cả hai tuệ này là xuất hành Minh quán (Vutthagāminī). Khi gần xuất ly khỏi phiền não thì tuệ này vận hành biến chuyển khác biệt không giống nhau. Nghĩa là đôi khi ban đầu quán xét một cách, nhưng lúc tiếp cận với Thánh Đạo cũng có thể quán xét bằng cách khác. Và đôi khi ban đầu quán xét cách nào thì lúc tiếp cận với Thánh Đạo cũng sanh lên

theo cách đó. Sự khác biệt này là do pháp độ (pāramī). Và phía trước đồng lực Thuận thứ sanh lên ba sát na (chuẩn bị, cận hành, thuận thứ) đối với người độn căn, hay hai sát na (cận hành, thuận thứ) đồng lực Thuận thứ đối với người lợi căn, rồi đồng lực Chuyển tộc sanh lên bắt lấy Níp Bàn hiển lộ rõ ràng. Đối với tâm của hành giả vào sát na đồng lực Chuyển tộc đang sanh lên gọi là vượt khỏi phàm chủng bước vào Thánh chủng. Nhưng tâm Chuyển tộc đó dù bắt lấy Níp Bàn làm cảnh rõ ràng nhưng cũng không triệt tiêu được phiền não vì tâm đó vẫn còn là hiệp thế không phải là tâm siêu thế. Đến lúc tâm Đạo sanh lên mới triệt tiêu phiền não hoàn toàn.

Ngài giáo thọ sư chú giải đã so sánh ví dụ Chuyển tộc tuệ giống như người chạy thật nhanh nắm lấy dây leo thòng xuống tại gốc cây rồi đu mình qua bờ bên kia. Lúc sang bờ kia mới bỏ dây leo mà mình đu qua nhưng chân chưa kịp đạp trên mặt đất, giai đoạn này giống như sát na Chuyển tộc sanh lên bắt lấy Níp Bàn làm cảnh. Khi chân của người đó chạm đến mặt đất, giai đoạn này giống như tâm Đạo sanh lên. Hay ví như người phu khuân vác chịu đựng sức nặng trên vai rồi mới cố ráng bước đi 2 - 3 bước rồi đặt gánh nặng xuống. 2 - 3 bước đi giống như 2 - 3 đồng lực Thuận thứ, lúc đặt gánh nặng xuống giống như đồng lực Chuyển tộc và cảm giác sự nhẹ nhàng giống như tâm Đạo, nhận thức được sự an lạc giống như tâm Quả sanh lên tiếp nối nhau.

75. Vấn: Trong sát na Đạo tuệ sanh lên với hành giả tu tiến Minh quán nghiệp xử như thế nào? Hãy trình bày rõ đặc tánh của tuệ này theo tóm tắt?

* **Đáp:** Sự liên quan tiếp nối từ Chuyển tộc tuệ là tuệ thứ 13 trong 16 tuệ, đứng giữa Hành lộ tri kiến thanh tịnh và Tri kiến thanh tịnh, sanh lên tiếp nối từ sát na đồng lực Thuận thứ và bắt lấy Níp Bàn làm cảnh rồi diệt đi. Từ đó một sát na đồng lực Đạo sanh lên làm triệt tiêu ba phiền não là thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ dứt tuyệt khỏi cơ tánh, bắt lấy Níp Bàn làm cảnh như nhau. Tâm Đạo sanh lên chỉ một sát na gọi là Sơ Đạo hay Nhập Lưu Đạo Tuệ. Kể từ đó cho đến khi Níp Bàn tâm này sẽ không sanh lên nữa. Tâm Sơ Đạo hay Nhập Lưu Đạo Tuệ sanh lên hằng có sức mạnh triệt tiêu luân hồi tức phiền não, nghiệp, di thực quả, chỉ luân chuyển trong vòng luân hồi không quá bảy kiếp cũng sẽ tịch diệt Níp Bàn. Nhưng nếu hành giả nào có quyền già mạnh cũng có thể làm cho chứng đắc Đạo Quả sanh lên kế tiếp cho đến khi đắc A La Hán và tịch diệt uẩn Níp Bàn hiện tại trong chính cõi đó.

Đạo Tuệ sanh lên gọi là Lương phần xuất ly (Ubbhatovuttahāna) tức giải thoát khỏi 2 phần:

1- Giải thoát khỏi cảnh hiệp thế tức pháp hành danh sắc.

2- Giải thoát khỏi phiền não.

Đạo tuệ này khác với Chuyển tộc tuệ, vì Chuyển tộc tuệ chỉ là Bán phần xuất ly (Ekavuttahāna) nghĩa là giải

thoát chỉ một phần là giải thoát khỏi cảnh hiệp thế tức pháp hành danh sắc, chưa giải thoát khỏi phiền não. Cho dù Chuyển tộc tuệ cũng bắt lấy Níp Bàn làm cảnh giống như tâm Đạo cũng không thể làm viên mãn được 4 phận sự như sau:

- 1- Có khả năng biến tri khổ đế.
- 2- Có khả năng đoạn trừ tập đế.
- 3- Có khả năng tác chứng diệt đế.
- 4- Có khả năng tu tiến đạo đế.

Cả 4 phận sự này được ngài ví như trong lúc thắp đèn:

- 1- Tim đèn cháy sáng.
- 2- Bóng tối diệt mất.
- 3- Ánh sáng sanh lên.
- 4- Dầu cạn bớt.

76. Vấn: Trong sát na Quả tuệ sanh lên với hành giả tu tiến Minh quán nghiệp xứ như thế nào? Hãy trình bày rõ đặc tánh của tuệ này theo tóm tắt?

*** Đáp:** Sau khi tâm Đạo sanh lên một sát na bắt lấy Níp Bàn làm cảnh và làm phận sự sát tuyệt phiền não rồi diệt đi. Tuần tự nối tiếp hai sát na tâm Quả sanh lên nhưng không làm phận sự sát tuyệt phiền não nào cả mà chỉ hưởng quả nối tiếp từ tâm Đạo và làm phận sự hưởng cảnh Níp Bàn. Quả tuệ sanh tiếp nối theo Đạo tuệ 2 - 3 sát na cũng có thể sanh trở lại cho hành giả ấy về sau nữa. Nghĩa là hành giả ấy khi

đắc Sơ Quả rồi, nếu không tu tiến tiếp theo đạo nào nữa mà hành trì trệ thối lùi vì nghĩ “*Ta không còn phải rơi vào bốn đọa xứ nữa*”, hoặc do mãnh lực của phiền não và nghiệp chướng còn dư sót trong lúc thực hành bị thối lùi. Hành giả này, lúc nào cần thọ hưởng lạc của quả mà mình đã đắc thì có thể nhập quả định bất lấy Níp Bàn làm cảnh theo như ý muốn.

Bậc đã chứng đắc Nhập Lưu đó, ngài xếp thành 3 nhóm do năng lực quyền già mạnh và non yếu:

1- Bậc phải tái sanh 1 kiếp nữa rồi Níp Bàn gọi là Ekabījīśotāpanna.

2- Bậc phải tái sanh 2 - 3 kiếp nữa rồi Níp Bàn gọi là Kolāṅkolasotāpanna.

3- Bậc phải tái sanh 7 kiếp nữa rồi Níp Bàn gọi là Sattakkhattuparamasotāpanna.

Sự đắc chứng Sơ Đạo này có 2:

- Nếu hành giả là người trội về đức tin thì gọi là Tùy tín hành (Saddhānusārī), kể từ Sơ Quả trở lên cho đến Tứ Quả gọi là Tín giải thoát (Saddhāvimutti), nếu hành giả đắc chứng thiên hữu sắc và vô sắc rồi chứng đắc đạo quả gọi là Lương biên giải thoát (Ubhatobhāgavimutti).

- Nếu hành giả là người trội về trí tuệ, quán Vô ngã tướng rồi chứng đắc Sơ Đạo gọi là Tùy pháp hành (Dhammānusārī), kể từ Sơ Quả trở lên cho đến Tứ Đạo gọi là Kiến chí (Ditṭhipatta), riêng Tứ Quả gọi là Tuệ giải thoát (Paññāvimutti).

77. VẤN: Trong sát na Tuệ phản kháng sanh lên với hành giả tu tiến Minh quán nghiệp xử như thế nào? Hãy trình bày rõ đặc tánh của tuệ này theo tóm tắt?

*** ĐÁP:** Sau khi Đạo tuệ diệt tiếp theo 2 - 3 sát na Quả tuệ sanh lên, từ đó hành giả được gọi là Thánh nhân được xếp vào ruộng phước của thế gian. Tâm lộ tiếp theo của bậc đắc Đạo Quả này cũng có sự phản kháng lại Đạo, Quả, Níp Bàn, phiền não đã dứt trừ, phiền não còn dư sót.

Bậc Thánh nhân có một số ngài phản kháng lại, một số ngài không phản kháng lại. Nếu là bậc thọ trì pháp học có sự hiểu biết đầy đủ thì phản kháng lại được theo căn bản pháp học vì biết "*Phiền não nào ta đã dứt trừ, phiền não nào còn dư sót*". Còn một số ngài không thọ trì pháp học nên không hiểu biết đầy đủ để phản kháng lại. Nhưng đối với Đạo, Quả, Níp Bàn, dù là bậc Thánh nào đi nữa cũng chắc chắn phải phản kháng lại không thể bỏ sót được.

Phản kháng tuệ này sanh lên trong lộ ý môn sau khi tâm đạo đã diệt, sanh lên cho 4 bậc Thánh nhân:

- Bậc Nhập Lưu phản kháng có 5 cách.
- Bậc Nhất Lai phản kháng có 5 cách.
- Bậc Bất Lai phản kháng có 5 cách.
- Bậc A La Hán phản kháng có 4 cách.

Sự việc mà bậc A La Hán phản kháng có 4 cách vì ngài đã hoàn toàn đoạn tận phiền não nên không cần

phải phản kháng lại phiền não còn dư sót. Tuệ phản kháng sanh lên không quy định thứ tự “Phản kháng lại Đạo, Quả trước hay Níp Bàn trước” mà phản kháng thế nào trước cũng được cả.

Phản kháng tuệ này nếu sanh lên với bậc hữu học thì dùng tâm đại thiện phản kháng lại, nếu sanh lên với bậc vô học thì phản kháng lại với tâm đại tố.

78. Vấn: *Hãy giải thích tóm tắt tiếp theo đây:*

Hành Minh quán (Saṅkhārapariggahanakavipassanā).

Thiền quả Minh quán (Phalasamāpattivipassanā).

Thiền diệt Minh quán (Nirodhasamāpattivipassanā).

*** Đáp:**

1- Hành Minh quán (Saṅkhārapariggahanakavipassanā): Minh quán pháp hành danh sắc để làm duyên tác chứng Đạo Quả, nếu sanh lên với người Độn căn chứng đắc Đạo trì trệ gọi là Trì trí đạo (Dandhābhiññāmagga), nếu sanh lên với người Lợi căn chứng đắc Đạo mau lẹ thì gọi là Lợi trí đạo (Khippābhiññāmagga). Nhưng nếu chưa đạt đến xuất hành Minh quán (Vutthānagāminīvipassanā) thì vẫn còn xa cách Đạo Quả, chưa chắc chắn sẽ đắc chứng Đạo Quả.

2- Thiền quả Minh quán (Phalasamāpattivipassanā): Minh quán danh sắc để nhập thiền quả (quả định). Bậc mới khởi đầu nhập thiền quả phải là bậc Lợi quán mới nhập thiền quả được. Nhưng khi bậc đã thuần thục trong việc nhập thiền quả rồi thì vị Độn quán cũng nhập thiền quả được.

Sự kiện như vậy bởi do vị ấy nhập thiền chưa thuần thục, nếu trì trệ thì tâm sẽ rơi vào thiền chỉ tĩnh (Samādhi), khi tâm thiên nặng về thiền chỉ thì không thích ứng cho việc nhập thiền quả mà chỉ làm cho tâm an tịnh mà thôi.

3- Thiền diệt Minh quán (Nirodhasamāpattivipassanā): Minh quán mà có sự quán xét pháp đáo đại để nhập thiền diệt. Minh quán để nhập thiền diệt phải là tuệ quán trung bình không Độn quán (Mandavipassanā) hay Lợi quán (Tikkhavipassanā). Và Minh quán này phải luân phiên xen kẽ đều đặn với thiền chỉ tĩnh. Bởi vì bậc Độn quán thì định sẽ có sức mạnh nhiều hơn, khi định có sức mạnh nhiều hơn thì tâm và tâm sở cũng không thể diệt đi. Nếu là bậc Lợi quán sẽ trực nhận sự nguy hại của pháp hành thì sẽ thành tựu thiền quả. Cho nên Minh quán để nhập thiền diệt phải là Minh quán phi độn phi lợi căn (Natimandanatitikkha) tức Minh Quán trung bình.

79. Vấn: *Do nhân nào mà Chuyển tộc tuệ gọi là Bán phần xuất ly (Ekavuttahāna)? Hãy giải thích tóm tắt?*

* **Đáp:** Chuyển tộc tuệ được gọi là Bán phần xuất ly (Ekavuttahāna) vì trong sát na Chuyển tộc tuệ sanh lên tâm đoạn trừ được hiện tượng pháp hành, tức một phần danh sắc nhưng chưa đoạn trừ phần ái nội kết (Tanhāpavatti). Vì đoạn trừ hay giải thoát khỏi hiện tượng pháp hành, nhưng chưa giải thoát khỏi ái dục được. Khi Đạo tuệ sanh lên có khả năng đoạn trừ cả hai hiện tượng pháp hành (Saṅkhāranimitta) tức danh

sắc và ái dục, nên Đạo tuệ gọi là Lưỡng phần xuất ly (Ubhatovutthāna) tức giải thoát hai phần, khác với Chuyển tộc tuệ chỉ giải thoát được hiện tượng pháp hành mà thôi.

80. Vấn: *Hãy ví dụ cho thấy sát na Thánh Đạo (Ariyamagga) sanh lên đồng cùng làm 4 phận sự theo các ý nghĩa?*

*** Đáp:**

1- Ví dụ trong lúc thắp ngọn đèn:

Trong sát na Thánh Đạo tuệ có sức mạnh biến tri Khổ Đế, ví như ngọn đèn thắp sáng tim đèn cháy lên.

Trong sát na Thánh Đạo tuệ có sức mạnh đoạn trừ Tập Đế, ví như ngọn đèn thắp sáng xua tan đêm tối.

Trong sát na Thánh Đạo tuệ có sức mạnh tác chứng Diệt Đế, ví như ngọn đèn làm cho dầu khô cạn.

Trong sát na Thánh Đạo tuệ có sức mạnh tu tiến Đạo Đế, ví như ngọn đèn xuất hiện chiếu sáng các phương.

2- Ví như mặt trời ló dạng lúc rạng đông:

Trong sát na Thánh Đạo tuệ có sức mạnh biến tri Khổ Đế, ví như mặt trời xuất hiện các màu sắc hiển lộ trên thế gian.

Trong sát na Thánh Đạo tuệ có sức mạnh đoạn trừ Tập Đế, ví như mặt trời xua tan màn đêm tăm tối.

Trong sát na Thánh Đạo tuệ có sức mạnh tác chứng Diệt Đế, ví như mặt trời làm chấm dứt sự lạnh lẽo mang lại ấm áp cho chúng sanh.

Trong sát na Thánh Đạo tuệ có sức mạnh tu tiến Đạo Đế, ví như mặt trời xuất hiện chiếu sáng khắp các luân vi thế giới.

3- Ví như con thuyền vượt qua dòng nước:

Trong sát na Thánh Đạo tuệ có sức mạnh biến tri Khổ Đế, ví như con thuyền rời khỏi bờ sông bên này.

Trong sát na Thánh Đạo tuệ có sức mạnh đoạn trừ Tập Đế, ví như con thuyền chạy cắt đứt dòng nước.

Trong sát na Thánh Đạo tuệ có sức mạnh tác chứng Diệt Đế, ví như con thuyền chạy qua bến bờ bên kia.

Trong sát na Thánh Đạo tuệ có sức mạnh tu tiến Đạo Đế, ví như con thuyền chuyên chở hàng hóa (Bát Chánh Đạo) đi cùng.

81. Vấn: *Hành giả đắc Nhập Lưu rồi tu tiến Minh quán nghiệp xứ để chứng đắc Đạo tuệ, Quả tuệ cao, tiếp theo phải làm thế nào? Hãy chỉ dẫn phương pháp thực hành theo tóm tắt?*

* **Đáp:** Vừa đắc Nhập Lưu một số vị sau khi phản kháng lại nhưng chưa đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi vẫn tiếp tục tinh cần tu tiến Minh quán nghiệp xứ. Khi tiến tu cũng quán lấy danh pháp sắc pháp bằng cách phân loại sắc, thọ, tưởng, hành, thức thích hợp với cơ tánh của mình theo tam tướng tức quán vô thường, khổ, vô ngã. Khởi đầu từ Sanh diệt tuệ... cho đến Hành xả tuệ, khi sát na lộ tâm Nhị Đạo sanh lên thì đồng lực Thuận thứ cũng sanh lên 2 - 3 sát na, kế tiếp đồng lực Chuyển tộc cũng sanh lên nhưng đồng lực Chuyển tộc sanh lên

ngài đổi tên mới gọi là đồng lực Dũ tịnh (Vodānājavana) bởi vì hành giả giải thoát khỏi phàm chủng rồi (ngay cả lộ tâm Tam Đạo, lộ tâm Tứ Đạo mà đạt đến trong sát na này cũng gọi là đồng lực Dũ Tịnh). Sau khi đồng lực Dũ tịnh diệt đi thì đồng lực Đạo tuệ sanh lên một sát na, tiếp đến hai sát na đồng lực Quả tuệ sanh lên với bậc Độn căn, và ba sát na đồng lực Quả tuệ sanh lên với bậc Lợi căn, hành giả đó được gọi là bậc Nhất Lai hay Nhị Đạo sanh lên lần thứ hai làm phận sự sát trừ làm cho giảm nhẹ tham ái và sân hận.

Lộ Tam Đạo, Tứ Đạo cũng như vậy, một số ngài cũng hành trì trệ thối lùi cho đến khi về sau vượt qua mới hành tinh cần. Nhưng có một số ngài trong lúc đang ngồi trong chính chỗ ngồi đó cũng tinh cần tu tiến quán danh sắc xuyên qua tam tướng vô thường, khổ, vô ngã kể từ Sanh diệt tuệ ... cho đến Hành xả tuệ. Kế tiếp đồng lực Thuận thứ sanh lên 2 - 3 sát na giống như lộ Nhị Đạo đã đề cập trên thì lộ Tam Đạo sanh lên làm sát tuyệt dục ái và sân hận lần thứ 3.

Gọi là tâm A La Hán Đạo tức là Tứ Đạo sanh lên lần thứ tư là Đạo sanh lên lần cuối cùng, làm phận sự sát tuyệt tất cả lậu hoặc phiền não còn dư sót như ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh và xếp vào ruộng phước xứng đáng được nhân thiên đánh lễ cúng dường.

TỨ ĐẾ

82. Vấn: *Do nhân nào mà cả Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế, Đạo Đế đồng sanh trong sát na tâm Đạo mới gọi là Nhất pháp thể (Ekaṇivedha) và mỗi đế có bao nhiêu ý nghĩa?*

*** Đáp:** Cả Khổ đế, Tập Đế, Diệt Đế, Đạo Đế cùng sanh lên trong sát na tâm Đạo gọi là Nhất pháp thể bởi vì đồng giác ngộ trong một sát na tâm Đạo. Cả Tứ Đế có thực tánh ý nghĩa thật không thay đổi.

Mỗi đế phân ra làm 4 nghĩa nên gom Tứ Đế lại thành 16 ý nghĩa:

Thực tánh Khổ Đế có 4 ý nghĩa:

- 1- Thực tánh áp bức (Piṭṭhattho).
- 2- Thực tánh làm duyên cho sự hội hợp tạo tác (Saṅkhatattho).
- 3- Thực tánh nhiệt não (Santāpattho).
- 4- Thực tánh biến hoại (Vipariṇāmattho).

Thực tánh Tập Đế có 4 ý nghĩa:

- 1- Thực tánh làm nảy mầm sự khổ (Āyuhanattho).
- 2- Thực tánh làm thể hiện quả khổ (Nidānattho).
- 3- Thực tánh kiến tạo hành khổ (Saṃyogattho).

4- Thực tánh giam cầm vào chốn lao tù, tức cảnh giới luân hồi (Palibodhattho).

Thực tánh Diệt Đế có 4 ý nghĩa:

1- Thực tánh giải thoát khỏi tùy phiền não tức ái tập, ái tiềm miên (Nissaraṇattho).

2- Thực tánh vắng lặng phiền não khổ luân hồi (Vivekattho).

3- Thực tánh không làm duyên cho hội hợp tạo tác (Asaṅkhattattho).

4- Thực tánh bất diệt, là pháp bất tử (Amatattho).

Thực tánh Đạo Đế có 4 ý nghĩa:

1- Thực tánh làm cho giải thoát khỏi vòng luân hồi (Niyyanattho).

2- Là nhân liễu tri Níp Bàn (Hetuvattho).

3- Thực tánh liễu tri Níp Bàn (Dassanattho).

4- Thực tánh làm trưởng pháp đồng sanh để liễu tri Níp Bàn (Adhipateyyattho).

83. Vấn: *Hãy giải thích 4 phận sự, 3 luân, 12 thể đạt đến viên mãn trong sát na tâm Đạo sanh lên như thế nào? Hãy giải thích cho đầy đủ.*

*** Đáp:**

4 phận sự:

1- Khổ Đế cần phải biến tri (Pariññakicca).

2- Tập Đế tức ái dục cần phải đoạn trừ (Pahānakicca).

3- Diệt Đế tức Níp Bàn cần phải tác chứng (Sacchikiriya-kicca).

4- Bát Thánh Đạo cần phải tu tiến (Bhāvanā-kicca).

3 luận:

1- Cả Tứ Thánh Đế cần phải học tập cho hiểu (Saccañāṇa).

2- Cả Tứ Thánh Đế cần phải thẩm xét thực hành (Kiccañāṇa).

3- Cả Tứ Thánh Đế cần phải làm cho thành tựu với người thực hành (Katañāṇa).

Trong Pariññā-kicca có 3 luận:

1- Trí biết sự thật (Saccañāṇa).

2- Trí biết phạm sự (Kiccañāṇa).

3- Trí biết đã thành tựu (Katañāṇa).

Có ý nghĩa chính như sau: Khổ, Khổ cần phải biến tri, Khổ đã biến tri.

Trong Pahānā-kicca có 3 luận:

1- Trí biết sự thật (Saccañāṇa).

2- Trí biết phạm sự (Kiccañāṇa).

3- Trí biết đã thành tựu (Katañāṇa).

Có ý nghĩa như sau: Tập, Tập cần phải đoạn trừ, Tập đã đoạn trừ.

Trong Sacchikiriya-kicca có 3 luận:

1- Trí biết sự thật (Saccañāṇa).

2- Trí biết phạm sự (Kiccañāṇa).

3- Trí biết đã thành tựu (Katañāṇa).

Có ý nghĩa chính như sau: Diệt, Diệt cần phải tác chứng, Diệt đã tác chứng.

Trong Bhāvanā-kicca có 3 luân:

1- Trí biết sự thật (Saccañāṇa).

2- Trí biết phạm sự (Kiccañāṇa).

3- Trí biết đã thành tựu (Katañāṇa).

Có ý nghĩa chính như sau: Đạo, Đạo cần phải tu tiến, Đạo đã tu tiến.

Trong 4 phạm sự, mỗi phạm sự có 3 trí hay gọi là 3 luân nên thành 12 thể, 12 thể này có đầy đủ trong sát na tâm Đạo sanh lên như vậy.

84. Vấn: *Biến tri (Pariññā) nghĩa là gì và có bao nhiêu loại? Hãy trình bày ý nghĩa cùng với sự chỉ dẫn?*

*** Đáp:** Biến tri nghĩa là biết thấu đáo, biết toàn diện.

Biến tri có 3 loại:

1- Tuệ tri (Ñātapariññā): Tuệ quán của hành giả ghi nhận danh sắc cùng với duyên của danh sắc.

Hiểu biết về trạng thái, phạm sự, thành tựu, nhân cận của danh sắc được xếp vào lãnh vực biết của tuệ tri (Ñātapariññā).

2- Đạt tri (Tīraṇapariññā): Tuệ quán danh sắc của hành giả theo tam tướng khởi đầu từ Thăm quán tuệ.

Thẩm quán nhóm danh sắc theo các cách thức cho đến Thuận thứ tuệ, được liệt vào lãnh vực biết của đạt tri (Tīraṇapariññā).

3- Đoạn tri (Pahānapariññā): Tuệ quán danh sắc của hành giả hiển lộ xuyên qua tam tướng và đoạn trừ các Diên đảo pháp như Thường diên đảo tướng... hiện hữu trong tam giới.

Kể từ Hoại diệt tùy quán... cho đến Thánh Đạo Tuệ, được liệt vào lãnh vực biết của đoạn tri (Pahānapariññā).

SỰ ĐOẠN TRỪ

85. Vấn: Đoạn trừ (Pahāna) nghĩa là gì và có bao nhiêu loại? Hãy trình bày ý nghĩa của đoạn trừ?

* **Đáp:** Đoạn trừ nghĩa là cắt đứt hay làm cho không sanh lên.

Đoạn trừ có 3 loại:

1- Đoạn trừ tạm thời (Tadaṅgapahāna) do mãnh lực của tuệ sanh lên thấy nguy hại của danh sắc. Như trong sát na tuệ hiệp thế quán thấy nguy hại của danh sắc, thì trong sát na đó cũng đoạn trừ được thân kiến. Hoặc trong sát na tuệ hiệp thế quán thấy khổ của danh sắc thì trong sát na đó đoạn trừ được Lạc điên đảo tưởng...

2- Đoạn trừ do áp chế (Vikkhambhanapahāna) bằng năng lực thiền. Trong lúc tâm thiền đang sanh lên trong sát na đó có thể đoạn trừ pháp triền cái như Dục dục cái... không cho sanh lên và tâm thiền này nếu duy trì được lâu chừng nào thì sẽ đoạn trừ pháp triền cái không cho sanh lên lâu chừng đó. Nếu tâm thiền diệt đi thì triền cái như Dục dục cái... vẫn có thể sanh lên được.

3- Đoạn trừ sát tuyệt (Samucchedapahāna) do mãnh lực tâm Đạo, phiền não đó không thể sanh lên tiếp tục nữa bởi vì đã đoạn trừ hoàn toàn. Nhưng sự đoạn trừ phiền não cũng do mãnh lực của tâm Đạo. Như Sơ

8- Đoạn trừ sự lầm tưởng về hành vi diễn tiến bởi vui thích trong ngũ uẩn bằng Quá hoạn tuệ (Adīnavaññāṇa).

9- Đoạn trừ dục tưởng thái quá bằng Yếm ố tuệ (Nibbidāññāṇa).

10- Đoạn trừ sự tiến tu không tháo gỡ mình thoát khỏi danh sắc được bằng Dục thoát tuệ (Muñcitukamyatāññāṇa).

11- Đoạn trừ si mê đối trị lại bằng Trạch sát tuệ (Patisaṅkhāññāṇa). Tức trí tuệ sắp đặt phương cách để đoạn trừ pháp hành.

12- Đoạn trừ sự không quân bình điều tiết bằng Hành xả tuệ (Saṅkhārupekkhāññāṇa).

13- Đoạn trừ sự chấp thủ sai về Thánh Đế tức chấp thủ “*Pháp hành thường còn*” bằng Thuận thứ tuệ.

(Thanh Tịnh Đạo trang 868 - 869)

87. Vấn: *Hãy trình bày đoạn trừ tạm thời (Tadaṅgapahāṇa) bằng mãnh lực của 18 Đại Minh Quán theo tóm tắt?*

*** Đáp:** Đoạn trừ tạm thời bằng mãnh lực của 18 Đại Minh Quán:

1- Đoạn trừ Thường tưởng bằng Vô thường tùy quán.

2- Đoạn trừ Lạc tưởng bằng Khổ tùy quán.

3- Đoạn trừ Ngã tưởng bằng Vô ngã tùy quán.

4- Đoạn trừ Hỷ ái bằng Yếm ố tùy quán.

5- Đoạn trừ Tham ái bằng Ly tham tùy quán.

6- Đoạn trừ Tập tánh (Samudaya) bằng Diệt tùy quán (Nirodhānupassanā).

7- Đoạn trừ Chấp thủ do ái, kiến trong ngũ uẩn bằng Xả ly tùy quán (Paṭinisaggānupassanā).

8- Đoạn trừ Tưởng cho rằng “*Chỉ đơn thuần là một khối*” do tưởng tiếp nối liên tục không gián đoạn và sự hội tập khối danh sắc bằng Đoạn tùy quán (Khayānupassanā). Tức tuệ thẩm xét sự rời rạc của pháp hành phân rã từng mảnh, thấy là “*Vô thường suy vong*” bởi thực tánh chấm dứt.

9- Đoạn trừ Tích lũy (Āyuhana) tức hành vi nỗ lực làm phát sanh pháp hành như phúc hành... bằng Đoạn tùy quán (Khayānupassanā). Tức thực tánh thấy rõ sự hoại diệt của pháp hành diễn ra cụ thể và trừu tượng, rồi hướng tâm đến diệt tức pháp hành diệt (Saṅkhārabhaṅga).

10- Đoạn trừ Vĩnh hằng tưởng (Dhuvasaññā) cho rằng trường tồn vĩnh hằng trong pháp hành bằng Biến hoại tùy quán (Vipariṇāmānupassanā). Tức tuệ thấy được các pháp hành như chúng sanh... trải qua từng giai đoạn liên tiếp sanh và tử... và hành vi luôn thay đổi theo hai tướng già và chết do pháp hành sanh lên.

11- Đoạn trừ Thường tướng (Niccanimitta) như ghi nhận rằng pháp thường còn bằng Vô thường tướng tùy quán (Aniccanimittānupassanā). Tức thấy rằng hiện tướng đó là Vô thường.

12- Đoạn trừ Ái thuộc lụy (Paṇidhi) sự mong muốn lạc trong các hành bằng Vô thuộc lụy tùy quán

(Appaṇihitānupassanā). Tức tuệ quán chỉ thấy thuần khối Khổ.

13- Đoạn trừ Quyền lực thủ (Abhinivesa) chấp thủ rằng ta, của ta, tự ngã của ta bằng Không tánh tùy quán. Tức tuệ quán thấy rằng rỗng không tự ngã.

14- Đoạn trừ sự Chấp thủ là cốt lõi trong pháp hành không cốt lõi bằng Thượng tuệ pháp minh quán (Adhipaññādharmavipassanā). Tức tuệ thấy được sắc và tâm đang hoại diệt làm cảnh, rồi giữ lấy tánh rỗng không (không có gì kiên cố). Do sự suy hoại bằng tác ý “*Pháp hành thật sự chỉ có hoại diệt*”. Pháp tử vong cũng có từ pháp hành, chẳng có chúng sanh hay người nào khác ngoài pháp hành bị hủy diệt cả.

15- Đoạn trừ Hôn kiến chấp (Sammohabhinivesa) là những hành vi do hoài nghi tác động chẳng hạn như ta là người tư duy, sự tư duy do chính ta, hoặc hoài nghi về quá khứ... và chấp thủ sai lầm “*Chúng sanh thế gian sanh khởi do đấng thượng đế, thần Siva, thần Narai tạo tác*” bằng Như thật tri kiến (Yathābhūtañāḍassana). Tức ghi nhận danh sắc luôn cả nhân duyên cho tương tận thì sẽ dứt bỏ được sai lầm đó.

16- Đoạn trừ Y xứ chấp (Alayābhinivesa) tức chấp thủ ái luyến trong pháp hành bằng cách làm nhân cho ghi nhận tác ý đến khẩu hành nào đó không đáng là chỗ nương tựa cho ái được hiển lộ bằng Yếm ố tuệ (Ādīnavānupassanā). Là tuệ sanh lên do tác động của Kinh hãi tuệ thấy được sự nguy hại trong các hữu. Do đó mới dứt bỏ được ái.

17- Đoạn trừ Si ám (Moha) đối nghịch với pháp hành trí (Saṅkhārāñāṇa) tức thấy được bản chất tam

tướng của danh sắc thì trừ bỏ được si ám bằng Trạch sát tùy quán (Paṭisaṅkhānupassanā). Là tuệ chuẩn bị phương pháp giải thoát mình khỏi pháp hành.

18- Đoạn trừ Thiên chấp kết (Yogābhinivesa) tức sự vận hành diễn tiến của Dục ái phiền não kiết sử (Kāmasaṃyogādikilesa) bằng Ly luân tùy quán (Vivattaṇupassanā). Tức Hành xả tuệ và Thuận thứ tuệ.

88. Vấn: Tác chứng (Sacchikiriya) nghĩa là gì? Có bao nhiêu loại? Hãy giải thích tóm tắt?

*** Đáp:** Tác chứng nghĩa là làm cho thấu đạt được cảnh.

Tác chứng có 2 loại:

Hiệp thế tác chứng (Lokiyasacchikiriya).

Siêu thế tác chứng (Lokuttarasacchikiriya).

** Hiệp thế tác chứng phân thành 2:*

- Tri kiến tác chứng (Dassanasacchikiriya).

- Tu tiến tác chứng (Bhāvanāsacchikiriya).

Tri kiến tác chứng thuộc về hiệp thế dùng để gọi bậc chứng Sơ thiền.

Còn nhị thiền trở lên tên gọi của tu tiến tác chứng.

** Siêu thế tác chứng cũng phân thành 2:*

- Tri kiến tác chứng (Dassanasacchikiriya).

- Tu tiến tác chứng (Bhāvanāsacchikiriya).

Tri kiến tác chứng thuộc về siêu thế, là tên gọi của Nhập Lưu Đạo, bậc đã chứng Sơ Đạo tuệ là tri kiến tác chứng bởi vì thấy Níp Bàn trước Thánh đạo cao.

Còn Thánh đạo cao gọi là tu tiến tác chứng bởi vì phải tu tiến cho tăng trưởng lên hơn Sơ Đạo.

89. Vấn: *Phận sự tu tiến (Bhāvanā-kicca) nghĩa là gì và có bao nhiêu loại? Hãy giải thích đầy đủ ý nghĩa?*

*** Đáp:** Phận sự tu tiến nghĩa là tu tiến cho tăng trưởng thêm lên.

Phận sự tu tiến có 2 loại:

1- Hiệp thế tu tiến (Lokiyabhāvanā): Hành giả tu tiến định, tuệ thuộc hiệp thế cho sanh lên và tăng trưởng hơn ban đầu.

2- Siêu thế tu tiến (Lokuttarabhāvanā): Hành giả tu tiến định, tuệ thuộc về phần tu tiến siêu thế cho sanh lên, tăng trưởng hơn ban đầu.

90. Vấn: *Pháp nào có lợi ích cho tuệ tu tiến (Paññābhāvanā)?*

*** Đáp:** Pháp mà có lợi ích cho tuệ tu tiến có nhiều loại, nhưng gom chung lại có 2:

1- Lợi ích hiệp thế.

2- Lợi ích siêu thế.

Việc tu tiến mà hành giả diệt trừ các phiền não như thân kiến... bằng đoạn trừ áp chế (Vikkhambhanapahāna) và đoạn trừ tạm thời (Tadāṅgapahāna) khởi đầu từ việc ghi nhận danh sắc. Đây là lợi ích của tuệ tu tiến hiệp thế (Lokiyapaññābhāvanā).

Việc tu tiến mà hành giả sát tuyệt các phiền não như kiết sử... trong sát na sanh lên của Tứ Thánh Đạo là

lợi ích của tuệ tu tiến siêu thế (Lokuttarapaññābhāvanā). Và trong sát na thọ hưởng Thánh Quả từ Thánh Đạo cũng gọi là lợi ích của siêu thế tu tiến, cho đến cả nhập thiên quả, nhập thiên diệt cũng gọi là lợi ích của siêu thế.

Việc mà hành giả chứng nhập tám thiên hiệp thế được xếp vào tuệ tu tiến hiệp thế, và khi thẩm xét nghiêm túc thì người làm thành tựu công việc phi thường ở đời mà không ai có thể làm được, cũng xếp vào tuệ tu tiến hiệp thế. Nếu nói theo khía cạnh đặc thù thì người mà đắc thông và thi triển thần thông cũng được xếp vào tuệ tu tiến hiệp thế.

Đây là phần vấn đáp ngài giáo thọ sư Saddhammajotika dhammācariya đã soạn trước khi tịch để làm căn bản cho chương trình bậc trung cấp Thắng Pháp. Nhưng ngài Saddhammajotika dhammācariya đã tịch trước khi hoàn tất.

Tỳ kheo Khải Minh

Mục lục

TIỂU SỬ.....	5
GIỚI THIỆU CÁC PHẦN LIÊN QUAN ĐẾN MINH QUÁN NGHIỆP XỨ.....	10
SỰ LIÊN QUAN CỦA 16 TUỆ MINH QUÁN VỚI THẤT TỊNH.....	14
TÌM HIỂU MINH QUÁN NGHIỆP XỨ.....	28
GIẢI THÍCH 16 TUỆ MINH QUÁN.....	103
TỬ ĐẾ.....	132
SỰ ĐOẠN TRỪ.....	137

**Phường danh thí chủ ấn tổng bộ
Vấn Đáp Minh Quán Nghiệp Xứ**

***Huỳnh Văn Phương
Tô Thị Quốc
Cô Quang Dung 500.000***

— VẤN ĐÁP —
**MINH QUẢN
NGHIỆP XỬ**

Tỷ kheo KHẢI MINH dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập: CẨM HỒNG

Sửa bản in: HỒNG ANH

Trình bày: MỘNG LÀNH

Bìa: NGUYỄN UYÊN

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 38296764 – 38256713 – 38277326

Fax: 84.8.38222726 – Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Website: <http://www.nxbhcm.com.vn> – <http://www.sachweb.vn>

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 38256804 – Fax: 84.8.38222726 – Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Website: <http://www.nxbhcm.com.vn> – <http://www.sachweb.vn>

In số lượng 1000 cuốn. Khổ 14,5 x 20,5 cm

tại CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM

GPXB số: 300-13/CXB/211-30/THTPHCM cấp ngày 08/03/2013

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2013

*Pháp thí, thắng mọi thí.
Pháp vị, thắng mọi vị.
Pháp hỷ, thắng mọi hỷ.
Ái diệt, dứt mọi khổ.*

PC. 354



Chùa Từ Quang

**63 Trần Bình Trọng, Phường 1, Quận Gò Vấp
Thành phố Hồ Chí Minh**